

I THÁNG 8 NĂM 1967

BACH KHOA T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười một

NGUYỄN VĂN TRUNG *việc giảng dạy triết-học trong*
viễn tượng một triết-học dẫn thân * VÕ QUANG YẾN
hội nghị Pugwash : khoa-học và hòa-bình * NGUYỄN
HIỂN LÊ *Ben Gourion người xây-dựng quốc-gia Do*
Thái * THÍCH MÃN GIÁC *tinh thần đại-học* * NGUYỄN-
VĂN TRUNG *đại học và phát-triển quốc-gia* * NHƯ -
UYÊN *chức Phó Tổng Thống, nếu bị khuyết* * NGUYỄN
HIỂN LÊ *ý nghĩa cái chết của giáo sư Trần-Vĩnh Anh* *
MAI SƠN *khóc bạn* * TỪ TRÍ *thế giới trong những tuần*
qua * ĐỖ TIẾN ĐỨC *má hồng* * TRẦN HUIỀN AN
 nổi thềm nghe nói * VÕ HỒNG *gió cuốn* * BÁCH
KHOA THỜI ĐẠI *đọc sách giúp bạn* * TRẦN
HOÀI THƯ *những giọt nước mắt của bé Danh* *
HỮU PHƯƠNG *hình ảnh*
hôm nay * TRĂNG THIÊN
thời - sự văn - nghệ *

254





l'aisance respiratoire



Asthme Emphysème

CORTIDASMYL

**broncho-dilatateur
anti-allergique
anti-inflammatoire**

**dyspnées
chroniques**

asthme à dyspnée chronique
emphysème, sclérose pulmonaire, bronchite chronique

**dyspnées
subaiguës**

asthme léger ou moyen
pneumopathie aiguë chez un insuffisant respiratoire
poussées aiguës des pneumopathies chroniques

**états allergiques
respiratoires**

coryza spasmodique, toux spasmodique

Boîte de 20 comprimés dosés à

prednisonne	1,5	mg
théophylline	80	mg
phénobarbital	10	mg
chlorhydrate d'éphédrine	10	mg
par comprimé.		



Distributeur : UFFARMA CONG-TY

20 A, BEN BACH-DANG — SAIGON

BACH

KHOA THỜI-ĐẠI

Số 254 ngày 1-8-1967

NGUYỄN VĂN TRUNG <i>việc giảng-dạy triết-học trong viễn-tượng một triết-học dẫn-thân</i>	3
VÕ QUANG YẾN <i>hội-nghị Pugwash : khoa-học và hòa-bình</i>	10
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>Ben Gourion, người xây-dựng quốc-gia Do-Thái</i>	15
THÍCH MÃN GIÁC <i> tinh-thần đại-học</i>	24
ĐỖ TIẾN ĐỨC <i>má hồng (truyện dài)</i>	31
NGUYỄN VĂN TRUNG <i>đại-học và phát-triển quốc-gia : tự - trị đại - học</i>	45
NHƯ UYÊN <i>chức Phó Tổng-Thống, nếu bị khuyết ?</i>	50
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>ý nghĩa cái chết của giáo sư Trần-Vĩnh-Anh.</i>	54
MAI SƠN <i>khóc bạn (thơ)</i>	58
TRẦN HUIỀN ÂN <i>nỗi thèm nghe nói (truyện ngắn)</i>	59
BÁCH KHOA THỜI ĐẠI <i>đọc sách giúp bạn (Giọt thời gian (Mộng-Trung); Mưa không ướt đất (Trùng-Dương), Bảng lược đồ văn-học Việt-Nam (Thanh-Lãng.)</i>	64
VÕ HỒNG <i>gió cuốn (truyện dài)</i>	69
TRẦN HOÀI THƯ <i>những giọt nước mắt của bé Danh (thơ)</i>	76
HỮU PHƯƠNG <i>hình ảnh hôm nay (thơ)</i>	77
TỪ TRÌ <i>thế giới trong những tuần qua</i>	78
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	82

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa-soạn :

160 Phan Đình Phùng Saigon

Đ.T. 25.539

H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133 Võ Tánh Saigon

GIÁ: 25\$ Công sở : Giá gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

HỘP THƠ

Bách-khoa Thời-đại đã nhận được những bài sau đây :

Hôm nay (Yết-Trang) Hai mươi tháng bảy (Duy-Phương), Dưới chân hoài vọng; Lời tiễn đưa; Xuống dốc; Hộp mặt (Đông-Nhật-Thanh), Mùa hè của chàng; Nói một mình (Nguyễn-Bách-Dương), Về một mùa gặt mới (Trần-dạ-Lữ), Xin là con sông dài; Hai con con trâu trắng (Ngô-Tử), Giấc mơ (Tấn-Nguyễn), Trên đầu ngọn tháp; Lời buồn của tuổi; Chúc thư của người con trai; Chứng tích (Từ-Thế-Mộng), Bài đèo Cù-Mông; Bài đèo Sơn (Yến-Nguyên-Thanh), Người ra chiến trường; Sầu ly loạn; Đêm canh trên đồi (Thao-Minh-Triết), Tiếng nói học trò; Niềm hy vọng sau cùng (Võ-Quê), Phận tôi; năm tôi 20 tuổi; Em bây giờ (Thủy-Triều), Nỗi buồn trong đời sống (Hoàng-Đình-Huy-Quan), Nguồn thương trên cao (Nguyễn-Hậu), Sợi dây (Du-Y), Hồ thăm mù sương; Bóng tối lên hồn (Hàn-Thế-Phong), Tuổi đen (Vương-Linh), Niềm đua (Võ-Bằng), Mỹ chánh và thần thoại (Nguy-Ngữ), Phiên gác đêm mưa (Võ-Thành-Nam), Ghềnh đá chiều; bất lực (Hoàng-Lạc-Chương), Phan-Thành-

Tài (Lê-Uớc), Bệnh thời đại (Thế-Lan).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ THƠ và trường hợp đặc biệt có thư riêng) thì các bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

— Ô. Hoàng-Thao Chúng tôi đã nhận được bài về đề-nghị cải cách cuốn lịch. Xin ông cho biết bài đó ông viết theo tài liệu nào hay đó là sự nghiên-cứu và đề-nghị của riêng ông.

— Ô. Thái-Khắc-Lễ (Huê) Đã nhận được bài về Einstein. Trân trọng cảm ơn ông và sẽ xin có thư riêng.

Ô. Trần-Tuấn-Thanh (Nha-Trang). Đã gửi tặng ông một số 249 Những «nhận xét» của ông sơ sài quá.

— Cùng quý bạn gửi bài cho Bách-Khoa Thời-đại ;

Xin lưu ý quý bạn viết một mặt giấy, (nếu không đánh máy thì viết chữ lớn và rõ ràng để khi sắp chữ khỏi lẫm) và nhất là ghi rõ tên thực cùng địa chỉ hiện tại để tòa soạn tiện liên lạc.

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ-thuật nên các bài « Văn-nghệ Miền Nam nhìn từ Miền Trung » của Nguyễn-văn-Xuân và « Chúa Yêsu trước quyền chính trị của L. M. Hồ-Đình phải gác lại đến số tới.

Ngoài ra loạt bài « NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN » của Đoàn-Thêm sẽ qua phần 1954 — 1963 với bài « Quan tâm chế độ tân » trên những số tới.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng các tác giả trên đây và quý vị độc giả Bách-Khoa.

Tòa soạn Bách-Khoa Thời-đại

việc giảng dạy triết-học trong viễn-tượng một triết-học dẫn thân

Khi chuyển nền học chính Pháp sang học chính Việt, người ta đã chỉ bằng lòng dịch chương trình Pháp sang chương trình Việt, hoặc thêm bớt đôi chút. Đó là tình trạng chung cho các bộ-môn và cho cả hai ngành Đại-học và Trung-học. Riêng về Triết-học, sau ít lâu người ta thấy chương trình học có vẻ tây quá, nên thêm một phần Triết-Đông vào một cách miễn cưỡng. Nhưng trong thực tế, ở Trung-học, phần triết Đông không được giảng dạy hay có dạy nhưng không ra đề thi, nhất là phần siêu-hình-học. Còn ở Đại-học Văn-khoa, Triết-Đông ngang hàng với Triết-Tây, nhưng không liên quan gì với nhau, như thể hai đường song song, và cũng chẳng rõ chạy về đâu, nhất là phần Triết-Đông.

Đã hẳn không thể bằng lòng tình trạng trên, nhưng cũng không thể thỏa mãn với những cái tổ chấp nối, vá-viu. Phải tiến tới một cái tổ hợp lý, nhưng chỉ có thể tiến tới một cái tổ hợp-ly, nếu trước hết suy nghĩ về nền tảng chế độ giảng dạy triết-học trong hệ thống giáo dục bắt chước Pháp hiện nay, và phê phán triệt để nền tảng đó.

Lớp triết ở trung-học là một tổ chức đặc biệt Pháp, vì hầu hết các

hệ thống giáo dục khác đều không có lớp triết như năm cuối cùng và kết thúc bậc trung-học. Cho đến đầu thế kỷ XX, tất cả học sinh ban trung học đều phải học một năm triết-học: ở lớp cuối cùng.

Việc tổ chức lớp triết ở trung học dựa vào một quan niệm giáo dục coi mục đích của ban trung học là nhằm đào tạo văn hóa tổng quát và có tính cách trường giả. Đào tạo văn hóa vì không hướng ngay về chuyên nghiệp, dạy nghề; có tính cách trường giả vì chỉ dành riêng cho con cái thuộc từng lớp trường giả; con cái bình dân được hướng về những trường kỹ-thuật ngay sau khi xong ban tiểu học; do đó hệ thống Lycée đưa tới đại-học thường chỉ dành cho con cái trường giả.

Nhưng sự tiến bộ khoa-học kỹ-thuật bắt đầu gây khủng hoảng giáo dục, đặc biệt ở lớp triết, lớp cuối cùng ban trung học. Nhu cầu dạy nghề sửa soạn chuyên khoa, đồng thời tinh chất dân-chủ-hóa của nền văn minh kỹ thuật làm rạn nứt lớp triết, đưa đến việc thành lập vào khoảng năm 1900 lớp toán học, bên cạnh lớp triết, dạy toán nhiều giờ hơn dạy triết. Đến năm 1942, lại mở thêm một

lớp Đệ-nhất thứ ba : lớp khoa-học thực-nghiệm. Kết quả là giờ triết trở thành môn phụ và dạy một cách miễn cưỡng trong các lớp toán, khoa học, đồng thời những lớp này cũng thu hút đa số học sinh, và nhất là nam sinh.

Từ tình trạng sa sút trên của triết lý, có người nêu ý kiến bỏ hẳn môn triết học ở lớp Đệ nhất, hoặc chưa bỏ hẳn được thì coi như một môn miễn cưỡng, phụ thuộc, xa xỉ...

Vấn đề bỏ hay giữ lớp triết ở năm cuối cùng ban trung học tùy thuộc vào một quan niệm về giáo dục ở bậc trung học : trung học chủ yếu nhằm đào tạo văn hóa hay sửa soạn nghề nghiệp ; đồng thời cũng tùy thuộc vào quan niệm về triết học : triết học xa rời thực tế cuộc đời trước mắt và khoa học kỹ thuật hay triết học gắn liền với mọi nỗ lực nhận thức tìm kiếm khoa học và với cuộc đời muôn vẻ ?

Vấn đề trên cũng đặt ra ở bậc Đại học. Căn cứ vào một quan niệm về giáo dục mới và một quan niệm về triết học dân thân, có nên có cần thiết lập những lớp Triết ở tất cả các phân khoa, chứ không phải chỉ ở Văn khoa : triết học hiểu như một tri - thức - luận của khoa-học (épistémologie des sciences) và như một ý-thức-hệ (idéologie) ?

Một quan-niệm về triết-học.

Khi nói đến triết học, phản ứng hầu như tự nhiên của dư-luận là mỉm cười một cách châm biếm hay mỉa mai vì đã coi triết-học là cái gì cao xa, trừu tượng, gàn dở, cách biệt với thực-tế.

Những điều đã học được ở lớp triết đệ-nhất, có lẽ với số đông, chẳng còn âm hưởng tác dụng gì sau khi đã

rời bỏ trung học, lên đại học, hay khi lặn lộn ngoài đời. Thực ra, sở dĩ phải học triết chỉ vì triết là một môn trong chương trình, và học để đi thi ; thi xong là hết, thế thôi. Hoặc đôi khi đọc sách báo, gặp phải triết-học, cũng lại chỉ thấy một mớ lý luận trừu tượng, tối tăm, lẫn lộn, lập dị, không liên quan gì đến những bận tâm thiết thực của mình về phương diện kiến - thức chuyên môn hay về phương diện những vấn đề, những khó khăn do đời sống thực tế hằng ngày đặt ra.

Những thiên kiến, ngộ nhận đối với triết học, sở dĩ có, một phần lớn cũng tại triết học, khi triết học xuất hiện chỉ như một hư ngôn, tách biệt khỏi cuộc đời. Nói cho đúng, triết học có bàn về cuộc đời, nhưng là cuộc đời hiểu theo những khái niệm tổng quát, những ý tưởng đời đời, chứ không phải cuộc đời trước mắt, trong những hoàn-cảnh cụ - thể, thiết thực và thiết thân. Nhà triết - học tạo ra một vũ trụ khép kín, trống rỗng, không liên quan gì với đời sống thực sự, hoặc vì không chú ý đến đời sống cụ thể, hoặc có chú ý đến, nhưng lại chỉ suy nghĩ nó một cách trừu tượng, khởi điểm từ ý-niệm, nguyên-tắc, không phải từ chính thực-tại.

Tư-tưởng tách rời khỏi thực-tế, không chú ý đến thực-tế, phản ảnh một tình trạng vong-thân tư-tưởng. Tư-tưởng tự thiết - lập thành một thế-giới riêng và tin như thế, chẳng qua chỉ vì đã quên những điều-kiện vật chất đã cho phép sự tách biệt và do đó tư tưởng tách biệt thực sự vẫn bị qui định, bị điều-kiện vật chất chi phối. Tư-tưởng vong thân vì không ý thức được sự chi phối đó, đồng thời

cũng không còn có nữa. Tư tưởng cái gì, để làm gì. Tư tưởng sẽ trở thành rỗng tuếch, vô nghĩa khi không gắn liền với thực tại.

Tư tưởng cũng còn vong thân và hơn nữa là ảo-tưởng ngay cả khi tư tưởng chú ý tới thực tế, muốn giải quyết những vấn đề của thực tế, nhưng tưởng rằng đã có thể giải-quyết những vấn đề cuộc đời cụ-thể đặt ra chỉ bằng những ý tưởng, trên địa-hạt lý-thuyết. Nói cách khác, triết-lý tư-tưởng về cuộc đời cụ-thể, nhưng lại không bám sát vào thực-tại cụ-thể, mà chỉ suy diễn bằng những khái-niệm, hơn nữa cũng không gắn bó với một hành động tranh đấu, do đó không thể tác dụng gì được vào thực tại và tư tưởng dần dần trở thành bất lực, vô ích như lời phê phán của một nhà triết-học: « Họ quên rằng chính họ đã chỉ lấy những câu đối-lập với những câu, chứ không hề nhằm chống lại thế giới đích thực và vì thế họ chỉ chống lại những câu.» (Ý-thức-hệ Đức).

Tình cảnh vong-thân của triết-lý đứng vững và những ảo-tưởng của triết-lý dần-thân không xóa bỏ triết-học mà chỉ tố cáo một tình cảnh lảm than và một quan-niệm suông, đồng thời bày tỏ sự cần thiết có một triết-học gắn liền với thực-tế và thực sự sửa soạn, chuẩn-bị cho hành động hiệu-nghiệm.

Triết học và Khoa học

Triết-lý, ở khởi điểm lịch sử, Đông cũng như Tây, đều xuất hiện như một đạo-lý chủ yếu nhằm hướng dẫn cuộc sống, hành động. Sau đó triết-học Tây phương dần dần thu hẹp chỉ như một tri-thức, chủ-yếu nhằm biết để mà biết, và cuối cùng, chỉ còn là một phê-bình những điều kiện tri-thức, nghĩa là chủ yếu nhằm tìm hiểu, không phải để biết điều

nọ điều kia, mà là có thể biết được không, và nếu có thể biết, thì biết được đến đâu. Suốt mấy thế kỷ triết-học Âu-châu chỉ lẩn quẩn với tri-thức-luận, không thoát khỏi vấn đề đó; rồi vì không thể giải quyết ổn thoả, cho nên bỏ quên mọi sự, và dĩ nhiên bỏ quên cả cuộc đời... Triết học Đông phương sau khi một vài hệ-thống lớn ra đời, cũng không sao thoát khỏi sự ràng buộc với những hệ-thống đó và cứ kéo dài mãi tình trạng ngưng đọng cho đến lúc tiếp xúc với tư-tưởng và văn-minh tây phương.

Thế-giới ngày nay dưới sự chi phối của tri - thức khoa - học và nền văn minh kỹ thuật, vẫn chưa tìm ra một thế-giới-quan có khả năng giải thích toàn thể một cách hợp lý và đích thực. Đã hẳn triết học cổ-điển tây phương và đông phương, hoặc là không chú ý tới thế giới ngày nay, hoặc là để ý tới nhưng bất lực, không giải thích được vì thiếu những lược đồ, phạm trù thích hợp. Một vài khuynh-hướng triết-học hiện-đại thể hiện qua các phong trào mác-xít, hiện-sinh, nhân-vị của Mounier, là những nỗ lực nhằm lãnh hội và giải-thích thế-giới ngày nay bằng những phạm-trù lược-đồ mới, tuy chưa hẳn đạt tới một giải-thích thỏa đáng, nhưng quả thực là đã gắn bó với thực-tế cuộc đời.

Trong một quan-niệm coi triết-lý gắn liền với mọi khía cạnh của thực-tại và mọi sinh-hoạt của con người, dĩ nhiên triết-học liên-quan với khoa-học. Suy-tưởng triết-học bắt đầu từ những kiến-thức khoa-học nhằm xác định ý-nghĩa, đối-tượng, lãnh-vực của tri-thức khoa-học trong toàn-thể tri-thức của con người và xác định toàn-thể tri-thức trong toàn-thể sinh-hoạt của con người.

Nói cách khác, triết-học là một ý-hướng bao quát, một dự định toàn-thể-hóa cuộc đời. (1) Vấn-đề không phải là có thực-hiện được dự-định đó hay không, và nhất là thực hiện được mà kết quả là những hệ-thống, có đích đáng chân thực hay không; vấn-đề là con người có tránh được dự-định toàn-thể-hóa cuộc đời hay không. Nếu không thể tránh được, triết học sẽ là một nhu-ầu, và phải được biện minh.

Khi Marx nói: «Nhân loại chỉ đặt những vấn-đề nó có thể giải quyết được», ông có ý đả kích những triết-học như một nỗ lực giải quyết những vấn đề không thể giải quyết được vì không phải là vấn đề của con người trong hoàn cảnh sinh sống cụ-thể của mình.

Thực ra, nhân loại luôn luôn đặt hai loại vấn-đề một: loại có thể thực sự giải quyết dần dần được, đó là những vấn đề thuộc lãnh-vực người đời (vấn-đề cơm áo, giao thiệp, khoa học, kỹ thuật...) và một loại vấn-đề không bao giờ giải quyết dứt khoát được mà vẫn phải đặt đi đặt lại mãi mãi, đó là loại vấn đề đụng chạm đến ý-nghĩa toàn-thể đời người. Con người vẫn phải đặt những vấn đề không giải quyết dứt khoát được và giải pháp đề ra không có giá trị khách quan phổ-biến cho mọi người, chỉ vì con người là một vật biết tra hỏi và không thể không tra hỏi về ý-nghĩa mỗi khía cạnh thực-tại, mỗi sinh hoạt của mình, và sau cùng, tra hỏi về ý nghĩa toàn thể thực tại, toàn-thể sinh-hoạt cuộc đời; tra hỏi để làm gì để có thể sống như là người. Con người có thể gán cho toàn thể thực-tại, toàn-thể cuộc đời mình một ý nghĩa, quan-niệm nào đó, nhưng nó không thể không gán cho thực tại, cuộc đời một ý nghĩa, nghĩa là nó không thể tránh được triết lý.

Bất cứ một sự-khien nào của thực tại, một sinh-hoạt nào của con người, cũng đều có thể là con đường đưa tới suy tư triết học, nghĩa là thực hiện ý hướng bao quát cuộc đời, dự-định toàn-thể-hóa thực-tại. Trong viễn tượng đó những triết-học buộc các nhà khoa học phải chú ý, là những triết-học bắt đầu từ khoa-học và có lẽ cũng chỉ những triết học đó mới thực sự nghiêm chỉnh. Người ta có thể nghi tới triết-học của Merleau-Ponty dựa vào những kiến thức của tâm-lý-học thực nghiệm như bệnh-lý-học và tâm-lý-học loài vật, triết-học của Claude Lévi-Strauss xuất phát từ những sưu tầm hiện-đại nhất về nhân-chủng-học, và nhất là triết học của Teilhard de Chardin. Căn cứ trên những kiến-thức về cồ-sinh-vật học, linh-mục đã phác họa một cái nhìn bao quát không những thực tại, cuộc đời này, mà còn cả vũ trụ trong lịch trình diễn tiến của nó, từ khởi điểm đến tận cùng lịch sử. Người ta, kể cả các nhà khoa học, có thể hoài nghi hoặc không đồng ý về vũ-trụ-quan của Teilhard de Chardin, nhưng không thể hoài nghi căn-bản từ đó linh mục phác họa cái nhìn bao quát và do đó tính cách nghiêm chỉnh trong dự-định toàn-thể-hóa của linh mục.

Triết học là một dự định nhận-thức về toàn-thể, khởi điểm từ kiến-thức khoa học, nhưng vượt kiến-thức khoa học. Khoa học tìm hiểu những sự kiện vật-lý-hóa-sinh trong lãnh vực hiện-tượng vật chất. Sự tìm hiểu khoa-học chỉ chính đáng và hiệu-nghiệm trong giới hạn

(1) Dự-định toàn-thể-hóa là dự-định nhận-thức gán cho cuộc đời toàn-diện một ý-nghĩa nào đó.

trên. Nhưng khi tìm hiểu khoa học như một bộ-môn nhận-thức liên quan với toàn thể các bộ môn nhận-thức để bày tỏ ý nghĩa của mối liên quan đó, sự tìm hiểu vượt khỏi lãnh vực khoa học, đồng thời cũng không thể thực hiện được với những phương tiện khoa học. Hỏi vật-lý là gì trong viễn-tượng liên-hệ vật-lý với toàn-thể nhận-thức thì đó không phải là một câu hỏi vật-lý, cho nên vật-lý-học cũng không thể giải đáp được, vì câu hỏi vượt quá lãnh vực, phương pháp, khả năng vật-lý-học. Khoa học có đối tượng nghiên cứu sự kiện nọ, sự kiện kia, nhưng còn chính khoa học không bao giờ là đối tượng nghiên cứu của khoa học. Trong thực tiễn làm công tác khoa học, chỉ có những khoa học, không có khoa học, và ý-niệm khoa học tự nó đã là triết-học.

Triết-học không cần thiết cho nhà khoa học với tư cách là nhà khoa học, trong thực-tiên nghiên cứu khoa học, nhưng cần thiết cho nhà khoa học với tư cách con người đứng trước công trình khoa học. Với tư cách nhà khoa học, việc nghiên cứu khoa học nhằm tìm hiểu ý nghĩa vật-lý của sự kiện vật chất; nhưng nhà khoa học không thể không tìm hiểu ý-nghĩa nhân-loại của sự kiện vật chất vì nhà khoa học là con người dùng khoa học. Một vài trường hợp đặc biệt bó buộc nhà khoa học vượt lãnh vực thuần túy vật lý để tìm hiểu ý nghĩa nhân loại (luân lý, triết-lý) của việc nghiên cứu khoa học như một đòi hỏi gắn liền với chính việc nghiên cứu khoa học. Chẳng hạn vật-lý nguyên-tử. Việc nghiên cứu nguyên-tử thúc đẩy nhà bác học phải suy nghĩ đến những hậu quả nhân loại của sự phát minh và sử dụng nguyên-tử-lực. Bom nguyên tử đã gây một khủng

hoảng tinh thần, một thức tỉnh luân-lý ở nơi các nhà bác học khi họ buộc phải tra hỏi về khả năng tàn phá của nguyên-tử lực. Những Einstein, Oppenheimer, đã phải thắc mắc về số phận nhân loại và nhận ra rằng «*ý-niệm và tiến bộ khoa học từ nay mật thiết gắn liền với ý-niệm và số phận nhân-loại.*»

Ý-niệm «số phận» không phải là một ý-niệm khoa học nhưng là một ý-niệm luân lý, triết lý; tuy nhiên ý-niệm số phận không còn phải là của riêng nhà triết học, luân lý nhưng là của cả nhà khoa học. Nó chi phối, quyết định việc nghiên cứu của nhà bác học. Những vụ một số nhà bác học chuyển tài liệu mật về nguyên tử, hay trốn sang một quốc gia thù địch chứng tỏ sự chi-phối ý-thức đạo-đức, lương-tâm nhân-loại trong công trình nghiên cứu khoa học. Hơn nữa những vụ đó còn bày tỏ sự phá sản của luân-lý cựu truyền về quốc gia, tồ quốc. Những giá trị hay phản giá trị như lòng ái quốc, sự phản bội dân tộc, không còn nghĩa gì khi chính số-phận nhân-loại bị đe dọa ngay trong sự sống còn của nó. Chính bởi thế mà những nhà bác học trên không ngần ngại tiết lộ bí mật nguyên-tử khi nghĩ rằng không thể để cho một nước độc quyền bí-mật nguyên-tử, dù nước này là nước mình, vì độc quyền nguyên-tử-lực bao hàm mối đe dọa thống-trị bá-chủ thế-giới. Do đó, khoa-học không phải là toàn-thể nhận-thức, càng không thay thế được toàn-thể nhận-thức, trái lại thiết-yếu gắn liền với những nhận-thức khác (đạo-đức, triết-học) như một đòi hỏi phương-pháp-luận (exigence méthodologique) của chính việc nghiên-cứu khoa-học. Nhà khoa-học phải từ bỏ dự định ngây thơ giản-lược mọi nhận-thức vào

khoa-học, vì chính quả quyết chỉ có khoa học mới là trí-thức chân-thực, đã là một quả quyết triết-lý rồi ; thái độ khoa-học là thái độ quả quyết hay phủ nhận điều gì đặt trên cơ - sở thực-nghiệm, nghĩa là có thể kiểm-chứng bằng thí-nghiệm. Như thế, việc quả quyết chỉ có khoa học (giản-lược toàn thể thực-tại vào khía cạnh vật-chất, toàn thể khả-năng nhận thức vào khả năng thực-nghiệm) không phải là một quả quyết khoa học, vì chưa có đủ sự-kiện chứng-minh thực-tại chỉ là vật-chất.

Berthelot đã viết : « Thế giới ngày nay không còn huyền-bí nữa. Dù sao vũ-trụ vật-chất cũng là lãnh vực của khoa học, và không ai dám chống lại đòi hỏi đó. Khái-niệm phép lạ và siêu-nhiên tan biến như một ảo-ảnh vô ích, một thiên-kiến lỗi thời. » Đó là một tuyên-ngôn như thể một tuyên-xung đức tin của người tín-hữu. Nếu hiểu huyền-thoại là một niềm-tin vào một điều gì được coi như chân-lý hiển-nhiên, nhưng không dựa trên một nền tảng kiểm-chứng nào, thì niềm tin ở khoa học là một huyền-thoại : tin ở khả năng vô hạn của khoa học, tin khoa học có thể giải quyết được mọi vấn đề, tin chỉ có vũ-trụ hợp-lý... Niềm tin trên đây có tính cách huyền-thoại và không có giá-trị khoa-học, vì thực sự khoa-học chỉ giải quyết được một số vấn-đề nhất định, và cái hợp-lý khoa-học không phải là toàn-thể cái hợp-lý (le rationnel). Khoa học càng tiến bộ, càng giải quyết được nhiều vấn đề, và do đó, như thế càng mở rộng cái hợp-lý và thu hẹp cái huyền-bí của vũ-trụ ; nhưng phải chăng thực ra, tiến-bộ khoa-học chỉ làm cho ta ý-thức sâu xa hơn

tính cách hạn hẹp của cái hợp-lý khoa-học, và tính cách mệnh mang của huyền-bí vũ-trụ như Einstein đã nói : « Vũ-trụ này có thể hiểu được, nhưng điều không thể hiểu được chính là sự-kiện vũ-trụ này có thể hiểu được. » Vũ-trụ này có, và khoa-học tìm hiểu những định-luật giải-thích sự vận-chuyển và cách cấu tạo của nó. Luôn luôn khoa-học bao giờ cũng chỉ là đứng trước cái đã có hay đang có, cái có đấy rồi. Nhưng nếu hỏi tại sao vũ trụ có như thế đấy, thì vấn đề nguồn-gốc hiện-hữu của vũ-trụ vượt khỏi lãnh-vực khoa-học vì khi nhà khoa học bắt đầu tìm hiểu sự-kiện, vũ-trụ, thì sự-kiện, vũ-trụ đã có đấy rồi, trước khi nhà khoa-học suy-nghi về nó. Sự hiện-hữu bao giờ cũng tồn-tại trước sự suy nghĩ về nó.

Cũng như chính nhà khoa-học, sở dĩ có thể suy-nghi về khoa-học, là vì nhà khoa học không phải chỉ là đối-tượng khoa-học, như Jean Lacroix đã nói : « Con người không thể là nhà sử-học nếu chỉ thuần-túy là một vật lịch-sử, cũng như không thể là nhà kinh-tế-học nếu chỉ thuần-túy là một vật kinh-tế. »

Nếu hiểu triết-học chỉ là dự định toàn-thể-hóa, một ý-hướng về cái nền-tảng, đã rõ triết-học gắn liền với mọi bộ-môn khoa-học, không những khoa-học thiên-nhiên, mà nhất là khoa-học xã-hội, nhân-văn. Không thể chỉ học luật như một kiến-thức chuyên-môn (chỉ biết luật) mà không đặt pháp-lý vào một toàn-thể để tìm hiểu ý-nghĩa và giá-trị đích thực của nó trong toàn-thể (toàn-thể nhận-thức, và toàn-thể thực-tại xã-hội chính-trị).

Do đó, nếu quan-niệm bậc Trung-học chủ yếu nhằm đào tạo văn-hóa,

nghĩa là đào tạo con người, không thể bỏ qua triết-học là bộ-môn nhằm kêu gọi, đặt những vấn-đề thái-độ của con người trước cuộc đời, trước những sinh-hoạt của con người (nhận-thức, hành động), ở lớp kết thúc bậc trung-học.

Hơn nữa trên Đại-học, cũng không thể chỉ dành môn triết-học cho riêng Đại-học Văn-khoa, nhưng là cho tất cả mọi phân-khoa. Chỉ có nền Đại-học

Pháp, chịu ảnh hưởng nặng nề của chủ-nghĩa thực-nghiệm lỗi thời, đã gạt triết-học ra khỏi các phân-khoa, trong khi ở Đức mỗi giáo sư trung-học đều có thể dạy hoặc triết-học hoặc một môn khác (Văn, Sử, Toán, Khoa học), ở Bỉ năm đầu các phân-khoa đều có giờ triết, ở Ý mọi phân-khoa Luật đều có một ghế về triết-lý pháp-lý.

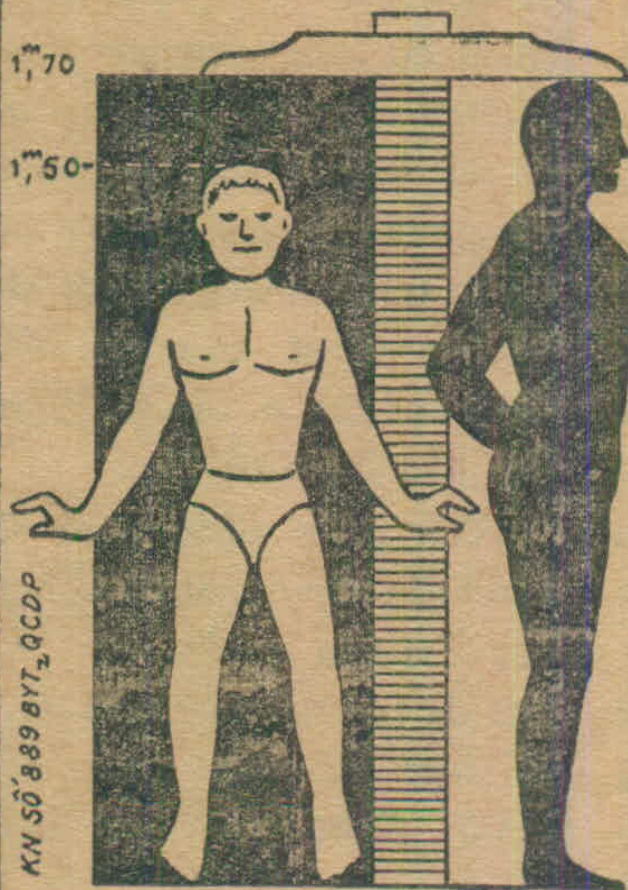
(Còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Kỳ tới : Triết học với đời sống.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- BỆNH YẾU PHỔI.
- HO _ MỆT MỎI .

- MỖI LẦN PHA 1 ÔNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
- CẢ GIA-ĐÌNH ƯỚNG THAY THỂ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ?

Hội nghị Pugwash :

KHOA HỌC và HÒA BÌNH

Pugwash, một phong-trào ít được nghe nói đến, nhưng đáng được biết nhiều hơn.

ALFRED KASTLER,
giải Nobel vật lý học 1966

Ngày 2-8-1939, trong lúc ở Âu châu, Đức quốc-xã rộn rịp sửa soạn thế-chiến thứ hai, ba nhà vật lý học lại viếng nhà thông thái lừng danh Albert Einstein ở Institut for Advanced Study tại Princeton bên Hoa-kỳ : Enrico Fermi, người Ý, giải Nobel năm 1938; giáo sư ở viện Đại học Columbia ; Léo Szilard, người Hung, giải Nobel năm 1953, cũng là giáo sư ở Columbia ; Eugene Wigner, cũng người Hung, giải Nobel năm 1963, giáo sư ở Princeton. Ba người khách này trình bày cho ông Einstein hay bên Đức cuộc khảo cứu về khí giới tối tân đang tiến hành nhanh chóng, công tác bắn nút nguyên-tử của Otto Hahn và Fritz Strassman rất có thể đưa lại nguyên-tắc chế tạo một quả bom mãnh liệt... Ba người khách đều định ninh cần phải báo cho chính phủ Hoa-kỳ và Tổng thống Roosevelt biết mà chỉ có ông Einstein là đủ uy tín để làm việc ấy. Biết bao phân vân, biết bao lưỡng lự trong lòng một con người mến chuộng hòa bình, hằng mong đem khoa học phụng sự nhân loại mà không hề muốn giết chóc một ai. Sau cùng ông chịu ký tên vào một bức

thư báo cho chính phủ Hoa-kỳ rõ chất urani có thể là một nguồn năng lượng lớn và từ đây có thể đem dùng làm một khí giới vô cùng mạnh mẽ. Chữ ký của Einstein đã dẫn đường lại hai quả bom Hiroshima và Nagasaki, nhưng trước sức tàn phá khốc liệt của hai quả bom ấy một cuộc tao động lương tâm đã chớm nở trong tim gan mọi chuyên-gia có dính dấp đến nguyên-tử-lực. Cuộc nổ dữ dội đã làm lay chuyển tháp ngà vững chắc của các nhà bác học và đặt họ trước trách nhiệm đối với xã-hội. (1) Họ hết còn có thể bảo chỉ biết phụng sự khoa học thuần túy và không cần dính dấp đến chính trị.

Năm 1946, nhân danh Chủ tịch Ủy ban khẩn cấp các nhà bác học nguyên tử, ông Einstein tuyên bố : " Chính khoa học đã tạo ra nguy hiểm đó, nhưng vấn đề thực sự nằm trong tâm trí con người. Không phải nhờ một kỹ thuật mà ta thay đổi được tim kẻ khác mà là nhờ thay đổi tim ta và có can đảm nói ra. Ta cần phải tỏ ra rộng lượng và chia xẻ cho mọi người sự hiểu biết của ta về những sức lực của thiên nhiên

sau khi thiết lập những phương sách bảo vệ chống lạm dụng. Ta không phải chỉ chịu khuất phục một thẩm cấp thượng đẳng, rất cần yếu cho cuộc bảo an thế giới, mà trái lại phải tìm kiếm tích cực một thủ hộ tương tự. Ta cần phải hiểu không thể công tác vừa cho chiến tranh vừa cho hòa bình. Chỉ khi nào tâm trí ta đã quyết định thì ta mới đủ can đảm để vượt khỏi nỗi sợ ám ảnh thế giới ».

Đồng thời với vụ án Robert Oppenheimer thạc mắc trong lương tâm (2), những nhà vật lý học đã khảo cứu về nguyên tử lực ở Anh cũng như ở Mỹ, liền họp nhau lại thành nhóm, thành đoàn, xuống đường giải thích cho công chúng biết những hậu quả quân sự và chính trị, những nguy hiểm của bức xạ và những ứng dụng hòa bình của nguyên tử lực. Rời khỏi phòng thí nghiệm, kính hiển vi, đàn thú vật, chai lọ, thuốc men, những nhà khảo cứu khác đang tìm kiếm những phương pháp giết người mau chóng và hiệu nghiệm, cũng tiếp tay xông vào thế-sự. Ngày 23-12-1954, nhà triết học Bertrad Russel, trong một buổi phát thanh ở đài vô-tuyến điện Anh, tố cáo những nguy hiểm đang hăm dọa thế giới và đề-nghị phương sách ngăn ngừa. Ông cho phát ra một bản tuyên-ngôn mà ông Einstein ký vào hai ngày trước lúc chết, cho nên mang tên « tuyên-ngôn Russel-Einstein », Mười một nhà bác học, phần lớn đều là những giải Nobel, ký tên vào sau, đồng ý kết luận : « Xin các ngài nhớ đến nhân-loại ta và quên mọi chuyện khác đi. Nếu các ngài làm được, con đường một thiên đàng mới sẽ mở ra. Nếu không, toàn thế giới sẽ bị tiêu-diệt ». Vài tháng sau, bản tuyên ngôn được trình bày trong một

cuộc họp báo. Từ đây ý đã gieo mầm chỉ còn việc phát nở.

Sau bản tuyên-ngôn, giai đoạn kế tiếp phải là một cuộc gặp gỡ các nhà bác học. Thủ tướng Nehru đề nghị tổ chức ở Ấn-độ, đất trung lập, và nhà chủ thuyền Onassis chịu cung cấp mọi phí tổn. Rủi thay, vào khoảng thu 1956, biển cổ ở kênh Suez làm trở ngại cuộc đi lại của những nhà bác học đề đến Ấn-độ đúng vào lúc Hội nghị khoa-học nước này đang nhóm họp.

Đến lượt nhà triệu phú Cyrus Eaton ở Gia-nã-đại đề-nghị địa điểm Pugwash là một hòn đảo nhỏ trên bờ Đại-tây-dương, nơi quê quán ông và cũng là nơi ông thường tụ họp một số các nhà bác học cùng các nhà giáo. Từ mồng 7 đến mồng 10 tháng 7-1957, ông mời lại nhóm được 22 nhà thông thái đủ các nước Mỹ, Nga, Âu-Châu và cả đến một người Trung-hoa. Họ đồng thanh chịu nhận « cần phải hủy bỏ chiến tranh không thì sửa soạn một tai biến ». Thật vậy, những thí nghiệm về nguyên tử đã cho phát khởi bao ngẫu-biến bệnh, ung thư, chứng thiếu máu. Trong bản báo cáo cuối cùng, nhiều nhận định đã được đưa ra dẫn đường cho phong trào từ nay mang tên phong trào Pugwash : phát triển khoa học và kỹ thuật không thể xoay chiều ; nhân loại bây giờ chỉ còn phải liên kết nhau ; khoa học chỉ có thể mở mang trong tự do hoàn toàn ; . . .

Phong trào Pugwash tiến lên rất mạnh và tháng 4-1958, một hội-nghị thứ nhì nhóm họp gần Québec, luôn do Cyrus Eaton trợ cấp. Lần này có đến 47 người dự, trong số ấy những người vang lừng tên tuổi cũng không ít : giáo sư Linus Pauling, 2 lần giải Nobel ;

giáo sư Bernard Gregory, Giám đốc Trung tâm khảo cứu nguyên tử Âu-châu CERN ; giáo sư Jérôme B. Wieses, Cố vấn khoa-học chính phủ Hoa-kỳ ; Những nhân viên Hàn lâm viện Liên-xô D.V. Skobeltzy, A.V. Topchiev, A.P. Vinogradov ; sir Robert Watson Watt, nhà sáng chế ra radar... Hội nghị thứ nhì này chỉ định rõ ràng mục đích của phong trào vào chương trình hoạt động thiết thực. Các nhà bác học còn quyết định mỗi năm gặp nhau hai lần để kiểm cách trừ khử những khí giới, chất độc đã lần lượt được khảo cứu, chế tạo trong mọi ngành khoa học.

Ngoài nguyên tử lực mà ngày nay không mấy ai là không còn biết sức mạnh vô biên, khí giới vi trùng rồi đây cũng sẽ rất là khủng khiếp. Nhà bác học người Úc, sir Macfarlane Burnet, giải Nobel, không hoàn toàn phấn khởi khi nghe tin định-luật gia truyền đã được khám phá. Theo ông, những nhà sinh vật học khảo cứu ngoài hẳn thực-tế con người và hậu quả của những cuộc khám phá tốt lắm là có tính cách khả nghi, còn không thì thật là kinh khủng. Ông cho thí dụ : họ kiểm cách gây ngẫu biến lên cực trùng ; lỡ một con mới lạ thoát ra thì làm thế nào?

Nhà động vật lý học người Thụy-điền Arne Engstrom, nhân viên Hội đồng phát giải Nobel, trong một hội nghị Pugwash ở Dubrovnik đã tuyên bố : « Một bạn đồng nghiệp của tôi, người Đan-mạch, đoán chắc với tôi chỉ cần một số rất ít dụng cụ là có thể biến bất cứ một hăng rượu bia nào thành ra một trung tâm sản xuất vi trùng giết người bằng cách cho ngẫu biến những vi trùng thờ ả ! » Lord Richter Calder thì lại thú nhận người ta đã đòi kiểm duyệt một đoạn bản

thuyết trình của ông liên quan đến chiến tranh vi trùng, trong một hội-nghị khoa-học thế giới. Khi hỏi tại sao, người ta trả lời ông rất giản dị : « Thế giới không có ông cũng đã đủ đề tài đề lo âu rồi ! » Thật ra, chỉ ngay cuộc sản xuất cùng những cách tích trữ đã là một nguy hiểm chứ đừng nói gì đến việc dùng. Bác sĩ Bacon năm 1962 đã chết phải chăng vì một tai nạn trong phạm vi này? Song song với những quả bom nguyên-tử, nhiệt hạch, chế tạo và dự trữ vi trùng thật đã là một mối hăm dọa thường trực cho toàn thế-giới.

Trước nỗi nguy hiểm, hội nghị Pugwash có thể làm gì? Như tuồng hội nghị không muốn quảng cáo, không muốn người ta bàn tán nhiều về những hành động của hội nghị. Những nhà báo thường được mời lại nhưng không được dự vào những cuộc bàn cãi. Biên bản của hội nghị không phải ai cũng được đọc. Danh sách những nhà bác học lại dự hội-nghị cũng không được loan báo. Nhiều nhà bác học bị gạt ra khỏi hội-nghị vì tâm-địa ít chắc chắn: có người như tuồng đã chỉ điềm cho cảnh sát tên tuổi của các bạn đồng nghiệp (3). Rút cuộc hội nghị làm việc như một hội kín!

Nói đúng ra, tất cả những nhà bác học không lâm vào cuộc khủng hoảng lương tâm do hậu quả cuộc phát triển khoa học gây ra. Ngay từ đầu, 64 bức thư mời đã được gửi đi mà, như đã thấy, chỉ có 22 người lại dự cuộc họp đầu tiên. 34 người đã từ chối ngay. Trong số 30 nhận lời, 8 người còn kiểm cách khước từ. Tất cả các nhà bác học không phải đều ý thức rằng khoa học đã thành một hăm dọa cho đời sống chúng ta. Ở các nước xã-hội chủ-nghĩa các nhà khảo cứu lại có vẻ như nhận-thức dễ-dàng hơn :

Trong số 30.000 bản câu hỏi mà hội nghị đã gửi đi khắp thế giới, 83% các nhà bác học Liên xô đã trả lời còn bên này bức màn sắt chỉ có 20%. Tuy nhiên cũng nên chú ý có nhiều nhà bác học như giáo sư Barry Commoner ở viện Đại học Washington ở Saint-Louis, trong cuốn sách « Science and survival » đã không ngần ngại tố cáo những khí giới tối tân và hưởng ứng một hệ thống giúp các nhà bác học bàn cãi những mệnh lệnh nhận được trong mục đích giới hạn hoạt động và dự đoán những tai biến có thể phát ra. Vấn đề này rất quan trọng và đã được đưa ra bàn cãi trong hội nghị nhóm lần thứ 7 năm 1951 tại Stowe bên Hoa-kỳ. Làm sao hướng các khảo cứu viên về những mục đích kiến thiết? Tuy có nhiều nhà bác học, sau khi dự hội nghị Pugwash về, đã bỏ ngành khảo cứu quân sự, kết quả cuộc tranh đấu về mặt này rất khó lường.

Làm sao ngăn ngừa không cho một nhà bác học đi khảo cứu quân sự ở một nước khác? Vấn đề được đặt ra nhân vụ các nhà vật lý học Đức qua làm bom nguyên tử cho Ai-cập những năm 1963-1964 và hội nghị nhóm năm 1964 ở Kalovy Very đã bàn tán rất sôi nổi. Nhiều giải quyết đã được đề nghị, hoặc trừng phạt nhà khoa học, hoặc phong toả quốc gia đã đi mượn, nhưng không có giải quyết nào hoàn toàn. Chỉ còn có một cách là lập ra một Hội các nhà bác học quốc-tế mà nhân viên là mọi khảo cứu viên công tác trong những địa hạt nguy hiểm. Hội có thể ra lệnh tẩy chay phòng thí-nghiệm này hay bài xích môn khảo cứu nọ.

Trong lúc chờ đợi, hoạt động chính của nhóm Pugwash thuộc về phạm vi giải giáp. Những cuộc khảo cứu về binh bị thường có kín đáo đến đâu rồi phe địch cũng tìm biết được. Chỉ bằng ngay

từ đầu nên giải pháp mọi khí giới thật nguy hiểm, loại dùng nguyên-tử-lực hay vi trùng, lập ra một ủy ban tài-phán quốc tế để kiểm soát và một ty cảnh-sát đủ mạnh để thi hành mọi trừng phạt có tính cách chính trị hay kinh tế. Theo Jules Moch, một trong hai người thuộc nhóm Pugwash mà không phải là bác học (người kia là Philip Noel-Baker), còn cần phải đặt ra những « vùng bất nguyên tử » trong ấy cấm chế tạo và tích trữ những khí giới nguy hiểm.

Một vùng kiểu này thuộc mặt nguyên tử lực đã có rồi. Số là đến nay những cường quốc, đề đề phòng, thường cho khí giới nguyên-tử vào tàu lặn nằm trốn dưới đáy bể sâu, hoặc đặt dấu vào những bãi sa mạc mênh mông, ở hai cực bắc và nam xa xôi ít người qua lại và rồi đẩy bỏ vào những vệ-tinh chạy quanh quả đất. Nhân năm Địa-cầu vật lý học (1957-1958), các nước tham dự đều cam đoan không vũ trang hai vùng cực, đặt biệt không đem vào một khí giới nguyên-tử nào, Việc này có thể thành một tiền-lệ quan trọng không? Sau này, năm 1962, hai quốc trưởng Kennedy và Kroutchtchev cũng cam đoan không vũ trang những vệ-tinh hay phi thuyền phóng ra vũ-trụ. Vậy chỉ còn phải quyết định về những vùng ở mặt đất và mặt biển.

Ngoài ra nhóm Pugwash còn có dự định thiết lập một Trung tâm khảo cứu liên-lục-địa chăm lo về những ngành quan trọng như môn vật lý học những hạt rãng lượng lớn, môn hóa học những nguyên tố nặng, môn sinh vật học phân tử, môn khảo cứu y-khoa, môn khảo cứu nhiệt-hạch, môn phân giải tài liệu với máy móc điện-tử,... Nhóm Pugwash còn có ý đặt trung tâm này ở

ngay Berlin, ở tâm châu Âu và là nơi cọ xát của hai lực lượng thế giới.

Sau cùng, Philip Noel-Baker đề nghị mở rộng phong trào ra khỏi giới khoa học, giao cho các nhà thông thái viết sách giải thích sự ích lợi của một cuộc giải pháp, phát ra một bản tuyên-ngôn tố cáo sự nguy hiểm của những khí giới nguyên tử, vi trùng, nhờ hàng trăm nhà khoa học trên thế giới ký vào và thiết lập một bản thỉnh-cầu hy vọng hàng vạn, hàng triệu người đủ nước hưởng ứng.

Các nhà bác học nhóm Pugwash rất lạc quan vì họ biết họ làm việc cho tất cả mọi người. Giáo sư người Nga Artsimovitch, chuyên môn về năng lượng nhiệt hạch, ở một hội nghị Pugwash tại Dubrovnik đã tuyên bố với nhà báo Daniel Lang (của tờ New Yorker): « Chúng tôi, những nhà bác học, đã thành ra những kẻ lang thang tranh đấu cho hòa bình, thúc đẩy qua khắp thế giới vì một số lỗi lầm đã phạm, vì nỗi sợ những lỗi lầm khác nghiêm trọng hơn sẽ phạm. Chúng tôi hằng hái để khỏi bị phóng xạ. Chúng tôi chạy khắp mặt đất, từ hội nghị này qua hội nghị khác, từ cuộc họp này qua cuộc họp khác để cho trận mưa lửa nguyên-tử không bao giờ rơi được ».

Hiện nay song song với phong trào Pugwash, Tổ chức văn hóa UNESCO của Liên hiệp quốc cũng hưởng ứng một phong trào khảo cứu về hòa bình: học hỏi về những phương diện kinh tế và pháp lý một cuộc giải giáp; điều tra ở ba nước Mỹ, Nga, Đức về những hậu quả kinh tế và xã hội một cuộc giải giáp. Thư-ký của International Peace Research Association (IPRA) là giáo sư Bert V.A. Roling, Giám đốc Viện Chiến tranh học ở Đại học Groningue bên nước Hòa-lan (4). Nếu hội này làm việc đặc lực thì sẽ nhẹ phần cho nhóm Pugwash, nhưng theo tình hình hiện nay nhiều sức cũng không thừa vì từ cuối trận thế chiến trước. không bao giờ hòa bình thế giới bị hăm dọa, nặng nề như bây giờ

VÕ-QUANG-YẾN

(1) Ritchie Calder, Le Courrier 7-8-1966, trang 11.

(2) Xin xem lại Bách khoa T. Đ. số 245, trang 41.

(3) Phần lớn những tài liệu trong bài này lấy theo Jacques Bergier, Planète số 33, trang 158.

(4) Bert V.A. Roling, Le Courrier 1-1966, trang 22.

Thuốc mới :

Viên thuốc bọc đường ALGAN

KHÔNG CÓ THUỐC NGỦ)

Trị : Cảm, Cúm, Đau, Nhức, v..v...

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC-PHẨM SAIGON

BEN GOURION

người xây-dựng quốc-gia Do-Thái

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 253)



Ben Gourion và Quốc gia Do-Thái

Ben Gourion sanh năm 1886 ở Plonsk (Ba Lan), cha là một luật gia. Tính tình trầm tĩnh, ít nói, ít cười đùa ngay cả với anh em chị em trong nhà. Khi đã biết đọc sách rồi thì không lúc nào rời cuốn sách. Hai cuốn đầu tiên ông đọc là cuốn « L'amour de Sion » (Tình yêu Sion) và « La case de l'oncle Tom » (Cái chòi của chú Tom) dịch ra tiếng hébreu (tiếng Do Thái cổ). Kể đó ông nghiên

ngẫu những sách Nga, mê Tolstoi. Suốt đời, hễ có rảnh mấy phút là ông học. Ngoài tiếng hébreu và tiếng Nga ra, ông biết tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Y Pha Nho, tiếng La Tinh, tiếng Hi Lạp và tiếng Thổ. Ông học tiếng Thổ hồi còn trẻ, mới qua Palestine. Lúc đó Palestine là một thuộc-địa của Thổ, cho nên ông và một người bạn Ben jvi (sau này làm Tổng Thống Israël, thay cho Zaim Weizmann) rủ nhau qua Thổ học tiếng Thổ để giao thiệp với người Thổ. Còn tiếng Hi-Lạp, ông học hồi năm hay sáu chục tuổi để đọc được Platon trong nguyên văn vì ngoài Thánh Kinh ra, ông thích nhất cuốn *La République* của Platon. Ông học tiếng Y Pha Nho cũng để đọc được *Don Quichotte* trong nguyên văn. Năm 1966, tủ sách của ông đã có hai chục ngàn cuốn, đủ hết các loại từ chính trị tới văn chương, triết học, sử học. Ông đọc cả sách về Phật học và có lần vào ở trong một chùa Phật gần Rangoon để đọc kinh Phật nữa.

Tất nhiên ông theo đạo Do Thái, nhưng ít khi tới giáo đường, cũng không theo đúng những luật cùng nghi-lễ trong đạo, mà sớm lưu tâm về chính trị, chiến đấu cho dân tộc từ hồi 14 tuổi. Lúc đó ông với hai bạn học đã quyết tâm sẽ qua Palestine để thành lập một quốc-gia ở đó. Ông nghi bụng quốc-gia sau sẽ cần dùng

nhà chuyên môn, nên năm 16 tuổi ông qua Varsovie để học. Chưa thành nghề thì năm 20 tuổi ông đã qua Israëh, làm công trong các vườn nho, vườn cam. Có hồi ông đau, thân phụ ông hay tin, gửi qua cho mười rúp, ông gửi trả lại : « Con tự xoay xở lấy được ».

Ông hoạt động chính trị khá mạnh, người Thổ đuổi ông ra khỏi cõi, ông qua Mỹ, đi thăm hết các tổ chức Do Thái ở Mỹ, và thấy rằng muốn thành lập một quốc gia Do Thái thì chẳng những phải chiến đấu với người Ả-Rập, người Anh mà còn phải chiến đấu với cả với người Do-Thái nữa vì đa số đồng bào ông hoặc chỉ muốn yên-ôn được nhập-tịch các nước Tây phương, hoặc quá tin ở phương-pháp ngoại giao, mua đất. Ông bảo :

« Có nhiều cách để chiếm một xứ : hoặc bằng vũ lực, hoặc bằng những mảnh khoé chính trị, bằng hiệp ước ngoại giao, lại có thể mua bằng tiền được nữa(..) Nhưng chúng ta muốn dựng ở Palestine một quốc gia kia. Mà một quốc gia thì không nhận được, như nhận một món quà, cũng không thể mua được bằng những hiệp ước chính-trị, không thể chiếm được bằng sức mạnh. Một quốc gia thì phải xây dựng bằng mồ hôi nước mắt..»

Như vậy là ông chống chính sách của Zaim Weizmann, nhà hóa học và cách mạng Do Thái quá tin ở đường lối ngoại giao. Lúc đó ai cũng cho ông là quá khích, nhất là từ khi Anh cho ra bản tuyên bố của Balfour thì danh của Weizmann càng lên vì ai cũng biết rằng nhờ những vận động của Weizmann mà Anh có thái độ bênh vực Do-Thái đó.

Chỉ riêng có Ben Gourion là vẫn không

lạc quan về người Anh. Ít tháng sau, Mỹ lâm chiến, ông xin vô đoàn Lê-Dương ở Port Said để chiến đấu bên cạnh Đồng-Minh. Ông xin được qua mặt trận Palistine nhưng vừa tới nơi thì chiến tranh chấm dứt. Ông giải ngũ, ở lại Palestine, thành lập Tổng - hội - lao - động Do - Thái (Histadrout) để đào tạo các cán bộ cho quốc-gia sau này, nhất là gây dựng một đạo quân mới đầu gồm 4.433 chiến sĩ. Hành động đó của ông như để chống lại chính sách của Weizmann và Weizmann không ưa ông, cho ông ta bướng - bỉnh, nóng nảy quá, không thể thành công được : vài chục ngàn người Do-Thái mà làm sao chống nổi với tám trăm ngàn người Ả-Rập ở Palestine, nhất là ở dưới quyền người Anh !

Mặc những lời chỉ trích và dèm pha, Ben Gourion vẫn kiên nhẫn theo đuổi đường lối của mình, và mười hai năm sau người ta mới thấy ông là người biết trông xa.

Tháng 8 năm 1929, hằng trăm thanh niên Ả-Rập, một hôm thứ sáu ùa lại vây các khu Do-Thái, mà chém giết, cướp bóc. Khi người Anh tới can thiệp thì họ đã trốn thoát. Một trăm bốn người Do-Thái bị giết, hằng ngàn người khác bị thương. Chính-quyền-Anh cũng cho điều tra và kết cuộc là năm sau (1930) họ cho ra cuốn Bạch-Thư về bênh vực người Ả-Rập. Lúc đó Weizmann mới biết rằng phải trông vào sức của mình và không thể tin vào cáo già Anh được nữa.

Ngôi sao của Weizmann mờ đi và năm 1935 Ben Gourion được bầu làm Chủ-tịch của Ban-Chấp-hành Do-Thái. Ông đem toàn lực ra hô hào đồng bào tấn công Bạch-Thư, tổ chức những cuộc đưa lên người Do-Thái vào Palestine.

Khi thế chiến chấm dứt, ngày 8-5-1945

mọi người Anh ăn mừng hòa-bình, thì ông ghi trong nhật ký «Ngày thắng trận/buồn, rất buồn». Buồn vì ông biết rằng từ nay ở Âu-Châu có hòa-bình, chứ ở Palestine thì còn phải chiến đấu mạnh hơn nữa, giai-đoạn quyết-liệt sắp tới.

Lời đoán trước đó lại đúng nữa: từ 1945 đến 1948, những cuộc khủng bố của Ả-Rập những cuộc đàn áp của Anh mỗi ngày mỗi tăng. Đúng là chiến tranh không có mặt trận, không có lính chính qui: bất kì ở đâu, từ đồng ruộng tới rừng rú, từ đường phố trong châu thành tới vườn cam, Do-Thái và Ả-Rập hễ gặp nhau là bắn nhau, có khi ngay dưới mắt người Anh. Ben Gourion trong mấy năm đó, phải đi qua Mỹ, Âu, vận động các người Do-Thái giúp tiền rồi mua khí giới chở lên về Palestine. Tiền thì tương đối dễ kiếm vì ở Mỹ có năm triệu Do Thái mà một số lớn rất giàu. Khó là làm sao đưa được khí giới về Palestine.

Một lần ở Anh, họ phải làm bộ quay một phim về chiến tranh, và trong lúc quay, mấy chiếc máy bay cất cánh rồi bay luôn!

Khi hay tin Anh sắp rút ra khỏi Palestine, một mặt Ben Gourion phái người qua Mỹ cho chính quyền Mỹ biết ý định của ông là thành lập Quốc gia Israël và chỉ xin người Mỹ đừng can thiệp vô. Lúc đó tướng Marshall làm bộ trưởng ngoại giao, khuyên ông đừng. Chỉ có 600.000 Do Thái chống sao nổi ba chục triệu Ả-Rập, huống hồ Do-Thái chỉ có một lực-lượng cảnh sát, còn Ả-Rập có một lực-lượng chính qui đầy đủ khí giới. Mặt khác ông phái bà Golda Meyerson cải trang để tiếp xúc với Abdullah — vua Jordanie, người từ trước trước có ít nhiều cảm tình với Do-Thái — mà xin

Jordanie trung lập. Abdullah không chịu.

Ngày 12-5, hai xứ giả đó về Tel Aviv cho ông hay kết quả, và lúc này ông phải quyết định. Nếu không tuyên bố thành lập Quốc-gia Do-Thái thì không còn cơ hội nào nữa, và sẽ không có quyền ngoại giao, không có quyền mua khí giới, như vậy tương lai của Do Thái sẽ nằm ở trong tay Ả-Rập; mà nếu thành lập Quốc-gia Do-Thái thì rất có thể sáu trăm ngàn người Do-Thái ở Palestine sẽ bị tiêu diệt như người Mỹ đã cảnh cáo.

Cũng ngày đó, chính quyền Anh tuyên bố rút quân, rồi 1.500 lính Ả-Rập có đủ đại bác và xe thiết giáp bắt đầu tấn công, diệt quân Do Thái ở E-gion.

Ông cho họp gấp một ủy ban tối cao gồm 13 người để quyết định.

Ông trình bày chủ trương của ông nhất định thành lập Quốc gia Do Thái rồi yêu cầu biểu quyết: có 6 phiếu thuận, 4 phiếu nghịch (ba người vắng mặt).

Ngày 14 (1) trong một phòng treo hình Herzl, ông đọc bản tuyên bố thành lập Quốc gia. Bỗng quốc thiều vừa chấm dứt thì ông chạy vội lại bộ Tổng Tham mưu vì chiến tranh lại tiếp tục. Ở Amman quốc vương Abdullah ra lệnh cho quân đội xâm nhập địa phận Do Thái. Và sáng hôm sau các đạo quân Ả-Rập từ ba phía ủa vào, phi cơ Ả-Rập thả bom xuống Tel Aviv. Sau này nhắc lại việc đó Ben Gourion bảo:

«Khoảng bốn giờ chiều quần chúng vui như điên, nhảy múa ca hát ngậy

(1) Đáng lẽ là ngày 15, nhưng ngày 15 là thứ bảy «ngày Sabbath» mà theo đạo Do-Thái hôm đó mọi tín đồ phải nghỉ, mọi công việc phải ngưng.

thơ ở khắp các đường phố. Nhưng tôi thì buồn vì tôi biết cái gì sắp xảy ra. Lúc đó là lúc bi đát nhất trong đời tôi».

Mà cũng là lúc vẻ vang nhất nữa. Quân đội của năm nước gồm ba chục triệu người thua một nước mới thành lập chỉ có sáu trăm ngàn người, làm cho cả thế giới phải ngạc nhiên.

Tháng sáu năm sau (1949), các quốc gia Ả Rập phải ký một hiệp ước đình chiến với Israel, biên giới Israel được vạch rõ và Israel được nhận vào Liên Hiệp Quốc.

Một lần nữa dân Do Thái bị đặt vào chỗ chết và đã vạch một huyết lộ để tìm cái cửa sống. Công đầu là của Ben Gourion, một người mà lòng kiên nhẫn và nghị lực không gì thắng nổi, quyết định rất mau mà có óc rất thực tế. Coi tướng ông như một con bò mộng lùn mập bắp thịt chắc, cặp mắt nhỏ và sáng, vầng trán cao và rộng dưới những mái tóc trắng như tuyết.

Ông tuyệt nhiên không tham danh vọng. Khi tuyên bố thành lập quốc gia rồi, không có một chút hiềm kỵ Zaim Weizman, nhường chức Tổng thống cho Weizmann lúc đó ở Nữ Ước và lãnh chức Thủ Tướng và bộ trưởng Quốc Phòng.

Tháng 11 năm 1953, khi thấy việc nước đã tạm yên, qui củ đã đủ, ông xin từ chức, cùng với vợ về một đồn điền nhỏ ở sa mạc Neguev sống chung với các thanh niên, vừa nuôi cừu vừa viết sách chép lại lịch sử tranh đấu của dân tộc ông từ 1870. Ông tính phải viết 5 cuốn. Và khoảng mười năm mới xong nhưng năm 1955 dân tộc ông lại buộc ông phải trở về nắm chính quyền.

Xích mích giữa Do Thái và Ả Rập : 1956

Ai cũng biết rằng các quốc gia Ả Rập chỉ miễn cưỡng ký hiệp ước đình chiến năm 1949 và vẫn chờ cơ hội phục thù.

Sau chiến tranh, các người Do Thái tất nhiên không còn thể sống trong các quốc gia Ả Rập nữa; họ bị khủng bố đàn áp, lần lượt phải bỏ hết cửa cái mà lại Israel, trước sau tới bốn trăm ngàn người, và được chính quyền Israel giúp đỡ trong việc định cư.

Những người Ả Rập ở Israel thì được đối xử công bằng nhưng không khỏi bị cả hai bên Do Thái và Ả Rập nghi kỵ nên chỉ có hai trăm ngàn người ở lại; còn bảy tám ngàn trăm người rút qua các quốc gia Ả Rập, ở Jordanie, Gaja, gần biên giới Israel. Họ hợp thành những bidonville, những « châu thành » gồm toàn những chòi cất bằng những vỏ thùng thiếc hoặc thùng cây của quân đội liệng đi. Liên-Hiệp-Quốc trợ cấp cho họ một số, và họ sống cơ cực gần như bọn ăn xin. Các quốc gia Ả Rập đủ sức thu hút số dân đó, giúp họ định cư, kiếm công ăn việc làm cho họ, nhưng người ta cứ đề như vậy, chủ ý là tố cáo với thế giới hành động chiếm đất của Do-Thái, nhất là nuôi cái căm thù của mọi người Ả Rập đối với Israel.

Nội một sự kiện đó, cũng đủ cho ta thấy rằng vấn đề Do Thái — Ai Cập chưa giải quyết xong được.

Lại thêm từ biên giới Ai Cập, những quân Fedayine chuyên môn khủng bố, thỉnh thoảng tấn công chớp nhoáng thường dân Do Thái rồi rút lui rất mau về biên giới; ở biên giới Syrie và Jordanie, trên bờ hồ Kinnereth và sông Jourdain người Ả-Rập thường núp đề bắn vào các thuyền câu Do Thái.

Dân cư Israel tăng rất mau vì số

người hồi-hương. Chỉ trong ba năm 1949, 1950, 1951, đã tới non nửa triệu, cho nên chính quyền Israël phải khai phá sa mạc Negev. Sa mạc này có chỗ cả năm trung bình chỉ mưa có năm phân nước, không thể trồng trọt gì được; đào giếng cũng không đủ nước dùng, họ phải dẫn nước từ hồ Kinnereth xuống, nhưng dân Syrie ngăn cản (2)

Tất cả những chuyện đó đều là để chọc tức Israël, để gây hấn. Ta không thể trách người Ả Rập được. Palestine hai ngàn năm trước là đất của Do Thái thật, nhưng Do Thái đã không ở nữa, và cả ngàn năm nay đã thuộc về Ả Rập, người Anh rồi hội Quốc Liên cho Do Thái thành lập một quốc gia mà không thêm hỏi ý họ thì có phải là ức hiếp họ không? Huống hồ trong cả ngàn năm đó họ vẫn vui vẻ sống với Do Thái, có kỳ thị Do Thái đâu, kẻ có tội với Do Thái là các dân tộc Âu châu, Đức, Nga, Pháp, Ý, Anh.., bây giờ chính những nước đó ép họ phải đền bù cho Do Thái, thì rõ là kẻ ăn mận, người khát nước.

Do Thái báo cáo tất cả những cuộc gây hấn đó cho Liên-Hiệp-Quốc, nhưng Liên-Hiệp-Quốc đâu có thể vì những chuyện nhỏ nhặt như vậy mà can thiệp được. Nếu quân chánh qui Ả-Rập tấn công Israël thì lại là chuyện khác. Thành thử tình thế mỗi ngày một thêm căng, nhất là từ khi Abdel Nasser lên cầm quyền ở Ai Cập.

Nasser là một nhà ái-quốc, vốn ghét bọn thực dân Tây-phương, tự cho mình

(1) Hiện nay các nhà bác học Do Thái đang tìm cách nào rẻ tiền làm cho nước biển bớt mặn để có thể dùng trong việc trồng trọt được

là nhà lãnh đạo có tài nhất trong khối Ả Rập — mà thực ra thì tới nay, trong khối đó chưa có người nào hơn ông, ngay Ben Gourion cũng phải nhận vậy; « Tôi trọng sự thông minh của Nasser, ông ta là người lãnh đạo độc nhất của khối Ả Rập được quần chúng và quân đội ủng hộ » — Vì vậy Nasser nuôi cái mộng thống nhất khối Ả-Rập, lập một sự nghiệp tựa như sự nghiệp Mahomet thời xưa. Có kẻ bảo Ai-Cập quá đói nghèo không có cách nào phú cường được, đập vĩ đại Asouan xây cất xong thì cũng chỉ vừa đủ bù vào sự gia tăng dân số, cho nên Nasser phải « thôn tính » các quốc gia Ả-Rập khác mà chia cái nguồn lợi dầu lửa của họ, và muốn thôn tính thì phải lập được một công lớn gì cho toàn khối Ả-Rập, công đó chỉ có thể là diệt Do-Thái.

Lý luận như vậy nghe cũng xuôi tai, nhưng có chút ác ý. Ta chỉ biết rằng từ khi ông ta làm Quốc Trưởng Ai-Cập thì nghĩ ngay tới việc quốc hữu hóa kinh Suez và không ngớt hô hào các quốc gia Ả-Rập khác đoàn kết nhau lại để diệt Israël. « Ngày cáo chung của bọn Do Thái đã tới » — « Israël nhất định sẽ bị xóa bỏ trên bản đồ thế giới » « Kẻ thù của người Ả-Rập là người Do Thái » — « Phải tận diệt đế quốc Israël ». . . . Đai phát thanh Ai Cập luôn luôn gầm lên như vậy.

Mà khi giới từ Tiệp khắc, từ Anh bắt đầu tuôn vào Ai-Cập, Jordanie, Irak; đồng thời các khí giới từ Anh, Pháp cũng được tuôn vào Israel.

Năm 1955, chính quyền Israël thấy chiến tranh không thể tránh được phái Golda—Meyerson với Ben Gourion ở trong sa mạc Negev về Jérusalem để lãnh nhiệm vụ bộ trưởng Quốc Phòng. Ông cố từ chối, đề cử người khác, nhưng chính quyền không

chịu. Ông đành phải xuất chính lần nữa, và ít lâu sau được bầu làm Thủ tướng.

Ngày 26 tháng bảy năm 1956, Nasser tuyên bố quốc hữu hóa kinh Suez; hành động này nhằm vào Anh, Mỹ, Pháp chứ không chủ ý hại Israel. Anh Pháp liên kết với nhau để diệt «tên Hitler của phương Đông là Nasser». Israel nhân cơ hội đó, xin làm tiền phong cho Anh, Pháp vì nghĩ rằng chuyển này thế nào Ai-Cập cũng thua, Nasser bị hạ bệ mà không còn Nasser nữa thì Do-Thái có thể sống yên ổn được...

Cuối tháng mười năm đó, liên quân Anh, Pháp, Do tấn công Ai-Cập. Quân đội Do-Thái dưới sự chỉ huy của danh tướng độc nhãn Moshé Dayan, vượt bán đảo Sinai, trong có bốn ngày tới bờ kinh Suez, làm cho cả thế giới ngạc nhiên một lần nữa. (1)

Nhưng cả thế giới đều bất bình. Liên-Hiệp-Quốc bắt liên quân Anh, Pháp Do phải ngưng chiến. Lần này Do-Thái có lỗi. Đại diện của Do-Thái ở Liên-Hiệp-Quốc đưa ra lý do: mấy năm nay các nước Á-Rập không áp dụng đúng hiệp-ước đình chiến năm 1948, lại khiêu khích hoài, Do-Thái mấy lần yêu cầu Liên-Hiệp-Quốc can thiệp mà Liên-Hiệp-Quốc làm thinh, cho nên dân-tộc Do-Thái phải đảm nhiệm lấy việc tự vệ. Họ còn nói thêm:

«Từ thượng cổ tới giờ, từ chiến tranh Péloponèse, quốc gia nào bị khiêu khích cũng phải phản ứng lại như chúng tôi đã phản ứng, và nhiều khi còn bằng những phương-pháp cương quyết hơn

của chúng tôi nữa.

«Ngay như Hoa-Kỳ, năm 1916, cũng đem quân chánh qui diệt bọn cướp Mỹ-Tây-Cơ quấy phá biên giới của mình kia mà !...»

Giải thích gì thì giải thích, không ai chấp nhận được lý-luận của họ, và rất cuộc Liên-Hiệp-Quốc đã bắt họ phải rút hết quân về biên giới cũ. Ben Gourion khen Nasser thông minh cũng là phải: Nasser khiêu khích để cho Do-Thái phải ra tay trước mà lỗi về cả Do-Thái.

Sau này ôn lại vụ đó, Ben Gourion, bảo mặc dầu vậy, vụ Suez vẫn là một thắng lợi đối với Do-Thái vì sau đó các cuộc đột kích, khủng bố của bọn fedayin đã ngưng lại và các tàu Do-Thái được quyền tự-do đi lại trên Hồng-hải. Kinh Suez vẫn bị Ai-Cập cấm, lấy lẽ rằng Israel là cừu địch của Ai-Cập, không thể cho tàu Israel qua địa phận Ai-Cập được, mặc dầu kinh Suez có tính cách quốc-tế. Cửa ngõ của Israel trên Hồng Hải chỉ là một quãng bờ biển mấy cây số ở Elath Dầu lửa chở tới hải cảng Elath, phải đưa lên xe cam nhông, do con đường xa lộ rất tốt Elath—Beercheva — người Israel gọi con đường đó là «Kinh Suez cận của Israel» — mà vận chuyển lên Haifa.

Vụ tháng 6 vừa qua

Cuộc đình chiến 1956 cũng vẫn chưa giải quyết được vấn đề Do-Thái Á-Rập, Á-Rập vẫn muốn nạn cho hết cái «ung Do-Thái trên thân thể họ» mà Do-Thái lại muốn mỗi ngày một cắm rễ sâu vào khu đất của tổ-tiên họ, hơn nữa còn muốn lưu thông trên kinh Suez, trên Hồng Hải, dùng nước hồ Kennereth và sông Jourdain để khai thác miền Neguev. Cho nên Á-Rập lại khiêu khích và cả hai bên lại tăng cường vũ-lực; và hậu

(1) Coi loạt bài Bí mật về kinh Suez trong Bách-khoa số 145, 146, 147, 148, 149, (Tháng 1 đến tháng 3-1963)

quả tất nhiên phải xảy ra : Chiến tranh Do-Thái Ả-Rập lại nổ tháng 6 vừa rồi, y như chín năm trước.

Lần này cũng do Ả-Rập khiêu-khích. Nasser xin quân đội Liên-Hiệp-Quốc rút ra khỏi Gaza để nhường cho Do-Thái tấn công trước. Do Thái chắc chắn hiểu như vậy nhưng vẫn dùng chính sách "tấn công trước để tự vệ", tấn công chớp nhoáng để thủ thắng, và họ lại làm cho thế-giới ngạc nhiên một lần nữa.

Lực lượng hai bên còn chênh lệch hơn lần trước — phía Do Thái chỉ có hai triệu rưỡi dân ; phía Ả Rập có tới bảy chục triệu (1) vì thêm nhiều quốc gia như Ả Rập thuộc giòng Séoud, Bắc Phi... Khí giới của Ả Rập cũng rất hùng hậu nhờ Nga và Tiệp Khắc viện trợ.

Vậy mà cuộc chiến thắng của Do Thái còn rực rỡ hơn lần trước.

Lần trước họ chiến đấu chung với Anh, Pháp ; lần này họ chiến đấu một mình ; lần trước họ mất một trăm giờ để vượt bán đảo Sinai, lần này họ chỉ mất có tám mươi bốn giờ và thực ra sau ba giờ đầu tiên của chiến dịch (ngày 5-6) cán cân lực lượng đã chúc hẳn về phía họ, vì họ đã diệt được gần hết lực lượng không quân của Ả Rập. Danh tiếng của độc nhãn tướng quân Moshé Dayan lại càng rực rỡ hơn nữa thậm chí một nghị sĩ Mỹ đã nói đùa rằng phải mời ông ta qua điều khiển các cuộc hành quân ở Việt Nam (2). Không mời chứ chắc chắn các chiến thuật gia Mỹ và khắp thế giới nữa đương nghiên cứu chiến thuật của ông ta.

(1) Có báo nói hơn trăm triệu, gồm trên mười quốc gia.

(2) Người ta đương quay một phim về chiến công oanh liệt của Moshé Dayan.

Liên Hiệp Quốc lại can thiệp, bắt ngưng chiến để điều đình. Lần trước khắp thế giới lên án Do Thái mà cuộc điều đình phải ba tháng mới xong. Lần này tuy Do Thái cũng mắc cái lỗi tấn công trước nhưng đã gây được nhiều cảm tình hơn, thì cuộc điều đình sẽ mất bao lâu ?

Vấn đề không còn là vấn đề riêng giữa Do Thái và Ả Rập mà thành vấn đề giữa Nga và Mỹ, Nga bên vực Ả Rập ra mặt ; Mỹ khó xử hơn : vì có nhiều quyền lợi về dầu hỏa ở bán đảo Ả Rập, nhất là ở Ả Rập thuộc giòng Séoud không thể làm mất lòng Ả Rập được mà cũng không muốn làm mất lòng Do Thái vì có năm triệu Do Thái mà nhiều người rất có thế lực, đa số ở Nữ Uớc.

Một nỗi khó khăn nữa là Do Thái lần này vì thắng lợi quá rực rỡ nên tỏ vẻ cương quyết, đòi được nhiều quyền lợi hơn trước ; mà Ả Rập — nhất là Ai Cập — cũng cương quyết hơn vì có Nga làm hậu thuẫn và cũng vì phải cương quyết mới vượt được thề-diện.

Chưa biết Nga, Mỹ sẽ giải quyết với nhau ra sao — cả hai đều muốn nắm ảnh hưởng ở bán đảo Ả-Rập, tiền đồn của Châu Âu, bản lề của Âu, Á và Phi, kho dầu của thế-giới ; nhưng cả hai lúc này lại không muốn hay chưa muốn thẳng tay với nhau. Có lẽ còn lâu ta mới được biết giải-pháp của họ mà giải-pháp nào đi nữa cũng không thể làm thoả mãn được cả Ả-Rập, lẫn Do-Thái, cũng chỉ là tạm thời. Đợi hết thế kỷ này mới có thể ngã ngũ hẳn được. Mà nếu Nga, Mỹ không khéo xử với nhau thì rồi Trung Cộng sẽ lên vô đó nữa.

Sức mạnh và tương lai của Israël

Trong tạp chí Réalités tháng ba năm 1965 Danielle Hunebelle phỏng vấn Ben Gourion về tương lai của Do Thái, Ben Gourion đáp :

« Tôi có thể nói với bà về hy vọng của tôi thôi. Hiện nay chúng tôi là hai triệu ba trăm ngàn người. Chúng tôi mong rằng sẽ có được bốn, năm triệu người. Hiện nay chỉ 65% sa mạc Negev là được trồng trọt, tôi mong rằng nó sẽ được khai phá hết. Tôi mong rằng người Do-Thái nào cũng tiếp tục đi học được tới bậc Đại-học ; rằng cả nước chúng tôi thành một Kibboutz vĩ-đại về phương diện kinh-tế. Tôi mong rằng xã-hội chúng tôi sẽ là một xã-hội kiểu mẫu cho thế-giới. Tôi không biết có được như vậy không. Dĩ nhiên tôi thấy có nhiều nỗi khó khăn có thể làm tiêu tan mộng đó. Trước hết là sự tận diệt người Do-Thái. Hitler đã giết sáu triệu người Do-Thái. Và Ai-Cập và các nước ở chung quanh chúng tôi gồm năm chục triệu người Ả Rập. »

Rồi ông nói thêm :

« Không thể tránh chiến tranh được. Lúc này tôi chưa chuẩn bị xong. Khi nào tôi sẵn sàng rồi thì tôi sẽ đánh. »
(..) Ở Ả Rập thuộc giòng Séoud có sáu triệu Ả Rập, quân đội của họ cũng như của Yemen gần như không có gì. Hai thực năm trước (dưới sự chỉ huy của Anh) quân đội Jordanie mạnh nhất, nhưng bây giờ thì quân đội Ai Cập mạnh nhất. Syrie thì chỉ trong hai mươi bốn giờ là chúng tôi đánh tan tành, còn Irak, Liban nữa (...)
Nhưng trong nước chúng tôi có

một cảm hứng thuộc về tinh thần, di sản của mấy ngàn năm rồi ».

Ông tuyên bố như vậy năm 1965, năm nay không rõ lòng tin của ông có mạnh hơn không, sau cuộc thắng trận vừa rồi, nhưng ông mới tuyên bố rằng nếu Nga, Mỹ, Tây Âu không đoàn kết với nhau thì chỉ năm mươi năm nữa sẽ phải chịu cái họa của Trung Cộng.

Riêng tôi, tôi nghĩ rằng dân tộc Do-Thái không thể nào bị tận diệt, trừ phi có chiến tranh nguyên tử. Thời này nhân loại không khi nào để cho một lực lượng nào tiêu diệt một quốc-gia mà vấn đề Do-Thái, Ả-Rập đã thành vấn đề của Mỹ, Nga rồi.

Chỉ xét cái tinh thần của Do-Thái cũng thấy không có lý gì họ bị tiêu diệt được. Có ai ngờ đâu được một dân tộc trong hàng ngàn năm không được làm ruộng mà chỉ trong hai chục năm đã làm cho thế giới thán phục về tài khản hoang và trồng trọt ? Có ai ngờ đâu được dân tộc đó, bị tàn sát trong hai ngàn năm mà tập hợp lại được, chống cả với Anh lẫn Ả-Rập, xây dựng nên một quốc gia tới nay đã làm thế giới phải ngạc nhiên tới ba lần, thắng được kẻ địch mạnh hơn mình tới bốn chục lần ? Có ai ngờ đâu được một tử-ngữ, tiếng Hébreu trong hai ngàn năm chỉ được dùng trong kinh sách nay được hồi sinh, thành một sinh ngữ cho hàng chục giống người từ Âu sang Á, và chỉ trong có mười mấy năm tạo ra đủ những danh từ cho mọi môn học, cả những môn cao nhất, mới nhất ở Đại học (nghĩ lại tình cảnh Việt ngữ ở Đại học mình mà thấy tủi).

Và khắp thế giới có dân tộc nào có những vị anh hùng sống giản dị như người Do Thái ? Ben Gourion hồi làm Thủ tướng chỉ muốn có mỗi một người ở gái, tối người đó về nhà, ông phải pha cà-phê lấy đề đãi khách, khách về thì rửa chén lấy. Khi từ chức Thủ tướng,

ông kiếm một niềm hoang dã nhất trong sa mạc, sống chung với thanh niên, ăn chung bàn với họ, trong những cái gà-men như họ, viết sách, nuôi cừu và tập Judo. Báo Candide số 287 năm ngoái in hình ông trồng cây chuối: đầu và tay chổng xuống đất, chân đưa lên trời; lúc đó ông tám chục tuổi!

Moshé Dayan khi thắng quân Ả Rập năm 1949, không màng chức tước, trở về học thêm về môn khảo cổ; nhưng mỗi khi quốc gia hữu sự — năm 1956 và năm nay — thì ông lại ra chỉ huy quân đội làm cho thế giới phải kinh phục.

Bà Golda Meyerson, được cử làm sứ thần Do Thái đầu tiên ở Nga (Nga là nước thứ nhất nhìn nhận quốc gia Do Thái), vừa ở bệnh viện ra, qua Nga liền, không may thêm một chiếc áo mới nào, chỉ đeo thêm một sấu chuối bằng hột đá của bạn cho, mà vào trình ủy nhiệm thư, làm cho nhà cầm quyền Nga phải kính nể

Chả bù với bọn chính khách và trí thức của nhiều nước Á Phi khác. Một Tổng Thống một nước nọ ở Phi, dân số không biết có được ba triệu không mà sai chở đá hoa ở Ý qua để xây dựng cung điện cho được đẹp như cung điện Versailles, lại sai đúc một cái giường bằng vàng khối cho bà vợ. Ở nước ta một chính khách nọ, mới được hứa cho đi nhậm chức đại sứ ở Tây phương đã vội may sắm cho mình và cho «phu nhân» nửa triệu bạc quần áo và đồ trang sức. Không hiểu vì lẽ gì chức đó giao người khác, và nửa triệu bạc kia, chắc thằng dân phải è cổ ra chịu một cách trực tiếp hay gián tiếp, chứ ai bây giờ? Khi người ta càng ti tiện thì người ta càng lo giữ thể diện, khi người ta càng nghèo thì người ta lại càng tiêu sang.

Dân tộc tộc Israel, đúng như Ben Gou-

ron nói, có thể làm gương cho nhân loại lắm. Trong mười năm nay rất nhiều nhà chuyên môn Á, Phi: Nhật Bản, Phi Luật Tân, Miến Điện, Tanganyika, Kenya, Côte d'Ivoire, Congo, Tchad, Guinée, Cao Miên... (chỉ thiếu có Việt Nam) đều qua Israel để học hỏi về canh nông, võ bị, tổ chức công việc, hợp tác xã... Quan trọng nhất là tinh thần của họ, không biết có ai học được không.

Có tinh-thần của họ thì mới có phương pháp làm việc của họ được. Có tinh thần của họ thì không một lực lượng nào có thể diệt được, vì tinh thần đó càng bị đàn áp thì nó càng mạnh, càng bị đặt vào tử lộ thì lại càng vững vẫy để tìm ra được sinh lộ. Đó là bài học cho các quốc-gia nhược tiểu. Mà cũng là bài học cao hai đại cường quốc trên thế-giới nữa: một khi bom khinh khí không là độc hữu của một nước nữa thì nước nào tinh thần mạnh là nước ấy thắng, và đối với các nước nhược tiểu, đặt họ vào tử lộ tức là mở sinh lộ cho họ đấy. Thời này đây không còn ai sợ bom khinh khí nữa đâu, mà những kẻ sợ cái chết nhất chính là kẻ giàu nhất.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Long-Xuyên 5-7-1967

SÁCH MỚI

Mối tình màu hoa đào (lý-thuyết triết-học) của Nguyễn-Mạnh-Côn do Giao - Diễm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 248 trang, in lần thứ 2, có thêm, bớt và sửa chữa nhiều sau khi được sự góp ý của nhiều nhà văn, nhà biên khảo, nhà khoa học... Giá 120đ.

Mưa vào tâm sự tập thơ thứ 2 của Minh-Viên do tác giả gửi tặng. Sách dày hơn 40 trang, in ronéo 1 mặt, khổ lớn, gồm 20 bài thơ.

TINH-THẦN ĐẠI-HỌC

L.T.S Nhân dịp mãn-khóa sinh viên Phật học Vạn Hạnh, T.T. Thích-Mãn-Giác, Khoa trưởng Phân khoa Phật-học và Triết học Đông Phương, có nói chuyện vào hồi tám giờ tối ngày 7-7-67 về đề tài trên đây. Chúng tôi xin tóm lược và trích đăng những phần chính yếu, cống hiến bạn đọc một tài-liệu về tinh-thần Đại-học mà cũng là tinh-thần giáo-dục trí-thức của Phật-giáo hiện nay.

Mở đầu T.T Khoa trưởng trình bày sự quan trọng của vấn đề, đặt vấn đề tinh thần Đại-học trong khung cảnh văn hóa trí thức của dân tộc. Thượng tọa cho rằng tinh thần văn hóa và tinh thần trí thức Đại học của dân tộc lại nằm trong bối cảnh văn hóa thế giới, nhất là văn hóa Âu Mỹ mà hiện nay đang ở trong tình trạng khủng hoảng. Nguyên nhân khủng hoảng là do văn minh cơ khí tiến quá nhanh, con người trở nên một vật-dụng (sự-cụ-hóa con người) nhân tính mòn mỏi, nền nhân-bản bị tổn thương. Trạng thái đó là sự chênh-lệch giữa tốc độ văn-minh và tốc-độ luân lý. Giai-đoạn văn-hóa nào có nền luân lý ấy, nhưng văn hóa giữa thế kỷ 20 thì chưa có nền luân lý thích ứng. Một thành tố gây khủng hoảng nữa là "viễn tượng u ám của xã hội loài người nơm nớp lo sợ cho cái tương lai "nguyên tử" của chính mình", e ngại sẽ là nạn nhân chính sản phẩm sáng tạo của mình. Dân tộc VN, một thành phần của nhân loại, tất nhiên không tránh khỏi mối lo ngại trên, lại còn cộng thêm sự khủng hoảng gây ra bởi cuộc chiến tranh trên 20 năm chưa dứt. Trước bối cảnh văn-hóa, trí-thức ấy đã có rất nhiều phản-ứng của triết-gia, văn-nghệ-sĩ sinh-viên với những tác-phẩm làm xáo trộn thứ-tự ý-thức và tình-cảm».

Trước khi vào phần tinh thần Đại học Thượng-Tọa còn nhắc tới hai sự kiện rất có ý nghĩa : tại Mỹ, trọng tâm trí thức đã từ văn-thi giới, chuyển hướng vào Đại-học tại Pháp phong, trào sinh viên và thanh niên đòi cải-thiện chế độ giáo dục ở Đại-học.

Còn tại Việt Nam ? «Phải thú thật rằng khí hậu Đại-học nói chung của dân-tộc Việt-Nam chúng ta ngày nay đòi hỏi trí-thức giới Phật giáo chúng ta nghiên-cứu, tìm hiểu và dự định một đường hướng mới hẳn. Tất cả những cái gì

đại-học-giới chúng ta hiện có, ẩn nấp dưới một ít màu sắc tô-điểm và một vài cuốn sách luân-lý cổ-truyền đem ra đề bảo-vệ cái thành-trì cổ-truyền, đã bị hướng tiến-hóa lịch-sử vượt qua và đòi hỏi sự cải-thiện. Các báo, các tạp-chí, các tập-san .. đã lên tiếng tố-cáo, đòi hỏi cải-thiện : lại cũng gặp bấy nhiêu nguyên-tắc luân-lý áp-dụng không lựa lọc, không hợp nhất với sinh-tổ mới, nếu có thể nói vậy ; lại cũng bấy nhiêu sự kính trọng tuổi tác đã quá thời cứ bảo-thủ những nếp tư-tưởng và tình cảm xưa ; lại cũng bấy nhiêu sự sùng bái, cúng bái sách vở cồ-nhân vì cồ-nhân bên Âu bên Mỹ hay bên Tàu là Thánh-hiền hết ! Lại cũng bấy nhiêu chiếc xe hơi chứa bấy nhiêu bằng cấp và chứa bấy nhiêu giá-trị do địa-vị, do bằng cấp tạo cho . . . ; lại cũng bấy nhiêu tinh-thần vụ-lợi của óc kỳ-thị do những người đã có địa-vị sợ người khác cướp mất ; lại cũng bấy nhiêu chất sách-vở (nếu có thể nói thế) ngàn đời có trong thư-viện Âu-Mỹ, ngàn đời đem ra làm Thánh-kinh đại-học . . . Nói tóm lại, cũng bấy nhiêu cái. Thì ra, óc quan-lại, óc kỳ-thị và xôi thịt từ thời Trang-Trình để lại cho nhà Nguyễn, nhà Nguyễn-sơ để lại cho nhà Nguyễn-Mạt, để lại cho ông Bảo-Đại, qua tay thực-dân để lại cho hiện-đại thế-kỷ thứ hai mươi vậy.»

Bởi vậy mà muốn phát triển Đại-Học, Đại-Học Vạn-Hạnh phải «tự gánh lấy một phần trách nhiệm cải-thiện».

Bây giờ trở lại chỗ bắt đầu, *Tinh-thần Đại-học Vạn-hạnh hiện-đại* là phát-triển gì, tinh-thần nào, nó ra sao, nguyên-lý nó phát-sinh từ đâu, chính nó trưởng-thành trên lộ-trình nào ? Nguyên-tắc phát-triển đầu tiên của Đại-Học Vạn-Hạnh là *Bi-Trí-Dũng*. Ba yếu-tố này thuộc về ngôn-ngữ Phật-giáo đây, và sinh-viên đã nghe nói đến ba yếu-tố ấy, miệng anh chị em sinh-viên cũng như miệng toàn thể Phật-tử Việt-Nam, cũng đã từng nói từng dùng. Nhưng không phải vì vậy mà nó là phản ảnh của một giáo điều đâu. Tôi xin trình bày rõ ràng. Mà cũng chẳng phải là làm tại đây một buổi thuyết pháp : Đây chỉ là một buổi tường-trình sau một năm học của Phật-Khoa về tương lai phát-triển của Đại-Học Vạn-Hạnh theo chiều hướng nào. *Bi* là từ-bi, là khoan-dung, là hi-xả, là bác-ái của Thiên-Chúa-giáo, là lòng nhân của nền luân-lý duy-lý và là quan-niệm về đạo đức tối cao của Socrate, là

cách cư xử hợp lẽ trời của con người yếu-tính-phạm hay con người kiêm-ái của Platon, là hướng hạnh-phúc công-lý và thân-hữu của Aristote... là đủ cả. Mức luân-lý tối-cao của Nho-Giáo dạy lẽ hiếu-sinh trong trời đất, trong lẽ hiếu sinh của chính mình và dung dưỡng cùng thúc đẩy lý hiếu-sinh của tha-nhân-giới là *Bi* vậy. Đối với chính mình, *Bi* dạy tu-dưỡng, nuôi nấng những tình cảm cá nhân, nuôi dưỡng một lộ-trình cho chính mình để đi cho đến chỗ diệt tham sân si : đừng tham là đừng cho chỉ có mình là phải, là đúng, là mong muốn cái gì cũng hướng về mình, một thứ duy-kỷ và duy-ngã biến lẫn thành ích-kỷ thông thường, thấy người vui thì buồn, thấy người mắc tai-tương thì nở gan nở ruột ; đừng sân là đừng nổi giận, đừng kỳ-thị, phải khoan-dung đối với tha-nhân và nghiêm-khắc đối với chính mình, biến cái giận thành cái hiền-hòa, tạo khí-hậu cảm thông giữa người

và mình, giữa người và người, người vui mình vui theo, ai cũng cùng nhau sung-sướng thoải-mái trên một lộ-trình đi đến bến *Trí* viết hoa; đừng si là đừng tối tăm u ám, là tạo sự sáng suốt cho mình, đã sáng suốt thì có bốn phần thúc đẩy tha-nhân sáng-suốt như mình để cùng nhau chọn hướng của của lộ trình... cá-nhân và tập-thể vậy. *Bi* không phải là lấy trong túi ra cho kẻ nghèo vài đồng bạc; *bi* là một tiếng nói làm cho người đường buồn trở nên vui, người đường lo bỗng hết ưu-tư sầu muộn, người đường khóc lấy lại nụ cười, người đường thiếu sinh-tố bỗng mừng và lớn lên như con nít ăn no chóng lớn vậy. *Bi* là tha-thứ cho mọi tội-lỗi của con người sống cùng mình, với mình, trực-tiếp hay gián-tiếp sống bên cạnh mình, để tạo một không-khí cởi mở, người đường tuyệt-vọng cũng lấy lại được tinh-thần lạc-quan để cùng nhau đi cho hết lộ-trình cá-nhân hay tập-thể và cùng nhau gây một phong-trào *nhân-bản* khai-phóng, và cùng nhau làm lịch-sử: Ở đời chẳng có bao giờ một người mà làm được phong trào, làm được lịch-sử; cho có cùng nhau làm chẳng nữa mà thiếu lòng *Bi* trong *Bi-Tri-Dũng* rồi cũng đến vì kỳ-thị giữa người và người mà làm cho phong trào tan vỡ. Còn *Trí*? Đây là vấn đề gay cấn nhất của lộ-trình cá-nhân, phải kêu riêng chủ-quan cá-nhân. Chúng ta cần gọi đến lý-thuyết *Thành, Duy-Thức-Học*, và chỉ có con đường duy-thức là con đường duy-nhất để dẫn đến *Trí* làm căn bản cho cái trí, cái thông-minh, cái lý-tính thông-thường có hướng tiến-hóa và giúp đỡ con người: người thường thì nhìn rõ bốn-chất, giá-trị và tính cách vũ-trụ vạn-vật để xử-thế với người với mình, còn người tu-học thì đi đến bến Giác để lần về bến hạnh-

phúc. Tôi không muốn lợi dụng buổi mãn khóa hôm nay để làm một bài thuyết - pháp về giáo - điều Phật-giáo, mà chỉ muốn nói về cái thực-thể tâm-lý siêu-hình là *Trí* để giúp anh chị em sinh viên nhận-định, cũng như các triết-gia, tư-tưởng-gia Âu-Mỹ đương tìm hiểu *duy-thức* để phát-huy và hệ-thống-hóa các hệ-thống *nhận-thức-luận* của họ; Triết-gia Heidegger thuộc phái hiện-sinh vô-thần Zaspers, thuộc phái hiện-sinh hữu-thần, Husserl thuộc phái hiện-tượng-luận... hẳn đã đi qua *duy-thức* và thiên... để phong-phú-hóa các chủ-thuyết của họ.

Chỉ xin thưa với anh chị em sinh-viên rằng: trên một lộ-trình của *bản-thể* thì khi đến *thức* là mọi sai-biệt bắt đầu; con người ta khi chiếu sáng *thức* vào chính mình thì nhị-nguyên-tánh của vũ-trụ vạn-vật phát-sinh: phải trái, cao thấp, tốt xấu, hay dở... và tất cả mọi dục vọng dẫn-dắt đến tai-ương phát-sinh... Giáo-dục con người nếu muốn đi đến hạnh-phúc phải biến *thức* thành *trí*: *thức* là *trí* còn mê-lắm, *trí* là *thức* đã giác-ngộ rồi vậy. *Trí* là *trí* ấy, chứ chẳng phải *trí* là cái thực-thể tâm-lý giúp con người khôn khéo, ranh mãnh để thành công trên mọi lãnh-vực bá-đạo, kể cả lãnh-vực lềm hại, làm đứt lý-hiểu-sinh của người khác, gây tan-vỡ. Xin nói lại: mệnh-đề yếu-tính của *duy-thức* là: Vũ-trụ vạn-vật do *thức* mà biến, hoặc là: *thức* là đầu mối của sự sai-biệt khi nó phát-sinh trong lộ-trình của *bản-thể* và tự *thức* thì vũ-trụ vạn-vật bắt đầu bằng một sự-kiện chủ-yếu: giữa bản-thể chủ-quan và hiện-hữu khách-quan có tương-quan phát-hiện ra bằng sự hiện hữu của chủ-thể và đối-tượng, còn được gọi là năng-trí và sở-trí, hay còn gọi là chủ-thể tri-thức và

đối-tượng tri-thức, những danh-từ Nho-giáo cũng dùng để chỉ ta và người, ta và nhiên-giới khách-quan.. Nói rộng ra, một đối tượng sở-tri bao giờ cũng xuất-hiện từ một hoàn-cảnh cụ-thể hay trừu-tượng và đã chịu tác-dụng của hoàn-cảnh ấy. Hoàn-cảnh này, theo duy-thức-học gọi là cộng duyên cộng tướng; và vì lẽ đó, sẽ phát-sinh lẽ nhân-duyên tương-đối tương-hợp tạo ra cảnh vọng-ảo. Con người ta vốn nhiễm chất dục-vọng làm tối tăm sự sáng suốt, chỉ nhận - thức vũ-trụ khách-quan trong thế-giới trước con mắt hiện tại và chịu tác dụng của thế-giới ấy. Mê vọng tạo mê-vọng... không-gian và thời-gian vô cùng chất chứa mê-vọng : con người sống mê vọng và tầm mê-vọng không bao giờ chủ-thể nhận thức *duyên* được *chân-tướng* thực-tướng của vạn pháp vạn-hữu. Thị-giác bao giờ cũng nhìn vạn pháp, thính-giác bao giờ cũng nghe vạn pháp... qua một tấm màn chủ-quan làm mê vọng con người trong thế-giới của con người không lúc nào sáng suốt, thường-trực bị mê vọng do tình-cảm dục-vọng riêng tư gây ra. Khối tâm-lý chủ-quan con người gồm có tám thức *thực - thể*, ngoài năm giác quan giúp con người nhận biết đối-tượng khách-quan, còn có thực-thể thứ sáu là *y-thức*. Thực-thể thứ bảy là *Mạt-na-thức*, cũng gọi là thức suy-tướng tư - duy, hay thức tri-giác hay trí - thức; còn thức thứ tám là A-lại-da-thức chứa tất cả chủng-tử từ đó phát-sinh nghiệp-lực và nghiệp lực chuyển-biến gây ra cá-giây luân-hồi dẫn dắt chúng sanh qua những giai-đoạn mê-vọng vậy. Thành-Duy-Thức chủ-trương rằng các chủng tử có cái tốt cái xấu, nghĩa là có chủng tử thuần-túy trong sáng và chủng-tử bị nhiễm-ố tối tăm... Chủng-sinh con người sở dĩ mê vọng vì để chủng-tử xấu che chủng-tử tốt, vì vậy con đường đi đến bến giác, bến tuệ bến trí là con đường diệt chủng-tử thô-lậu, thúc đẩy cho chủng tử sáng suốt

xuất hiện. Một khi A-lại-da thức hết chủng-tử xấu, chỉ còn toàn chủng-tử sáng suốt, thì con người trở về bản-thể thanh tịnh và duyên được chân-tướng vũ-trụ vạn-vật. Duy-thức chủ-trương lấy *pháp duyên thức*, lấy *thức duyên tướng*, (dĩ pháp duyên thức, dĩ thức duyên tướng) tướng đây là *thực-tướng* hay *tự-tướng*. Chính vì vậy mà duy-thức-luận còn có tên là *Pháp-tướng Duy-thức-luận*. Do lẽ đó mà chúng ta suy dễn ra rằng, một khi đến bến *Trí* thì vũ-trụ vạn-vật này vẫn là vũ-trụ vạn-vật này, nhưng mỗi một *pháp* trong vạn-vật đều xuất-hiện dưới *Thực-tướng* của nó, như vậy là thích-nghi với yếu-lý «bất - ly thế-gian-giác». Con người vẫn tu học giữa đời sống và đồng thời diệt bỏ mọi mê vọng và thấy, và nghe sự vật theo thực-tướng của chúng tức là tự con người đã dứt bỏ dục vọng. Cái thành-ngữ «N hư thị» khi đức Phật giác-ngộ nói và thành-ngữ «*nư thị ngã văn*» của ngài A-Nan nói trước mỗi quyền kinh khi kiết-tập kinh-diễn đều nói lên cái ý nghĩa là phải thấy phải nghe vũ-trụ vạn-vật theo thực-tướng tự-tướng của nó. Hiện-tượng-luận ngày nay bên Âu - Mỹ cũng đang khai triển một số yếu-lý của *Thành-Duy-thức* vậy. Và chúng ta còn phải thêm rằng Thành-Duy-Thức về vấn đề ấy làm chúng ta liên-tưởng đến Bhagavad Gita của Ấn-Độ-giáo và chủ-trương giải-thoát tại thế-giới nhân - sinh và tại siêu-thế-giới của thuyết Upanisad.

Hôm nay tôi không có ý đến đây dự tiệc trà để thuyết-pháp, nhưng ít nhất cũng phải nói sự khác nhau giữa cái *trí* hầu giúp chúng ta tìm tự-tướng, thực-tướng của vũ-trụ vạn-vật, cái mà hiện-tượng-luận gọi là *yếu-tính* của hiện-tượng ở cảnh-giới tự-tính, và hiện triết-học Âu-

Mỹ hiện-đại đương khai triển với cái *trí* mà sự mê-vọng của chúng ta lằm với cái thứ *sáng-suốt khôn ngoan* ranh mãnh dùng vào việc *bá-đạo* trong đời sống.

Bi-Trí-Dũng. Trí trong *tinh thần Đại-Học* của chúng ta là *trí* trên không phải *trí* dưới : *trí* trên đương nhiên là đối-tượng trực-tiếp của triết-học Âu-Mỹ hiện-đại vậy (xin nói lại : triết-học hiện-đại).

Còn cái Dũng đây chẳng phải là cái dũng Yêu-Ly hay Kinh-Kha đời Xuân-thu Chiến-quốc, hay của phái Cự-Tử của Mặc-định, mà cũng chẳng phải cái dũng của nhà hiệp-sĩ thời Trung-cổ bên Âu-Châu. Dũng đây là sức cường-tráng, là sinh-lực giúp con người ta đủ sức mạnh bỏ *tham, sân, si* theo *bi, trí* : bỏ được dục-vọng, dứt được tham-vọng, chẳng phải chuyện dễ. Nếu dễ thì máu xương nước mắt Xuân-thu Chiến-quốc và hai ba ngàn năm sau, hai trận thế chiến đã không xảy ra. Muốn có dũng để diệt được dục ta phải có một sinh-lực đặc-biệt do một sự cường-tráng đặc-biệt gây ra. Muốn có một cái dũng ấy phải theo pháp vệ-sinh về đạo-đức và tinh-thần, phải *bi* phải *trí*. Nói một cách khác, muốn *dũng* phải có *bi* và *trí* và muốn *Bi* và *Trí* phải *Dũng*. Ba khái-niệm ấy liên nhau : có một mới có hai và ba, có hai và ba một mới xuất-biên, và ba khái-niệm hồ-tương giáo-dục nhau, thật cũng như bên Nho-giáo không *tu* thì không có cách gì *đề tề, trị, bình*, muốn *tề trị bình* thì phải *tu* ; và đồng thời *tề-trị bình* tức là *đầy* cho sự *tu* ; nó trưởng thành vậy.

Nói tóm lại, khẩu-hiệu Bi Trí Dũng và châm ngôn *Duy Tuệ Thị Nghiệp* của tinh thần Đại-Học Vạn-Hạnh của Đại-Học chúng ta đặt trên căn-bản triết-học và tôn giáo và dựng lên trên một bình-diện linh-động — *động* chứ

không *tĩnh*, vì *tĩnh* là phản ảnh của tinh thần giáo-điều ly-khai với thực-tại trong thời-gian trong *thù-nghịch* của tiến-hóa và hướng lên của lịch-sử.

Với châm ngôn *Duy Tuệ Thị Nghiệp*, với tinh thần Đại-Học Bi Trí Dũng của giáo dục Đại-Học Vạn-Hạnh chúng ta hướng dẫn hai ngã sống của cá nhân và tập-thể : một là duy-trì những sinh tố lành-mạnh và gây sinh-lực của *truyền-thống dân-tộc*; hai là hấp-thụ những sinh-tố mới từ bốn phương tám hướng, từ mọi nẻo đường chân trời hợp với đất Phật-Giáo phi nhiều và chứa nhiều đặc-tính của đạo-lý dân-tộc Việt-Nam : hai thứ cũ và mới hóa hợp trong phòng thí nghiệm của lịch-sử hiện-đại của dân-tộc Việt-Nam, để phục-vụ trở lại tinh-thần Đại-Học mới Vạn-Hạnh và toàn-diện địa-lý và nhân chủng Việt-Nam.

Dân-tộc chúng ta ngày nay trưởng-thành đến cái trình độ nắm trong tay nền độc-lập của mình, là nhờ *truyền thống dân-tộc* tức là cái gia sản văn hóa tiền nhân tích lũy cho các thế-hệ hậu-sanh. Cái truyền-thống căn-bản đó là đất đứng của dân-tộc. Tuy nhiên cũng như tất cả mọi miếng đất trên đó nhiên-giới và nhân-giới trưởng-thành, có bụi bặm rác rưởi, mà cũng có chất phù-sa. Chất trên cần phải loại và, chất dưới phải duy-trì và, thừa quý vị, phải phối hợp với các giá-trị văn-hóa bốn biên năm châu để tạo một thứ mầm giống tốt *sinh* và *trưởng* trên đất nước. Ở cái chốn sâu thăm thẳm, ở những nơi thâm sơn cùng cốc man đại kia tại Phi-Châu mà người ta cũng tìm ra được những âm-thanh tản mát, rời rạc, để đem về phối hợp với nhạc-tính có sẵn tại nơi phồn-hoa, tạo ra những giai-âm nhạc-tiết làm thỏa mãn thính-giác của chúng-sinh hiện

đại thể-bỷ hai mươi. Hướng là ! Suy một việc ấy ra trăm việc, suy trăm việc ra muôn ngàn việc, và xét việc từ một đến biết bao nhiêu là khía cạnh, chúng ta phải suy-diễn rằng trong vũ-trụ, không có gì đáng loại ra ngoài phạm-vi và khung-cảnh hiếu-sinh của trời đất vậy.

Vậy thì, hạn chế vấn-đề trở lại văn-hóa dân-tộc và đất nước chúng ta, nếu chúng ta có làm cái việc hóa hợp mọi thành-tố để tạo tinh-thần Đại-Học mới, thật cũng là hợp với lẽ hướng-thượng của lịch-sử dân-tộc vậy. Trong thì có tinh-thần Tam-giáo cổ-truyền đem ra xét lại dưới lăng kính mới, ngoài thì có nhất văn-hóa do giá-trị Đông và Tây hướng vào : tinh-thần Đại-Học mới của Vạn-Hạnh chúng ta phải vươn lên và nảy nở trên bình-diện ấy để phục-vụ cho Đạo-pháp và dân-tộc vậy !

Anh chị em sinh-viên cũng như Tăng-Ni, sau một thời gian thụ-huấn, một khi ra khỏi mái nhà Vạn-Hạnh, hay có thể gọi là lúc xuống núi, khi tốt-nghiệp, thì anh chị em cũng như Tăng-Ni : đã hợp lại từ bốn phương thì tung ra khắp bốn phương. Kẻ làm nhà sư-phạm dạy ở các trường Trung-học Bồ-Đề, người làm mô-phạm ở các Phật-Học-Viện Việt - Nam, kẻ làm Phật - sự trên tất cả miếng đất lớn nhỏ của đất nước, kẻ làm thức - giả. Làm Sư phạm không phải là dạy các số giáo-lý chứa trong Tam - tạng kinh-diễn và tụng kinh ngày hai buổi sớm chiều, mà là cũng tụng-niệm nhưng dựa theo châm ngôn Duy Tuệ Thị Nghiệp, theo tinh thần Bi Trí Dũng chân chính nữa: Không Bi-Trí-Dũng mà tụng đủ 24 giờ thì cũng như không hiểu tinh thần mới là gì. Làm thực

sự không là phải khệ nệ bưng gạch ngói để làm chùa chằng hạn, mà là tham dự vào sự tiến - hóa của Phật-giáo đã trưởng thành từ hai ba ngàn năm... Còn, thưa anh chị em sinh-viên, làm thức-giả, trí-giả, là làm người có chân-học-thức : chân-học-thức không phải chứa trong thiên kinh vạn quyển theo một mô giáo-điều mà là hiểu thấu tinh-thần Phật-Giáo, thấy cái gì cũng phải xét đến thực-tướng chân-tướng, đừng để tham sân si xen vào làm mất tinh-thần «Nhu thị, như thị» của đức Bồn-sư truyền lại ; chân-học-thức là chứa cái vốn trí-thức tổng-quát làm cái bình-diện cho Phật-học nảy nở cây sinh cành lá, cành lá sinh hoa, hoa vọng hương thơm và chứa hình ảnh của thực-tướng, chân tướng «như thị, như thị».

Ở đời không có quyền tham-vọng, vì tham vọng là trái với yếu tính của Phật-giáo. Nhưng hiện nay, chúng ta ở đất Á-Đông minh mông này có quyền tham vọng, vọng lên một vài tia sáng để làm hướng nhân-sinh cho toàn diện thiên hạ Đông và Tây. Nhất là Tây : Âu-Mỹ. Nói vậy mà tôi không dè dặt bản-khoản, nói vậy mà tôi không sợ anh chị em sinh viên tham dự buổi họp thân-mật này cho là đại ngôn lố tiếng, vì hiện văn-hóa trí-thức Âu-Mỹ đương lâm vào ngõ thiếu lối thoát. Khoa vật-lý toán-học của họ đã đi đến mức cao nhất của nó và phát-sinh ra một nền văn-minh cơ-khí toàn-diện vừa đe dọa sự tiêu diệt của nhân-tính vừa đe dọa gây ra một sự tự-sát chung không có gì cứu vãn nổi. Giữa lúc đó thì, như tôi đã nói, cái nền luân-lý để hạn-chế dục-vọng của con người và tạo điều-hòa giữa chủ-khách-quan như Phật và Lão

chúng ta thường đề-cập, thì lại chưa ra đời. Sự *khủng-hoảng tiềm tàng* ở Âu-Mỹ đã lên tới mức *khủng-khiếp* mà không dám tự thú nhận. Vì vậy, toàn khối triết-gia tư-tưởng Âu-Mỹ phải ném ra giữa đời sống văn-hóa cái khẩu-hiệu: *Trở về Phật và Lão* mà tiếng Anh họ gọi là: *Return to Taoism and Buddhism*. Các triết-gia cổ-điển thì đã chết, còn lại các triết-gia hiện-đại như Heidegger, Jaspers, Husserl... thì đều kêu gọi sự thể-hiện tinh-thần Phật-Lão, và nhất là tu-thiền. Và ngộ-nghĩnh nhất là phái thanh-niên lại là phái tha-thiết với Phật-Lão nhiều nhất: Tất cả các phong-trào thanh-niên "nổi giận" và "nổi loạn" đều chủ trương *phủ-nhận nhân-sinh, lên án ngôn-ngữ, chủ-trương vô ngôn, học Thiền và tọa Thiền*.. phái đó *phủ-nhận* hết, lên án hết. Ở đây chúng ta phải thừa nhận yếu-tính Thiền là gì, nếu không phải là sự *phủ-nhận* toàn-diện!

Ở đâu đâu và ở đâu xa, ở gần chúng ta và bên chúng ta tinh thần Đại-học đang sa vào công-thức, đương lún trên bãi cát lún của tinh-thần quan-liêu và đương phản ảnh một thứ tinh-thần... nói thẳng là tinh-thần *hương-nguyện*, đúng như tiền-nhân chúng ta gọi cái thứ sĩ-phu chỉ biết lo ngôi thứ và âm-thự chơn là *tinh thần Tam-giáo chân-chính*. Đề ứng phó với thời cuộc: thời cuộc trong thời loạn, thời cuộc của thời bình sắp đến, (vì trước sau chậm trễ bao nhiêu rồi thời bình cũng phải đến) thời cuộc của ngàn ngày của tương-lai dân-tộc và đất nước... chúng ta phải có một *tinh-thần Đại-Học mới*. Nói một cách khác, chúng ta phải có một tinh-thần Đại-Học mới *trị loạn* và *trị*

bình: trị loạn là đề thu xếp dọn dẹp những *giá-trị* đương ngồn ngang trên dưới mất quân bình và mất thăng-bằng đề mà dự-bị cho thời *trị-bình* vì hệ thống *trị-bình* sẽ áp-dụng. Trị-bình là thích-nghi sự *thăng-bằng* đã qua với hiện tình của *giá-trị* mới, đề tạo một bình-diện cho cây lá mới hoa mới về văn-hóa này nở và trưởng-thành vậy. Đại Học Vạn Hạnh là của chung của dân-tộc. Phục-vụ cho Đại-Học Vạn-Hạnh là phục-vụ cho Đạo Pháp. Chúng tôi ngày đêm cầu nguyện cho dân-tộc nuôi nấng nó cho *lộng lẫy*: cây sinh lá, hoa từ lá mà *phong-phú*. Những sinh viên tốt-nghiệp Phật-khoa xong sau này là một Phật-tử chân-chính, làm con dân xứng đáng của dân-tộc, của đất nước. Xin anh chị em sinh-viên coi Vạn Hạnh như cây đại thọ, vun gốc tưới cây cho cành lá văn-hóa bao phủ rợp chân trời dân-tộc. Như vậy, gần hết sự nghiệp của Đại-Học Vạn-Hạnh gây dựng trên tinh-thần Đại-Học mới, là tư-sản của toàn thể Phật-tử Việt-Nam, của riêng tất cả sinh-viên Phật-Khoa.

Viện Đại-Học Vạn-Hạnh là sản phẩm của anh chị em sinh-viên. *Tinh-thần Đại-Học mới*, là do toàn thể sinh-viên *suy-niệm*, mà do chúng tôi làm phát-ngôn nói lên.

Sự sinh-tồn, sự này nở, sự trưởng-thành, sự toàn-hảo, toàn thiện của Đại-Học Vạn-Hạnh thực hiện trên *tinh thần Đại-Học mới* đó ở trong tay quý vị.

Ngày hôm nay là ngày chúng tôi nhận sứ-mạng và cũng là ngày giao sứ-mạng cho toàn thể anh chị em sinh-viên Vạn-Hạnh vậy.

MÁ HỒNG

8 | Chi đặc ống nghe xuống cần máy bằng một cử điệu không được tự nhiên lắm nhưng rất bình tĩnh. Đoạn, từ khuôn mặt hơi cúi, đôi mắt Chi ngược nhìn tôi cùng với một nụ cười chúm chím nửa như mơn man trêu mếu nửa như che dấu kín đáo phản ứng do mâu đối thoại vừa qua với Độ. Tôi định lên tiếng trước nhưng chấp nối mãi vẫn không thành một câu. Làm sao đề chứng tỏ tâm hồn mình chẳng thấy chút nào gọi là xao động cả. Nhưng, tôi chợt bỡ ngỡ tự hỏi, mình muốn chứng tỏ với ai sự bình thản đó chứ. Và tôi không tìm ra được giải đáp cho tiếng nói thầm ấy. Ban nãy, Độ hỏi tôi đã hết bệnh chưa mà đi làm hay lại nhớ ai rồi. Tôi định trả lời còn đau lai rai nhưng nằm nhà buồn quá chịu không nổi thì Độ đã tiếp Chi có trong văn phòng không, anh. Làm ơn cho moa nói tí chuyện riêng. Tôi buột miệng cốt cho vui, lại hẹn hò nhau giung giăng giung giẻ chứ gì. Lập tức, bên kia đầu giây vang lên chuỗi cười khích khích rồi Độ tiếp, anh định hại tôi đấy hả. Nghe Chi nói cuối năm nay anh cưới vợ ăn hết tết mà còn cú rờn nhau hoài.

Hình như Chi đang quan sát và phân tách thái độ im lặng của tôi từ nãy giờ. Mãi mới nghe tiếng nói nhuốm dụng ý giải thích, thật nhẹ :

— Anh ấy kỳ thật. Tưởng chuyện gì ngờ đâu chỉ hỏi mạnh khỏe không.

Tôi nhìn Chi, mỉm cười Em định che mắt anh nữa sao? Mới tối qua, Huyền nhắc chắc chị. Chị định chài chú rồi đó. Chị ấy khôn lắm thế mà cũng bị bà Trưởng ty bưu điện quạt cho một mách, cấm không cho tới nhà nữa. Giờ chị ấy định đi với chú đề che dấu thiên hạ đấy. Thế thì anh chàng Đồ phải nhận nhủ điều gì quan trọng lắm có chi lại hỏi thăm sức khỏe. Hay, tôi bỗng thấy người nóng bừng, Độ hỏi thăm sức khỏe thật vì biết đầu đủ diễn biến hàng tháng của Chi, đề sắp đặt chương trình. Tôi nói :

— Chiều về thử lại anh ấy xem.

Chi nhìn tôi bằng đuôi con mắt, rồi nhếch môi cười cùng một lúc với khuôn mặt hếch lên, kéo dài đuôi mắt thành vệt sắc sáng như một chút bóng phản lực vút lên trời nắng sau khi oanh tạc :

— Tối em lại với anh.

Tôi lắc đầu nhưng chưa kịp nói thì hai cánh cửa đã mở toang. Đạt hiện ra, hai cánh tay vươn chống doang hai cánh cửa, ngang tàng như một hiệp sĩ trong phim cao bồi. Cặp môi Đạt mím chặt, bành bạnh không nhất định diễn tả tâm trạng vui hay buồn, Chỉ riêng ánh mắt rõ rệt hừng chiếu những tia thật nghiêm nghị. Anh ngắm Chi theo chiều dọc của thân thể lên xuống nhiều lần như ánh đèn pin lùa tìm con chuột nhắt sợ hãi lần trốn trong khe tủ. Tất nhiên Chi không chịu nổi vai trò của một tội nhân lâu hơn nữa nên luống cuống vớ lấy kẹp hồ sơ trên bàn rồi khép nép đi ra.

Tiếng nói đầu tiên của Đạt :

— Không được nghỉ nữa sao ?

— Tại nằm nhà buồn quá, chịu hết nổi.

Tôi nghe thoáng giọng hừ hừ từ cổ họng Đạt :

— Mày. Thôi ra tao chở đi khám lại coi.

— Bỏ đi, bệnh gì mà khám,

— Mất tiền chó đâu mà mày lo. Tao không thích và không có thì giờ để lý luận. Mày cứ đi rồi ông bác sĩ trả lời mày.

Nói xong, anh ngừng mắt nhìn tôi. Tia mắt anh trong thoáng giây chột dọi hẳn xuống. Một cái gì mát dươi ào tới như cánh đồng buổi trưa đang nắng gắt bỗng được đám mây đen đặc bay ngang mặt trời. Đạt thương mình như một người anh. Nhận xét ấy reo rắc vào tôi những xao xuyến rung động như mặt nia đang chịu những chiếc mỏ mỏ liên liến của đàn gà nhỏ. Và như thế, tôi không còn gì để nói, mặc cho đôi chân khua phức theo anh ra xe để chạy thẳng tới phòng mạch của bác sĩ Viên.

Nơi phòng mạch của bác sĩ Viên đã tụ tập vô số xe xích lô và người. Từ xa chỉ cần nhìn cảnh đó cũng đủ biết chỗ làm việc của bác sĩ, trừ ngày trong tỉnh có bàn thực phẩm theo thẻ tiếp tế. Nhưng những ngày đó, cũng thực sự khó nhăm bởi nơi này còn chiếc xe Jeep willys sơn xanh lá cây với những chữ thập đỏ choán hết hai bên hông và cánh cửa sau của Ty y-tế đậu thường trực khi bác sĩ có mặt ở nhà. Trong phòng nồng nặc mùi thuốc và mùi nước sôi. Đâu đó những thân hình nhỏ thó dẫu trong những mảnh vải đen đứng ngồi lộn xộn khắp mọi chỗ. Một thiếu phụ nằm khèng khẹo trong chiếc ghế ny-lông đan hình vỏ sò. Mảnh chân xám bờ xờ những chòm lông xỏ chần trên ngực không phủ kín mảng vai áo màu hồng như nhuộm nước củ nâu non dang dở. Máu. Máu. Tôi chợt thấy ngay đằng sau ghế, một cái vồng quận tròn manh chiếc lót bên trong loang những vết thâm tím đặc sệt. Này Đạt, tôi hích khủy tay vào người anh, ê, đạn của mày hay của tội nó đây. Đạt nhìn theo, rồi nhún vai cười, cần gì biết. Bỗng, anh hỏi lại tôi nhưng tiếng nói hơi to :

— Sao không đưa những người bị thương này tới bệnh viện ?

Mấy cái mặt ngừng lên và không biết cái miệng nào nói :

— Phải tới đây trước thì bác sĩ mới cấp cho giấy nằm nếu tới thẳng đảng đó thì không có giường.

Đạt bật lên mấy tiếng chửi thề :

— Thằng cha này đáng thiên quá rồi đấy. Trường ty chó gì mà giờ này ngồi làm tư lại còn mảnh lời bần thiêu.

Như đề trả lời Đạt, ngay lúc đó một giọng nói từ phía trong tấm vách vọng ra thật trong, hai trăm đấy, đếm xem có đủ tiền không rồi hãy cởi áo. Tôi nhìn Đạt, cười. Đạt quay đi, đôi mắt vẫn còn chịu nặng những vết nhăn trên mi, như bắt đầu để ý tới những người ngồi dưới đất vì thiếu ghế lòn nhón với tấm lòng thân thiết hơn.

— Điện ảnh nước ta còn lâu mới cảm thấy phim màu là cần, nhỉ.

— Máy định bán Sài gòn cho nước nào đã ?

Tôi cười xuề xòa, nhận lời phản đối nóng bỏng của Đạt bằng những cái gật gật. Phải, tôi nhớ rồi, Sài gòn. Sài gòn thì phải có những cuốn phim màu thì mới hy vọng khơi động trung thực linh hồn ngày đêm thao thức. Những chiều thứ bảy : Những tấm thân lượn dạo óng ả. Những tiệm nhảy chói lọi hào quang và bóng tối dung dưỡng những tấm thân ngà ngọc mời gọi hiển dăng mà không cần quen biết. Thật mau, tôi cảm thấy hối tiếc lạ lùng. Tâm hồn tôi ghen ngào nổi sốt sa như kẻ ly hương nhìn ra sóng nước lúc đã biết không hy vọng một chuyến trở về. Huyền cũng mong được sống ở Sài gòn. Sống ở trong ấy chắc tự do, chú nhỉ. Cháu chỉ ao ước có một gian gác nhỏ, một chiếc solex và đi làm ngày hai buổi với số lương đủ sống. Thế là vui, là mộng rồi. Chợt hình ảnh Bắc lại lù lù hiện lên như khung vải đón ánh sáng đầu tiên từ máy chiếu phim rơi tới. Thủy mơ hồ có có không không phía sau. Tôi cố sũa đuôi hết đề nhìn xuống bụn, Thủy. Thủy. Thủy ơi, bây giờ em bảo anh phải làm gì ?

May mắn cho tôi khỏi đưa sự tưởng tượng xa thêm mãi, lúc ấy cánh cửa phòng hé mở. Một người đàn ông lách ra với tờ giấy trên tay. Thấy tôi và Đạt, ông ngả đầu chào thật lễ phép. Tôi chào lại nhưng không biết là ai. Riêng Đạt còn nói một câu, lại đi bác sĩ để lấy giấy nghỉ vài ngày, phải không. Tiếp theo, ở khe cửa mở, nửa thân mình một thiếu phụ lọt ra. Mái tóc uốn kiểu cách với nhiều lọn cong lớn. Tôi nghe tiếng Đạt chào chị ạ. Tiếng chào khiến bà này quay lại rồi nét mặt chuyển thành vui tươi :

— Có việc gì đấy, trung úy ?

— Tôi lòi cò tên phó quận tới đề ông ấy khám xem là mắc bệnh gì kéo rồi cả tỉnh chết oan thì vui lắm.

Người đàn bà quay sang nhìn tôi, mỉm cười. Làn môi hơi dầy, tô son nhạt chúm chím, nhưng sao tôi cứ vẽ ra một vẻ buồn trên đó. Tôi nghĩ tới một người

đàn bà có học, trang nhã được gặp trong một khung cảnh gia đình điền viên chồng con. Nhưng còn lời nói ban nãy với bệnh nhân là của ai. Bà bác sĩ hỏi tôi :

— Bạn sau anh cứ gõ cửa chứ thì giờ đâu với lại việc gì phải chờ. Nhà tôi với anh như thế cũng là chỗ quen biết cả...

Tôi đáp :

— Tôi tưởng ai đến trước vào trước...

— Ôi dào, nguyên tắc. Người ta khác, các anh khác.

Đạt vẫn giọng bông đùa :

— Vào thì được nhưng sợ ông ấy đang đê cô nào ra mà khám thì sao đây ?

Bà bác sĩ hơi đỏ mặt, nguyệt Đạt :

— Trêu tôi đấy phỏng ? Sao ở cái tỉnh này ai cũng đồn là tôi ghen nhà tôi mỗi khi khám các nữ bệnh nhân trẻ tuổi là làm sao nhỉ ? Tôi đâu có ghen ? Chẳng qua thấy ông ấy vất vả thì phụ giúp với ông ấy đôi chút. Đó cũng là cách giải trí ở cái tỉnh này đấy chứ, anh.

Đạt vẫn lè nhè :

— Thôi đi, thiên hạ đâu có mù. Chị đay nghiêng anh ấy câu nào, ở vụ khám cô nào đều được thông báo cả rồi, dẫu sao nời.

Bà bác sĩ hơi cau mày :

— Ai thông báo ?

Đạt bật cười ha hả :

— Lại định véo ông ấy rồi chẳng ? Nói thật chứ đàn bà ai cũng ghen, nhưng riêng chị thì nhất ở trên đời đấy ạ. Chị nhớ lại coi, dạo này các cô có tí nhan sắc đâu dám tới phòng mạch của anh ấy nữa. Khổ cho họ là đau muốn chết mà cũng chỉ lết đi ông lang thôi. Tại chị hết.

Bà bác sĩ cố cãi :

— Anh nói thế mà nói được. Nếu thật điều đó thì do lỗi của tôi hay của nhà tôi nhỉ ? Ờ...

Câu chuyện cò cưa sẽ còn dài nếu lúc đó bác sĩ Viên không thò đầu ra vì mãi không thấy bệnh nhân vào trình diện. Bác sĩ Viên cười, dơ tay bắt thân mặt, vô đây, các bô, gì mà hội thảo tung bưng vậy ? Đạt nháy mắt vừa nói về tính ghen của bà chị. Bác sĩ Viên dơ hai tay như muốn kết luận một cách khôi hài, à các anh cũng biết. Tôi thấy khổ nhất trong vụ này là cô y tá của tôi bị thất nghiệp. Đi thế còn bị chê là tại sao cô lại đẹp, tại sao ông nhà tôi mượn cô mà không mượn người khác... Bà bác sĩ cầm ống nghe đưa cho chồng, cười chịu đựng. Mọi câu nói từ nãy giờ đều tỏ ra rất vui nhưng tôi cứ nhớ mãi âm thanh của câu nói

đếm đi rồi hãy cởi áo. Nó làm cho mọi tế bào trên thân thể tôi tê liệt và buồn bã chán ngán. Bác sĩ khám một lát xong kết luận anh hơi mất sức đấy, cần nghỉ ít ngày.

Ra khỏi phòng mạch, Đạt bảo tôi thôi đừng về quận nữa, bỏ đó đi chơi với tao cho khoẻ. Tôi tỏ ý ngần ngại, mấy hôm nghỉ công việc đề đồng nhiều quá, nghỉ không tiện. Nhưng Đạt to giọng :

— Mày cũng láo nốt. Dấu tao hả ? Mày muốn về quận ngồi rồi đợi em Chi vào tán nhau chứ chó g'.

Tôi cười :

— Tùy cậu nghỉ, và điều đó cũng đúng. Nhưng nếu quả thật chỉ có một mục đích đó thì yếu. Sao không gọi em tới nhà nhỉ ?

Đạt đập vào vai tôi khá mạnh :

— Mày. Bộ dờn hả, tao đâu phải con nít. Mày điệu em Chi về nhà cũng được nhưng hơi ngại em Huyền một tí, đúng không, em.

Đến đó thì tôi hoàn toàn bế tắc, thú nhận sự chiếu thẳng với tỷ số năm không của người bạn tinh quái. Đạt cho xe chạy về phía bờ sông. Đường phố buổi chiều vắng vẻ vài cái xích lô lững thững nhu muốn tấp vào bất cứ bóng dâm của lùm cây nào nghỉ đỗ. Tôi định hỏi Đạt đi đâu nhưng lại thôi. Đi đâu thì cũng thế, cốt cho hết buổi chiều với sự mệt mỏi rã rượi, lười biếng chổng chắt trong người.

Xe qạo khỏi khúc quanh thì con đường chạy dọc theo giong sông đã trải dài trước mặt. Tre từ phía bờ nước mọc thành từng bụi nối tiếp nhau phủ kín giải đường, nhiều khúc tạo thành những chiếc hầm nổi lè tè thơ mộng. Màu trắng sáng của mây trời, của mặt nước chỉ loáng thoáng hiện ra từng mảng nhỏ ở những chỗ cây thưa lá mỏng. Gió của khoảng trống phần phật thổi lại thật nhiều. Lòng xe phồng lên những làn hơi mát rượi ngọt ngọt thành lạnh. Tôi hứng khởi căng lồng ngực hít thở từng nhịp dài như phương pháp thể dục hồi ở sân trường tiểu học. Và một cảm giác khoan khoái lâng lâng từ những lỗ chân lông tỏa ra sưởi ấm tâm hồn. Tôi chợt nghe Đạt nói :

— Thăng Tùng nhà tao sau này nhớ giống tên Viên thì không biết tao phải làm gì, mày nhỉ ?

Tôi cười :

— Bắt nó nằm xuống, quất đủ một trăm gậy vào mông dít.

— Ăn thua gì. Mình phải biết nhiều khi thằng con trai hư đốn, tồi tệ chính vì con mụ vợ nó sai khiến.

— Nếu thế thì chả nhẽ không nên lấy vợ

Đạt gật gật với dáng mặt thật trầm tĩnh :

— Tao thì khỏi rồi đó, nhưng thằng nào lấy thì cứ việc chứ, miễn là khôn ngoan một tí.

— Thí dụ cho sự khôn ngoan một tí ?

— Tao với mày cả mà, cần gì giảng giải lý thuyết. Nhưng mày cứ lần quần với con Huyền và con Chi thì đời mày có thể buông màn một cách bất ngờ lắm lắm đấy, con.

Tôi cười dài, tao đâu có ngu như mày tưởng. Yên chí đi, cưng. Ở tỉnh này mà không phát phơ với mấy em thì mốc từ khuya rồi, mày lạ chi điều đó. Nhưng Đạt hình như không chú ý tới lời tôi vừa nói. Anh trầm trầm tiếp :

— Lúc nghe tên Độ tự thuật cuộc đời tình ái và sự nghiệp của nó mà tao thương mày không biết đề đâu cho hết. Sau nó khôn thế, ăn xong biết cách chùi mép thật kỹ, lại còn vẩy tí nước hoa nữa mới hách. Vợ nó bây giờ như rút tôm xuống cái hố, mơ mơ thực thực không biết chuyện chồng mình và em Chi có đúng như người ta đồn không, Tao chịu nó lắm.

Tôi vội nói đề ra điều cũng biết như Đạt :

— Thì ai lại không biết vụ con Chi với thằng Độ ?

— Biết sao mày còn lao đầu vô ? Đấy, thằng Độ sẽ đóng vai ông mai cho mày, đề mày cưới vợ hai của nó, sau khi vỡ lờ, ăn vụng không trôi nữa đấy. Ưng không ?

Tôi nói lớn, hơi sảng đề đàn áp Đạt :

— Mày nghĩ là tao sẽ lấy con Chi sao ?

Đạt nhúng vai, cười nửa miệng :

— Kế hoạch của mày là tới giai đoạn nào đó sẽ rút lui, nhưng mày sẽ không thoát vì còn kế hoạch bắt chồng của thương nữ Thị Cai và kế hoạch kiếm chồng cho vợ hai của Văn Độ. Chúng nó sẽ gây một si căng đàn nào đó chẳng hạn, mày chạy đi đâu ?

Ngừng nói, Độ quay sang tôi, nhún vai lần nữa rồi tiếp, mày có biết thằng Độ nó bày cho con Chi từng đường đi nước bước không, mày tưởngem tới với mày, rủ mày đi chùa là do sáng kiến của em khi đã yêu chắc ? Tôi không trả lời Đạt nhưng trong lòng vẫn ngoan cố không chấp nhận chi tiết do Đạt vừa kê khai. Vậy chả nhẽ đêm ở trại tạm trú, hai đứa ngủ với nhau cũng do Độ sắp đặt nốt ? Độ thôi miên bùa ngải bắt mình ra với Chi rồi bắn cà nông cho hai đứa sợ hãi trốn xuống bờ cống có cơ hội ràng buộc ? Còn sự liên lạc giữa chi và Độ tôi cũng nghi ngờ từ lâu rồi. Duy một điều tôi chưa quả quyết nổi là sự liên lạc đó tới mức nào, có phải là vợ bé hay mới chỉ tầm phào lảng nhăng như kiểu người em văn nghệ. Tôi ăn hận hết sức vì bỏ qua một tang chứng trong đêm bất ngờ ấy.

Bỗng Đạt reo lớn :

— Mày, có mấy em đang câu kia. Nhào vô không ?

Tôi ngهن cò nhìn xuống lòng sông. Nồi bật giữa khói màu xanh xám của nước và lá cỏ, những màu áo hồng, trắng, vàng rộn ràn như những lời chào mời gọi. Chiếc xe lừ đừ thoag dong tiến tới nơi đó. Dáng chiều êm ả chợt tảo trong tôi một buổi chơi xuân, tà tà bóng ngả về tây, thanh lịch của chàng văn nhân nho nhã. Bởi vậy, tôi bật cười, mình mà văn nhân chó gì. Cả cha Đạt cũng vậy, Tôi quay nhìn anh vừa lúc xe đỗ lại, mặt hớn hở, háng hái như đi săn thú rừng đều đều mà văn nhân. Đạt và tôi bước xuống. Chúng tôi chưa đến gần thì chính từ đám thiếu nữ lại phát ra tiếng kêu :

— Anh Đạt. Lại đây mau lên, nhiều cá quá.

Đạt buột miệng :

— Thanh.

Rồi anh cười với đôi môi trẻ xuống và đầu ngoẹo một bên, tưởng các em nào mới, ai lại đi bắt gà nhà trong chuồng. Tôi đáp cũng văn nghệ lắm chó sao. Xong nhìn ba thiếu nữ đang cười khanh khách tỏ ra vô cùng khoan khoái. Hai có kia mặc quần ống chạt, kéo không quá đầu gối, Chỉ mình Thanh là hở thêm hai khúc đùi vì cô mặc chiếc quần cộc, rộng rãi như xé ngắn đi từ chiếc quần tây dài cũ. Chiếc áo may ô ôm phần trên thân thể Thanh không che dấu nét mềm mại rung rung của hai bầu vú căng tròn mỗi khi cười. Mái tóc Thanh bõ gọn trên cao để lộ hai bên má trắng đầy, lấm tẩm nhiều giọt nước, như một lá bắp cải non vừa rửa xong để trong đĩa ăn sống. Thanh đưa giỏ cá vào mặt Đạt :

— Nhiều không ? Mới câu có mấy tiếng đấy thôi nhé.

— Ăn thua gì. Để anh liệng một trái lựu đạn rồi em muốn khiêng bao nhiêu thì khiêng.

Thanh nháy bồng lên, hai tay vỗ đôm đốp, khoái quá, anh có man lựu đạn không. Đạt nhe răng cười, không. Thôi để tụi nó sống đến mai cho béo thêm. Em đồ cả gói mời xuống tặng mấy tử tội đi. Thanh phụng phịu lắc đầu ý muốn diễn tả vẻ thơ ngây, thế thì thôi để em câu. Chúng tôi xúm vào câu. Cả bọn bây giờ là năm người nhưng mới chỉ có hai người nói. Tiếng Thanh :

— Hôm nay anh không đi đấm chém sao lại rủ anh Đạt đi lông nhông thế ?

— Bắn cũng phải tùy từng ngày, xem lịch tam tông miếu được hay không đã chứ.

Thanh cười, nháy mắt, le quá ta, tụi mày thấy chưa bồ của tao hách không. Mọi người vui vẻ cười theo. Đạt thần nhiên châm thuốc hít một hơi rồi đưa cho Thanh.

— Sao anh không mời anh Đạt ?

— Mời gì thẳng đó. Đang ngắc ngư dở sống dở chết mà hút gì.

Thanh tỏ vẻ ngạc nhiên :

— Anh Đạt chưa khỏi cơ à ? Em nghe tin anh cảm từ tuần trước mà.

Đạt hỏi :

— Tin ở đâu ?

Thanh nhìn tôi thật nhanh, cười toe như con cá quẫy đuôi búng mặt nước :

— Bồ của anh ấy nói hôm đi mua cam ở chợ. Bao giờ cưới đấy ?

Đạt ngắt ngang :

— Bồ nào ? Nó có cả chục cô bồ chứ đâu như anh.

Tôi thấy một lúc cả ba người con gái đều hướng về tôi :

— Đào hoa quá nhỉ, nhưng em mới nghe cô Chi nói...

Tôi vội nhìn nghiêng sang Đạt, đã thấy Đạt ngăm ngăm ngăm tôi từ lúc nào. Anh hất đầu tỏ một ít không mới lạ nhưng để chứng minh, đẩy tin chưa con. Tôi gật gù nửa như tự kiêu, nửa như thú nhận và sẽ xin chừa từ đây với Đạt. Nhưng sự im lặng của tôi thật bất lợi. Ngay cả sự trang nghiêm đứng đắn khi tôi muốn đóng vai một ông phó quận cũng không có chút hiệu quả nào trong khung cảnh này. Ba người đàn bà thì nhau nói về những mẫu chuyện đâu đâu nhưng lúc nào vai chánh cũng là tôi, ông sinh viên hành chánh mới ra trường đòi tới, ông phó Quận nguyên tắc nhất từ xưa tới nay, ông thuê nhà con Huyền mà nó gọi là chú. Một cô thủ thị nhưng cốt cho tôi nghe, ông chú này dám đã yêu cô cháu từ khuya rồi chưa chừng, cậu nhỉ. Sau đó, ba giọng cười vang lên, hòa vào nhau dội ngập trí óc tôi. Tại sao thiên hạ lại thắc mắc và sửng sốt với tin tầm thường ấy thế ? Huyền là điểm thật ư ?

Giữa lúc tôi phân vân sắp bảo Đạt cho về lấy cớ còn đau thì khắp bầu trời rền vang tiếng động. Máy bay phản lực tới. Mọi người đều bỏ những cái phác, ngửa mặt nhìn đảo tròn các hướng đang ầm ỉ bưng bưng rung chuyển. Một tiếng reo mừng rõ kia kia, bốn cái. Những âm thanh của tiếng reo khác vút lên. Lạ trời thả bom đi. Lạ trời thả bom đi. Đứng ngoài này xem từ đầu sương lẫm đấy nhé. Bỗng nhiên, tôi nhớ Huyền. Tôi thì thăm, niềm vui tinh nhỏ của em đó, Huyền ơi.

Nhưng bốn chiếc máy bay đã làm thất vọng ba thiếu nữ. Những đôi cánh sắt ấy chỉ đảo qua một vòng tròn rộng trên dặng núi xong lần vào trong mây mù tã n. Thanh cau có hỏi Đạt :

— Sao nó không thả bom vậy, anh ?

— Lịch tam tông miếu đã ghi rằng hôm nay không ai chết hết thì thả bom làm gì.

Một cô cháu môi :

— Nếu thế sao vẫn có mấy con cá chui vào giỏ tụi này, nhỉ ?

— À, cá khác người chứ, thí dụ cá đâu biết chuyện anh em mần răng, hỉ. Nhưng thôi, bỏ đi, các em về chừa nào ?

Thanh lắc đầu trước nhất. Còn sấm mà, nắng... Có lẽ Thanh muốn chỉ ánh nắng nhàn nhạt tràn lan xung quanh và nói một câu dài hơn đẹp hơn. Tôi nhìn đôi mắt ngáp ngáp, ánh mắt hấp háy theo lại, như thăm Thanh đẹp đấy chứ.

— Được rồi cứ ở lại câu đi. Lát nữa chờ anh nhé. Anh chờ cụ quận về kéo cụ lại trồng cây si hai cô bạn liền bây giờ thì khờ.

Câu nói dứt, mọi người cùng tung lên những chuỗi cười ròn như một tấu khúc trẻ thơ vừa bật ra từ các cây đàn. Sau đó, Đạt đưa tôi về thẳng nhà. Mới năm giờ mười phút. Căn nhà yên lặng, ánh sáng ngả màu xanh tối. Một mảng nắng đỏ xiên ngang trên mái bếp xuống sân sau hình dung những nét mong manh tàu úa của một cánh hoa đã đến giờ tàn. Chiếc gối vuông duy nhất phơi trên bờ tường, một con sên non từ đâu lạc tới nằm co ro lại càng lộ liễu cảnh lạc lõng đơn côi. Chúng tôi không còn gì để nói với nhau vì ngay cả Đạt, sự mệt mỏi cũng đã nhuộm đầy khuôn mặt từ lúc nào. Anh nằm dài, gác chân lên bàn, hút thuốc. Rồi dướn người mống tay với đồng nhật báo trên chiếc ghế đầu, lật coi hồ những. Một lát, nghe Đạt nói tình hình ở trung ương vẫn lộn xộn quá sức thì đánh chác cái chớ gì. Không hiểu sao mà chính phủ nào lên cũng xúi dục đả đảo, tuy rằng họ chưa có thì giờ để làm bất cứ một việc nhỏ nào. Tôi nói thì ngay ở tỉnh mình cũng vừa biểu tình thôi. Ông trưởng ty cảnh sát dẫn đầu đoàn mới ngộ chứ. Đạt hỏi hình như họ chiếm đài phát thanh? Tôi gật đầu, nghe nói vậy như nhưng không hẳn là chiếm. Các ty sở trong tỉnh vốn quen nhau cả, anh này vào thì anh kia nhường êm ru. Mấy ông ở quận thuật lại mà buồn cười, vì đoàn biểu tình chỉ có độ năm chục người, trong đó hầu hết là con nít. Từ sáng đến trưa thì hăng hái lắm, nhưng lúc đến bữa cơm, một phần con nít đói quá bò về nhà, một phần bị ông bố bà mẹ vác roi tới gọi ơ ời, đe dọa không phần cơm, là đoàn biểu tình chỉ còn trơ mỗi ông trưởng ty cảnh sát. Ông này ngờ ngáo một tí rồi cũng đông tuốt. Khỏi cần ai dẹp. Đạt cười, tụi tao đi về mấy làng vùng sỏi đậu cũng vậy. Bà con cô bác ủa tới vây kín xe, hô hào đả đảo. Tay người nào cũng có một lá cờ đạo phát phát. Tiến không được mà lui thì tụi nó xả đại liên theo. Lúc ấy tụi tao muốn nổi điên.

Cứ với những câu chuyện tầm phào xoay quanh thời cuộc như thế, chúng tôi đã không hay lúc trời bắt đầu nhạt nhòa bóng tối. Chính những tiếng nói bên nhà Huyền vào bữa cơm chiều đã đánh thức chúng tôi. Đạt ngồi bật dậy, giơ đồng hồ về phía cửa sổ, rồi hấp tấp mặc lại quần áo. Tôi đón em Thanh và rủ em nhậu luôn. Mày vẫn ăn cháo ở nhà hả. Tối tao lại, chờ tao.

Nhưng làm sao tôi có thể ngồi chờ Đạt trong cẩu nhà này như lời anh dặn. Bữa nay tôi không còn ăn cháo nữa. Tôi đã tiếp tục lê cái thân tới tiệm cơm, ngồi ở đó, khỏi cần nói, người chủ cũng sẽ lặng lẽ bưng đặt trước lên bàn một ly chè đá. Ông Phó mới đi công tác về? Tôi cố vươn cổ nuốt những miếng cơm khô cứng, nhạt đắng. Ăn cơm hàng mà đi muộn thì chỉ có ăn đồ thừa như con chó. Tôi cũng biết điều đó rồi chứ nhưng tôi đâu cần ăn nhiều. Tôi chỉ cần đi khỏi nhà, chỉ cần tiếp cho thân thể một chút gì khả dĩ, bởi thứ tôi thèm khát có lẽ chỉ là một ly sữa nóng và mẩu

bánh mì. Trời tối hẳn và phố đã lên đèn. Những chiếc xe nhà binh chạy qua chạy lại chậm chậm và thường đứng lại bên đường một vài giây. Bỗng nhiên, khuôn mặt Đạt hiện ra trước mắt. Rồi khuôn mặt Chi. Rồi khuôn mặt Huyền. Ba khuôn mặt dẹt dẹt như ba vì sao lấp lánh trên bầu trời đêm. Liệu, có khi nào ba người ấy cười với nhau vì cùng vui, và nói với nhau vì cùng thương yêu? Đến khi mình nằm trong quan tài, họ ném những hòn đất lên, liệu có được như vậy không?

Tôi ra khỏi tiệm, thả những bước chân mất hút vào bóng tối như thả thân xác xuống lòng vực thẳm. Gió hiu hắt từng lời lạnh sẹ. Chiếc áo mỏng dán vào ngực không làm lẩn được những gai thịt vừa rộp nổi khắp người. Giờ này Đạt đã ăn xong chưa? Giờ này Chi đã sửa soạn để tới mình chưa? Và giờ này Huyền có nhìn qua khe vách rồi ngạc nhiên tự hỏi, quái, ông này chưa khỏi mà đã liệu ra gió. Mọi tình tiết, như vậy thượng đế đã an bài tất cả, cũng như tôi, tôi đang đi, tôi đang đi trong mơ hồ thảng thốt, bốn bề chỉ có những khoản trống rỗng rợn, quái ác rộng dài hung hút.

Từ xa, những âm thanh của một khúc hợp ca bay tới, thoang thoang nhưng còn đủ sức làm rung trái tim tôi đang ròn rập đập. Không ngờ mình lại sống như con chó hoang thê này. Chi ơi. Đạt ơi. Huyền ơi. Sao ba người đều bỏ tôi một mình? Sao bỏ tôi một mình? Không. Không thể được. Chúng mình phải gặp nhau đêm nay. Phải gặp nhau ngay bây giờ Tôi vội đảo mắt nhìn xung quanh xem đang đứng ở đâu. Bóng tối thật nhiều nhưng những nét quen thuộc của con phố mới phóng chưa đặt tên đưa tới nhà Chi, tôi đã nhận ra ngay. Chả nhẽ vào nhà Chi? Cũng nên lắm chứ vì ít ra Đạt sẽ không nói được sự việc này là do Độ đặt bày Tôi bắt đầu lần thêm vào vùng bóng tối của những căn nhà không thẳng hàng, lại từ mù những ngọn đèn dầu đỏ quạch. Tiếng những đứa trẻ ê a học bài như những ông sư trên chùa đọc kinh, Bây giờ gặp Chi, mình sẽ nói chuyện gì cho tự nhiên đây. Chả nhẽ ông xếp lạ mò tới cô nữ nhân viên ban đêm không lý do thì thiên hạ buộc cho hết lối chạy. Ý nghĩ ấy khiến tôi đứng sững lại. Thôi chả dại, mình chờ em ngoài này cũng được.

Thế là tôi lùi ra, ẩn mình vào bóng đen mù mịt dưới cây dương mới lớn xum xuê. Mùi khai của nước tiểu bốc lên nồng nặc. Những con muỗi đã lao vào tai với tiếng kêu veo veo. Tôi kéo cao cổ áo rồi gài nút. Gió hình như nhiều hơn và mang theo hơi lạnh của những đám mây đen giăng gần kín bầu trời.

Chừng nửa giờ sau Chi mới xuất hiện. Thân thể Chi gói trong chiếc áo dài màu xanh biếc, phản chiếu ánh đèn loáng thoảng, trông rùng rợn như một con rắn lục lớn đang trườn mình theo con mồi. Tôi há miệng gọi Chi. Đôi chân Chi dừng đứng lại như có bộ thắng tốt.

— Trời. Anh.

Chi vội xích lại gần tôi thêm chút nữa :

— Anh ở nhà chờ em có hơn không, tới em làm gì, đường lầy lội bẩn chận,

Hai hàm răng tôi đã va vào nhau nhiều lần :

— Ở nhà buồn quá, anh muốn đi với em đêm nay...

Giọng Chi ấm như làn hơi hắt ra từ lò sưởi mùa đông:

— Anh định đưa em đi đâu ?

— Anh đưa em đến con đường mang tên tình yêu...

Chi cười khanh khách trên vai tôi :

— Anh giống văn sĩ quá.

Giọng văn sĩ, hừ, anh vừa giống con chó ghẻ đấy, em ơi, đừng theo cái mồm anh mà cũng tán nhảm nữa. Tôi cúi đầu bỏ đi. Đôi guốc của Chi đặt những tiếng gọn và mạnh đầy tự tin bên tiếng gót giày kéo lê lẹp xẹp của tôi như âm thanh đệm cho khúc độc tấu. Mình và Huyền chưa bao giờ đi chơi ngoài đường như thế này, trừ một lần ngồi chung xe trong giờ giờ nghỉ nghiêm. Tại sao lại không rủ Huyền tới thăm con đường tình yêu, tức con đường ranh tỉnh, trồng đầy dương nhưng lại không có đèn và không bao giờ tu bồ. Chợt một người cưỡi xe đạp đi sát vào chúng tôi. Cha nào vậy, lạ hay quen mà nhòm lại hoài ? Tôi cố nhìn đuôi theo và phân tích nhưng không kết quả. Được một quãng, chúng tôi bỗng lọt vào trong hai luồng ánh sáng chói bùng bành đang trôi về từ một chiếc xe hơi phía trước. Tôi cúi mặt làm những cử chỉ che dấu nhưng không thoát. Ánh đèn quái ác xoáy vào thân thể tôi bóc hết như quần áo để rồi lại hơ tôi trên lửa bùng. Trong khi đó, Chi vẫn thản nhiên kể lại câu chuyện gì đó với nhiều lần ngưng đề cười.

Đi gần tới khúc phố có nhiều ánh đèn, tôi ngập ngừng đứng lại, chỉ lên trời bảo Chi :

— Sắp mưa, em ạ.

— Mình đi mau về, anh,

Chi chờ chiếc xích lô đang lững lững dừng lại, dơ tay vẫy. Về đường Lê Lợi nhé, bác. Đoạn không chậm trễ, tôi leo ngay lên để chiếm phần ngồi trong. Chi lên sau, phải ngồi gá phía ngoài. Tấm lưng Chi đặt vào ngực tôi vừa nặng vừa ấm. Mái tóc Chi bay giạt vào mặt tôi, đùa ghẹo gây những cảm giác lâng lâng vui vui buồn buồn. Như thế này mình tha hồ dấu cái bộ mặt thối khi nào cần được rồi. Tôi vững bụng hơn, đưa tay ôm ngang người Chi.

Rất nhanh, những xúc động da thịt đã bùng bùng sống dậy trong những đường mạch máu. Hai bên má nóng ran như hong nắng sớm mùa đông. Tôi không nghe thấy tiếng gió gọi những nhú gai trên cánh tay nữa.

Xe về gần tới đường Lê Lợi. Tôi chợt nảy một ý nghĩ thật lãng mạn. Lập tức tôi vẫy vẫy ra hiệu cho người phu xe thắng lại Chi hỏi xuống đây sao, anh. Tôi cười, mạnh dạn hôn lướt trên má Chi, không, anh đã nói là sẽ đi chơi với em

đêm nay rồi thôi. Tôi xuống xe, móc trong ví lấy tờ giấy một trăm đưa cho người phu xe.

— Bác cầm lấy tất cả. Bây giờ bác cứ đạp, muốn chạy đường nào thì chạy, miễn là khi nào hết tiền thì cho chúng tôi xuống chỗ này.

Người phu xe cười, lặng lẽ cho lăn vòng bánh xe. Chi rú: mặt vào tíc tôi, khinh khích cười, anh hay quá, Tôi cười theo, hai ngón tay bẹo má Chi một cái âu yếm. Rồi lại như chợt nhớ ra, tôi bảo bác phu xe, bác bỏ hộ cái mũ xuống, trời sắp mưa rồi. Chiếc xe từ đấy thông dong qua các con đường trong thị trấn. Chúng tôi không còn biết phía ngoài bức màn vải này có những gì và đang xảy ra chuyện gì.

Tiếng Chi rót vào tai tôi :

— Sao không về nhà, anh ?

— Anh không thích.

Chi cười, lả lơi kể áp má :

— Thôi đi, anh không muốn cho em tới thì có. Con Huyền cấm anh phải không ?

— Không.

Sự thế bắt buộc tôi phải mở vội cuộc tấn công Chi. Tôi nói :

— Anh muốn xa cái giường khi có em để được bình tĩnh hỏi em ít điều. Em và Độ thật sự ra sao ?

Chi ngồi im một lát :

— Em biết. Em biết anh vẫn thắc mắc về sự liên hệ giữa em và anh Độ. Thôi để em kể anh nghe, bắt đầu từ ngày anh ấy dời tới tỉnh này. Gia đình em và anh ấy không có họ hàng xa gần gì, nhưng vì có người giới thiệu nên má em bằng lòng cho anh ấy ở trọ, ăn cơm tháng trong nhà. Dạo đó, anh ấy đã có một con, đứa con trai và chị ấy không chịu theo chồng lấy cớ này cớ nọ. Có lần anh Độ buồn, uống rượu say rồi bảo em vợ mà cứ đòi xa chồng, không dám sống cực khổ thì còn gì tình nghĩa. Em khuyên can anh ấy, do đó giữa em và anh ấy có một sự hiểu biết, thông cảm nhau nhiều lắm. Ngoài chuyện đó, anh Độ còn là thầy học của em nữa. Nhất nhất cái gì, anh ấy cũng lo cho em. Rồi ngay cả việc đi làm của em cũng lại chính anh ấy ngược xuôi xin hộ. Có thể vì kiêng lẽ đó nên thiên hạ mới tình nghi chúng em có gì với nhau. Người ta nhỏ to bảo em là vợ hai của anh ấy nữa chứ. Mỗi khi nghe những lời như thế em chỉ cười. Thôi hơi đâu mà lo bịt mồm thiên hạ. Em chỉ mong giữ kín đề má em khỏi buồn, khỏi bệnh là em mừng rồi. Bây giờ em hỏi anh, anh trả lời thật nhé, anh cũng nghi ngờ em lắm, phải không ?

Tôi lắc đầu không do dự :

— Không . . .

— Như thế là anh không thành thật tí nào. Đàn bà chúng em tuy ngu nhưng đâu đã bằng con heo.

Tôi cố gượng cười to và xua mười đầu ngón tay chạy cùng khắp mọi chỗ trên người Chi, cốt để biến chút hờn giận vừa nheo nhúm ấy thành một lời hài hước. Nhưng Chi không thay đổi :

— Biết bao nhiêu đêm, nghĩ tới anh là nước mắt em lại ứa ra ước đầm cả gối. Em thương em lắm. Em trách trời, oán trời vô cùng sao lại xui em gặp anh làm chi cho khổ. Bởi em đâu xứng đáng với anh. Dưới mắt anh, em chỉ là một thứ giải trí của tỉnh nhỏ, một trò chơi của tuổi trẻ hiếu thắng.

Giọng nói của tôi thật yếu ớt :

— Hôm nay em của anh cũng như một văn sĩ.

— Nếu em thành văn sĩ thì cũng không lạ, vì em đang viết lại những gì ai oán, oan nghiệt của đời em, đời một đứa con gái như bông hoa sớm nở tối tàn.

Tâm hồn và trí óc tôi như đã rời tôi bay bổng để chỉ còn lại một khối thịt ngu ngơ, dật dờ theo chiều xao động của những lời Chi nói. Hai cánh tay tôi ôm Chi thật chặt. Má tôi cọ vào gáy Chi. Những chân tóc gã, nhẹ lơ mơ như gọi buồn chỗi dậy. Chỉ thêm một lời nữa, chỉ cần một giọt nước mắt là đủ để tôi lăn chã khóc theo rồi.

Chiếc xe vẫn lăn chậm chậm. Sỏi đá êm ái nghiêng rào rào như vật lộn với nhau để tranh cái chết bi thương dưới những vòng bánh nhựa. Ngoài trời chỉ còn những cơn gió thoảng mơ hồ lạc lõng. Bóng tối u uất giăng mắc tới tận cùng cảnh vật khiến chiếc xe như trôi trong hư vô.

Bỗng một tiếng nổ vang dội vào lồng ngực. Chi kêu trời cùng với cái giật mình hai tay ôm chầm lấy tôi. Nhưng chỉ thế thôi chúng tôi lại bình tĩnh ngay được, và thản nhiên nghe, chờ những trái đạn trọng pháo bắn đi từ đồn phía bắc.

— Buồn quá anh ơi.

— Em hãy tưởng tượng chúng mình là quốc trưởng và phu nhân đang tới viếng một quốc gia nào, và ở đó họ đang bắn hai mươi một phát để chào mừng, em.

(Còn tiếp)

ĐỒ-TIẾN-ĐỨC

B. N. P.

BANQUE NATIONALE DE PARIS

Siège social : 16, Boulevard des Italiens — PARIS

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — SAIGON

Tél. 21.902 (3 lignes) — 24.995

B.P. : E - 5

BUREAU DE QUARTIER

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Tél. 22.797

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmûon Sâr

PHNOM PENH

Tél : 24.37

B.P. N° 122

★

SUCCURSALE DE HONGKONG :

*Central Building, Queen's Road Central
HONG KONG*

Téléphones : 94 — 6081 (8 lignes)

P.O. Box N° 763

Bureau Permanent Causeway Bay

60-62, Yee Wo Street — HONGKONG

Tél. 772.171 à 772.173

Bureaux De Kowloon :

Agence TSIM SHA TSUI

Milton Mansion, 96 Nathan Road

KOWLOON Tél. 667.254

Bureau Permanent

Sham Shui Po :

290 et 292, Castle Peak Road, KOWLOON

Tél. 863.875

Bureau périodique

«Des Voeux Road» :

Realty Building, 71 des Voeux Road

Central, Hongkong

ĐẠI-HỌC

và phát triển quốc-gia

● NGUYỄN-VĂN-TRUNG

(xin xem B.K.T.Đ. từ số 253)

B) Một cấp lãnh-đạo đại-học không được sửa soạn đảm nhận vai trò lãnh-đạo. —

Đặt vấn đề đại học trong viễn tượng phát triển quốc gia, là đặt những tiêu chuẩn căn bản để phê phán tận nền tảng chế độ đại học hiện nay, đồng thời cũng cho thấy không thể cải tổ một cách hợp lý đại học nếu không có một chế độ chính trị, xã hội hợp lý, thích nghi với hoàn cảnh chậm tiến, còn đầy bất công của xã hội Việt-Nam.

Nhưng giả thử chúng ta có một cấp lãnh đạo xứng đáng ở đại học, thì từ hơn 10 năm nay, mặc dầu không có những chính thể thực sự cách mạng để xây dựng một nền đại học thực sự hợp lý, tình trạng đại học cũng được cải thiện hơn tình trạng hiện nay.

Thật đáng tiếc chúng ta đã không may mắn có một cấp lãnh đạo đại học thực sự *tha thiết* đến đất nước, có ý thức quốc gia và tinh thần phục vụ dân tộc. Nếu không cải tổ được đại học từ *cơ cấu*, tận nền tảng là điều đòi hỏi một cải tổ xã hội, vượt quá lãnh vực, khả năng của họ, thì ít ra cũng có

thề cải thiện, vì đại học tương đối được các chính-thể đề yên trong suốt thời gian qua.

Nhưng các vị lãnh đạo trong đại-học (đặc biệt là các vị trong hội-đồng đại học) đã có những sáng kiến gì, những nỗ lực gì để chứng tỏ các vị tha thiết đến sinh viên, không những về phương diện học hành mà về mọi phương diện, vì giáo sư trách nhiệm không những việc giảng dạy mà cả việc giáo dục ý thức chính trị, ý thức quốc gia cho người sinh viên. Có bao nhiêu vị chịu sống với sinh viên, đi trại với họ, để tìm hiểu họ, hướng dẫn họ ! Có bao nhiêu cố gắng để nâng đỡ sinh viên về những điều kiện vật chất và tinh thần (cư xá, thư viện, quán ăn, tìm việc làm v.v...)?

Đối với đồng nghiệp, thì đàn anh ngăn chặn đàn em. Hơn 10 năm trôi, có bao nhiêu người lên được chức giáo sư ủy nhiệm, thực thụ. (1) Có bao

(1) Theo Chi-nam sinh viên đại học Sài Gòn 1966, đại học Sài Gòn có hơn 300 nhân viên giảng huấn, nhưng chỉ có hơn 30 được là giáo sư ủy nhiệm hay thực thụ.

nhiều người vẫn cứ là phụ khảo, giảng nghiệm viên, giảng sư.

Người ta đòi phải có những văn bằng tiến sĩ quốc gia, thạc sĩ Pháp mới được bổ nhiệm làm giáo sư đại học. Nhưng thực ra, rất ít người đi được; nhiều người muốn đi cũng không được đi vì phải có sự giới thiệu của khoa trưởng (thi thạc-sĩ). Đồng thời lại không chịu đề ra kế hoạch đào tạo giáo sư đại học ngay ở Việt Nam. Thế nghĩa là gì? Người ta đòi bằng cấp mà lại không tạo điều kiện đề cấp bằng. Người ta đòi giáo sư tấn sĩ, thạc sĩ bằng cách ngăn chặn người khác không thể trở thành thạc sĩ, tấn sĩ...

...Cứ nói đại học là nghiên cứu nhưng có thấy nghiên cứu gì đâu! Chỉ thấy bám víu vào cái bằng, và không chịu nghiên cứu xuất bản gì cả, như thế là tránh được sự phê phán của dư luận, vì dư luận biết căn cứ vào đâu mà phê phán. Nếu đại học Việt Nam có luật như một số đại học ngoại quốc bắt buộc các giáo sư nghiên cứu, và nếu hai năm không có một công trình nào, sẽ phải loại khỏi đại học, thì nhiều vị giáo sư thực thụ, ủy nhiệm Việt-Nam sẽ phải loại khỏi đại học.

Từ hơn mười năm nay, tất cả những gì là sinh hoạt văn hóa đều do những cơ quan, những người ở ngoài đại học thực hiện và thường là những người không có bằng cấp đại học gì cả, những người tự học. Chính những vị đó gây dựng văn hóa Việt-Nam. Đó là những Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Đào Duy Anh, Trương Tửu, Nguyễn Hiến Lê, Lê Văn Siêu... Được mấy người có bằng cấp làm văn hóa như Hoàng Xuân Hãn? Đại học cũng không đóng góp gì để cải thiện tình hình chính trị

đất nước. Giáo sư đại học không đảm nhiệm được vai trò của người trí thức, ưu tư trước thời cuộc và dẫn thân vào tranh đấu, ít ra trên bình diện tư tưởng, lý thuyết.

Sinh viên, dư luận thất vọng về người trí thức đại học hững hờ, tiêu cực trước thời cuộc, nhất là mấy năm gần đây.

Sở dĩ sinh viên phân hóa, phải chạy theo những thể lực chính trị, tôn giáo ở ngoài đại học để bày tỏ nguyện vọng và tìm môi trường hoạt động cũng là nơi ẩn trú, bảo vệ, vì họ không tìm thấy ở gia đình đại học một hàng ngũ giáo sư để lãnh đạo, hướng dẫn và che chở họ.

Nhưng làm sao có thể tin tưởng vào các vị giáo sư lãnh đạo đại học đảm nhiệm được những vai trò trên khi nhiều vị bám víu vào quyền lợi đã có và muốn duy trì những quyền lợi ưu đãi hay những quan niệm lỗi thời của mình. Chỉ nguyên sự kiện có hai chế độ ngạch trật trong đại học, và những bê bối của cái làng đại học cũng đủ cho dư luận và các đồng nghiệp đàn em không phục và mất tin tưởng ở cấp lãnh đạo, những đồng nghiệp đàn anh trong đại học. (2)

(2) Lập làng đại học, cho mua đất rẻ, cho vay 300.000đ để cất nhà và ai có nhà ở làng phải trả lại nhà ở cư xá, nhưng nhiều vị giáo sư đàn anh, ở cấp lãnh đạo hoặc không làm nhà, lấy tiền vay làm việc khác, hoặc làm nhà, nhưng để bán lại cho người khác, hay cho ngoại kiều thuê làm ổ điếm mà vẫn giữ luôn nhà ở cư xá và cũng chẳng chịu trả tiền đã vay trong khi đa số đồng nghiệp không có nhà ở làng, cũng chẳng có nhà ở cư xá.

Các vị giáo sư đàn anh, ở cấp lãnh đạo còn tiếp tục cho đến bây giờ ăn lương theo ngạch trật Pháp, gấp hai, ba lần đồng nghiệp đàn em ăn lương theo ngạch trật Việt-Nam.

Thật ra không thể trách đàn anh, cấp lãnh đạo đại học hiện nay, vì họ đã không được đào tạo để đảm nhiệm vai trò lãnh đạo. Phần nhiều họ là con nhà giàu, trước đây được cha mẹ gửi đi du học để có đường tiến thủ cá nhân, không phải đã được gửi đi do một chính sách hay kế hoạch quốc gia và, với ý thức phục vụ dân tộc gì. Cho nên, họ chỉ là những người có khả năng chuyên môn, và đảm nhiệm được vai trò thừa hành mà thôi. Nếu có một lãnh đạo tốt họ sẽ là những người thừa hành hiệu nghiệm. Do đó, điều bi đát không phải là họ không lãnh đạo được, nhưng là thiếu một lãnh đạo để cho họ thừa hành.

Một số đồng nghiệp của họ, cùng khóa cùng một hoàn cảnh, ở lại ngoài kia, đã trở thành những người thừa hành đặc lực, vì có một chính sách lãnh đạo, có những người lãnh đạo họ.

Giả sử miền Nam có một chính thể cách mạng thực sự, thì đã hẳn cũng lôi cuốn họ vào con đường cách mạng, Cho nên nỗi buồn đại học chính là nỗi buồn cách mạng! Các vị lãnh đạo ở đại học không chịu nỗ lực đưa ra một sáng kiến gì để cải thiện đại học và nếu có ai đụng đến đại học, liền kêu ầm lên là đụng đến Tự trị Đại học.

Tự-trị Đại-học

Khi nói đến tự trị, là nói đến một điều kiện tổ chức, điều hành viện đại học; tự trị là điều quan trọng thật, nhưng tầm quan trọng của nó nằm trong giới hạn tổ chức mà thôi. Như thế có nghĩa là khi đặt vấn đề đại học, thì điều quan trọng hơn cả là mục tiêu đại học, vai trò của đại học (đại học để làm gì, phục vụ ai) chứ không phải vấn đề điều kiện.

1.— Xét về phương-diện nguyên-tắc.

Theo truyền thống tây phương, tự trị đại học là một đòi hỏi được nhìn nhận, một quyền được tôn trọng. Tuy nhiên trong thực tế, không phải quyền đó luôn luôn được tôn trọng một cách triệt để. Đôi khi vẫn có những xâm phạm, hoặc do chính phủ, hoặc do các thế lực kinh tế, tài chính, tôn giáo bằng cách gây áp lực, chi phối hướng nghiên cứu, việc quản trị, tuyển dụng nhân viên. Đó là tình cảnh các nước tiền tiến đã có truyền thống dân chủ. Trong hoàn cảnh các nước chậm tiến, nguyên tắc tự trị theo tinh thần tây phương có thực sự hiệu nghiệm giúp đại học tiến bộ không.

Đối với nhà nghiên-cứu, vấn-đề chỉ là có điều-kiện tinh-thần, vật chất thuận tiện và đầy đủ. Vậy nếu có một chính sách phát-triển quốc-gia đặt nặng việc nghiên-cứu và tổ-chức hợp lý để đạt tới hiệu-nghiệm tối đa, thì đòi hỏi tự-trị không cần thiết nữa. Kinh-nghiệm của một số nước xã-hội, đã từ tình cảnh chậm tiến vươn tới trình độ tiền tiến trong một thời gian rất ngắn, bắt buộc ta phải xét lại nguyên-tắc tự-trị Tây-phương.

2.— Xét về phương-diện hiện-tình chế độ đại-học miền Nam.

Từ khi có đại học, chưa bao giờ có tự trị thực sự. Nói cho đúng có tự trị cho một thiểu số nhân viên giảng huấn ở cấp lãnh đạo đại học theo nghĩa hạn hẹp trong khuôn khổ tổ chức học vụ, và tuyển mộ, thăng trật các giáo sư. Và trong khuôn khổ đó, không những là tự trị, mà phải nói là độc trị, độc quyền.

Nhưng không có tự trị đích thực cho cả đại học hiểu như một cộng đồng giáo sư, sinh viên.

Giáo sư chưa có một qui chế hợp lý qui định việc tuyển dụng, thăng trật, cho nên có nhiều bất công bất mãn ở thành phần giảng viên, giảng sư, giảng nghiệm viên do sự ngăn chặn của cấp lãnh đạo đại-học nắm giữ quyền quyết định.

Giáo sư cũng chưa được tự do giảng dạy, biên khảo, đi lại.

Sinh viên, thiếu tự do phát biểu ý kiến về ngành học chuyên môn hoặc về những vấn đề văn hóa, tôn giáo, chính trị trong, khu vực đại học bằng những buổi hội thảo, thuyết trình, lập hội.

Cơ cấu đại học. Viện trưởng, và các Khoa trưởng do chính phủ chỉ định không phải do anh em đồng nghiệp bầu (gần đây Khoa trưởng được bầu, nhưng đôi khi cũng bị chính phủ truất phế và đề cử người khác). Hành chính và tài chính do chính phủ quyết định, phê chuẩn.

Tình trạng là : các chính phủ chưa hề nhìn nhận tự trị đại học và cũng chưa chắc có hiểu tự trị là gì. Nhưng chính đại học cũng chưa gây dựng được một truyền thống tự trị. Chẳng hạn, giáo sư, nhất là ở cấp lãnh đạo, thường tự coi như người công chức, do đó không dám đảm nhiệm vai trò của người trí thức, lãnh đạo tinh thần, là đại diện của lương tâm nhân loại, ý thức quốc gia. Giới giáo sư đại học ít lên tiếng và nhất là với thái độ phản kháng trên phương diện luân lý, trước những vấn đề sống còn của đất nước, hoặc trước những xâm phạm tự trị đại học (bắt bớ, khủng bố giáo sư, sinh viên). Một vài người « dẫn thân » vào chính trị, thì lại chỉ làm thứ chính trị xu thời, chạy theo chính quyền, tranh thủ làm bộ trưởng, dân biểu, thượng nghị sĩ vv. không phải là dẫn thân với một lập

trường, dầu chỉ là trên phương diện lý thuyết, tư tưởng (về điểm này, chỉ cần nhắc lại «thư ngỏ của sinh viên Saigon» nhân vụ Phật giáo).

Vậy nếu đại học chưa tạo ra cho chính mình những nền nếp, truyền thống tự trị, thì có gì mà bảo vệ và rất dễ hiểu những xâm phạm từ bên ngoài (chính quyền, các thế lực chính trị, tôn giáo, kinh tế).

Còn sự tự trị (độc trị) của một thiểu số ở cấp lãnh đạo chẳng những không phải là tự trị đích thực mà còn là yếu tố ngăn chặn sự phát triển đại học. Dù không có một chế độ cách mạng, thực hiện được một cách mạng Đại học, nghĩa là không thay đổi tận gốc nền đại học, thì ít ra cũng có thể cải thiện được. Nhưng sự cải thiện cũng không thực hiện được vì cấp lãnh đạo đại học bảo thủ, phong kiến, không muốn thay đổi gì như thế sự thay đổi sẽ đe dọa quyền quyền lợi của mình. Do đó, không thể bảo vệ tự trị độc trị trên và muốn cải thiện, cách mạng đại học phải đánh đổ thứ tự trị đó đi.

Phong trào tự trị đại học của sinh viên xuất phát từ vụ Y khoa. Y khoa là nơi phản ảnh tình trạng bảo thủ, phong kiến, ngăn chặn nhất và cũng là nơi sự tự trị độc trị rõ rệt hơn cả. Do đó ai cũng đồng ý phải cải tổ Y khoa. Nhưng khi thực hiện người ta đã dùng những biện pháp vụng về và sai lầm. Do đó thay vì đáp lại đúng nguyện vọng của sinh viên thì lại như chống đối những nguyện vọng đó. Và những người đáng lẽ là cái đích để đả đảo, thì lại trở thành nạn nhân của những biện pháp mệnh danh là cải tổ. Những biện pháp sai lầm và vụng về đã làm cho người ta có

cảm tưởng đây chỉ là một sự tranh chấp địa vị và nhất là một xâm phạm chính trị nhằm thay đổi một ảnh hưởng ngoại bang này bằng ảnh hưởng ngoại bang khác.

Thực ra, đã có nhiều thay đổi ở cấp lãnh đạo đại học tuy do chính quyền quyết định, nhưng chính là do các bộ trưởng đã là giáo sư đại học (không phải chỉ ở Y khoa mà còn ở nhiều phân khoa khác như ở Văn khoa, một ông khoa trưởng đã được bầu lên, rồi bị Bộ trưởng Giáo dục cách chức, đề cử một người khác, và ông Bộ trưởng đó cũng là một giáo sư đại học đã từng tha thiết đến sự tự trị đại học khi còn là giáo sư.) Do đó thật dễ hiểu những người chưa hề học đại học và có lẽ cũng chẳng hiểu tự trị là gì, ký nghị định này nọ, mà có thể không biết mình đã xâm phạm tự trị đại học. Thế rồi khi bị phản đối, vì sĩ diện, tự ái chính thể, dùng võ lực đàn áp đè rơi vào một lầm lẫn khác và càng sa lầy mắc kẹt hơn.

Trong tình cảnh trên, thì xâm phạm hay không xâm phạm tự trị, thiết thực số phận người sinh viên vẫn bị đất bao lâu những thay ngôi đổi vị vẫn diễn ra trong *khôn khổ chế độ đại học hiện nay*.

Chỉ khi nào thực hiện được cuộc cách mạng đại học, lúc đó sinh viên mới có lối thoát và tự trị mới có ý nghĩa đích thực.

Phong trào tự trị đại học xuất phát từ thiện chí, nhiệt thành của sinh viên. Nhưng nếu chỉ nhấn mạnh vào việc bảo vệ một nguyên tắc như một lý tưởng chưa có, không phải như một thực tại, một truyền thống *vẫn có*, e rằng có thể gây ngộ nhận như thể phong trào nhằm bảo vệ sự tự trị của thiểu số ở cấp lãnh đạo, nhất là khi thấy nhiều vị giáo sư cố vấn của phong trào, hầu hết đều ở cương vị lãnh đạo, là những người hầu như không bao giờ lên tiếng về bất cứ một vấn đề gì, nhưng lần này sở dĩ

phải lên tiếng — một cách thận trọng trong tinh thần hòa giải với chính quyền — chỉ vì biện pháp *trực tiếp* đe dọa đến quyền bính của các vị đó.

Đàng khác, nếu quá nhấn mạnh vào tự trị, đề cao tự trị như quyền thiêng liêng, coi tự trị là cái đích của phong trào có thể cũng đánh lạc vấn đề, vì vấn đề quan trọng, căn bản không phải là vấn đề tự trị, mà là vấn đề cơ cấu, mục tiêu của đại học. Do đó, ước mong phong trào *trước hết* sẽ nhấn mạnh vào việc xây dựng một chế độ đại học hợp lý như một đòi hỏi tiên quyết quan trọng hơn cả ; Sau đó đồng thời với thái độ chống đối có tính cách tiêu cực những xâm phạm tự trị về phương diện quản trị đại học cũng như về phương diện đàn áp sinh viên, nhấn mạnh vào sự cần thiết xây dựng tích cực một truyền thống tự trị ngay trong đại học : tiến tới thiết lập một qui chế hợp lý về giáo chức, về quản trị đại học, gấp rút tìm ra những biện pháp xây dựng lại tập thể sinh viên, chấm dứt tình trạng phân hóa vì chính sinh viên đã đề cho những thể lực chính trị ở ngoài đại học chi phối, lợi dụng, thao túng, nghĩa là vì chính sinh viên chưa tạo được truyền thống tôn trọng sự độc lập của tập thể sinh viên trước những áp lực chính trị từ bên ngoài, mà tự trị chỉ là điều kiện bảo vệ sự độc lập đó, một độc lập của cộng đồng không ngăn cấm tự do lựa chọn một lập trường về văn hóa, tôn giáo, chính trị ngay trong phạm vi đại học, với tư cách cá nhân, nhóm riêng.

Những nhận xét, phân biệt trên nhằm góp ý làm sáng tỏ vấn đề cho phong trào, đánh tan những ngộ nhận, ảo tưởng nhất là của quần chúng sinh viên. Và nếu phong trào dựa trên căn bản phân biệt và những ý hướng đó, tôi hoàn toàn tán đồng phong trào.

(Còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

VẤN TOÀN LÁ THUỐC
THƠM NGUYÊN CHẤT

Virginie

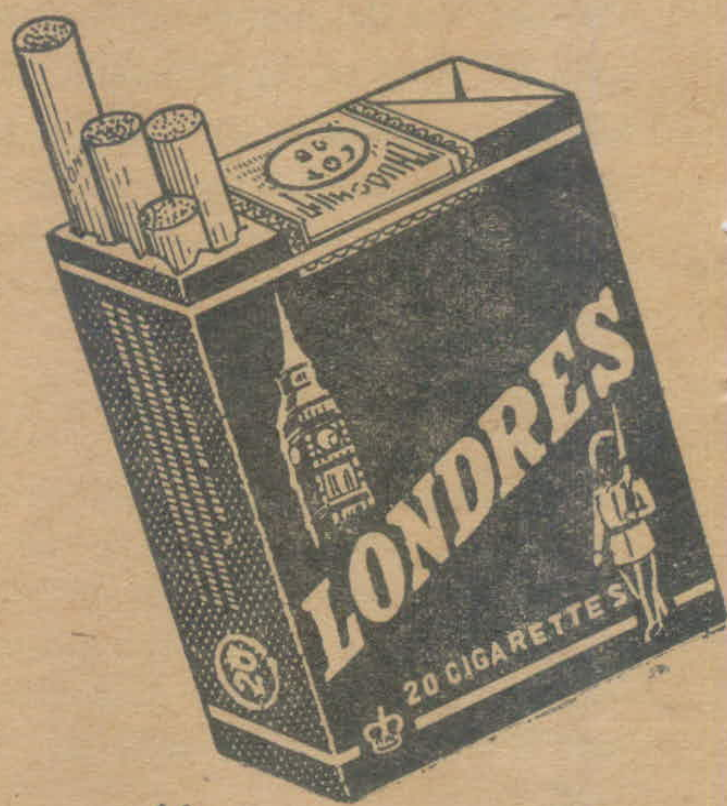
LONDRES

Thuốc thơm hảo hạng

với

3 đặc điểm

- HƯƠNG THƠM NGÀO NGỌT
- VỊ NGON ĐẬM ĐÀ
- GIÁ RẺ NHẤT



20 \$ 1 Gói

LONDRES

*Gói thuốc thơm hảo hạng
của mọi giới.*

Chức Phó Tổng-Thống nếu bị khuyết ?

* NHƯ-UYÊN

Hiến pháp ngày 1 tháng 4 năm 1967, một lần nữa, lại thiết lập Tổng-thống-chế cho nước nhà. Mặc dầu một vài điểm dị đồng, quyền hành của Tổng-thống đã được ấn định một cách tương tự :

— Hiến-pháp ngày 1-4-1967, điều 51: Quyền Hành pháp được quốc dân ủy-nhiệm cho Tổng-thống.

— Hiến pháp ngày 26-10-1956, điều 3, đoạn 1: Quốc-dân ủy nhiệm vụ hành pháp cho Tổng thống dân cử. .

Những hiến pháp ngoại-quốc, trong chế-độ dân-chủ có Tổng thống cũng không ghi gì khác hơn, như hiến-pháp Huê-kỳ chương thứ hai, điều 1, hiến-pháp Phi-luật-Tân chương, thứ bảy, điều 1, hiến pháp Đại-hàn, thiên thứ ba, chương thứ hai, điều 63.

Điểm đặc biệt là câu chốt, điều 3 hiến-pháp năm 1956: "Tổng-thống lãnh đạo quốc dân". Nhiều người cho rằng quan niệm này hết sức phản dân chủ. Tuy nhiên nếu nó thể hiện những tham vọng phong kiến của gia đình họ Ngô, thực ra nó không có nội dung pháp lý nào hết.

Ta hãy thử phân-tích địa-vị và nhiệm vụ của Phó Tổng-Thống để xem các hiến-pháp thiết lập Tổng-Thống chế

đã quan niệm sự cần thiết của chức vụ Phó Tổng-Thống như thế nào.

Có hiến-pháp cho là chức-vụ này không cần thiết khi đã đặt chức vụ Thủ-Tướng, như hiến-pháp Đại-hàn, hiến-pháp Pháp.

Nhiệm-vụ của Phó Tổng-Thống là thay thế Tổng-Thống khi lâm sự và phụ tá Tổng Thống nếu hiến pháp dự liệu hay tùy thích của Tổng Thống.

Hiến-Pháp 1956, điều 46, ghi: Tổng Thống có Phó Tổng-Thống, các Bộ-Trưởng và Thứ-Trưởng phụ tá. Và theo điều 83, Phó Tổng Thống là chủ-tịch Hội-đồng Kinh-tế Quốc-gia.

Hiến pháp 1967, điều 66 giao cho Phó Tổng-Thống nhiệm vụ chủ tọa Hội-đồng Văn hóa Giáo-dục, Hội-đồng Kinh-tế Xã-hội và Hội đồng các Sắc-tộc thiểu-số nhưng cấm kiêm-nhiệm một chức-vụ nào trong chánh phủ.

Hình như những người soạn hiến-pháp, tại khắp nơi, đều quan tâm đến việc xử-dụng Phó Tổng Thống trong thời gian Tổng Thống còn tại chức. Theo hiến pháp Huê-kỳ, Phó Tổng Thống là Chủ-tịch Thượng-nghi-viện. Nhiệm vụ này không có gì bận rộn. Một vị Tổng Thống đã hạ lệnh gắn bộ đèn treo tạ

văn-phòng Phó Tổng Thống đề ông này có việc thường thức những tiếng động do những miếng thủy tinh bị gió lay chuyển chạm vào nhau phát ra. Hiến pháp Phi-luật-Tân dành cho Tổng-thống quyền bổ nhiệm Phó Tổng-thống vào một chức-vụ trong chánh phủ.

Phạm vi phụ-tá, tùy theo sự tín nhiệm và hứng thích của Tổng thống, dĩ nhiên rất co dãn. Báo chí Mỹ gần đây, khi bình luận về kết quả chuyến công du đầu tiên của phó Tổng-thống Humphrey đã tiết lộ rằng Tổng thống Johnson đã đắn đo rất lâu trước khi ủy cho Ô. Humphrey nhiệm vụ này. Tổng Thống và Phó Tổng Thống thường thuộc một đảng như ở Huê-kỳ hay đứng chung một liên-danh, nghĩa là đồng quan-điểm về hầu hết mọi vấn đề, như ở Việt Nam. Do đó, sự đụng chạm ít khi xảy ra. Nhưng có nơi như Phi-luật-Tân, việc bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống riêng rẽ, hai vị này có thể và trường hợp đã xảy ra, thuộc hai đảng đối lập nhau, khiến cho sự hợp tác chỉ có thể rất giới hạn.

Coi lại những liên danh ra ứng cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống lần này, ta thấy phần lớn được cấu tạo vì cảm tình cá nhân hay dung hòa ảnh hưởng hư có, thực có. Thiếu kỷ-luật của một chính đảng, đứng trước quyết định tối quan trọng cho sự sinh tồn của đất nước, của dân tộc, với những thành tích thay đổi lập trường một cách đột ngột của một số chính khách, ấy là chưa kể những sự xung đột quyền lợi nhỏ nhen, chúng ta có thể lo ngại sự nứt rạn trong liên danh trúng cử, mà hậu quả sẽ được đề cập đến sau đây.

Hiến-pháp nào cũng trừ liệu nhiệm kỳ của Tổng Thống và thể thức quyền nhiếp trong trường hợp nhiệm vụ Tổng

Thống chấm dứt trước kỳ hạn. Mục đích là tránh bớt những cuộc tuyên cử, thường gây xáo trộn hay trở ngại cho sinh hoạt quốc gia, ngay tại các nước ổn cố.

Hiến pháp 1956, điều 34, định rằng, trong «trường hợp nhiệm vụ Tổng Thống chấm dứt trước kỳ hạn, Phó Tổng thống sẽ đảm nhiệm chức vụ Tổng thống cho đến hết nhiệm kỳ.» Không có một hạn chế nào..

Hiến pháp 1967, điều 56, đoạn 2 và 3 tỏ ra khe khắt hơn nhiều. Nếu nhiệm vụ Tổng Thống chấm dứt trên một năm trước kỳ hạn, Phó Tổng Thống tạm thời đảm nhiệm chức vụ Tổng Thống trong thời hạn ba tháng để tổ chức cuộc bầu cử tân Tổng Thống và tân Phó Tổng-Thống.

Nếu nhiệm vụ Tổng Thống chấm dứt dưới một năm trước kỳ hạn, Phó Tổng Thống sẽ đảm nhiệm chức vụ Tổng Thống đến hết nhiệm kỳ, ngoại trừ trường hợp Tổng Thống bị truất quyền.

Tại sao những người soạn hiến pháp 1967 lại hạn chế khả năng thay thế của Phó Tổng-Thống như vậy? E ngại hay thiếu tín nhiệm? Đến đổi hiến-pháp cũng chẳng buồn dự trù trường hợp chức vụ Phó Tổng Thống bị khuyết thì sẽ thay thế như thế nào!

Thực ra các hiến-pháp đều dự trù tỉ mỉ trường hợp nhiệm vụ Tổng-Thống chấm dứt trước kỳ hạn và trường hợp cả Tổng-Thống lẫn Phó Tổng-Thống đắc cử đều thiếu điều-kiện cần-thiết hoặc trường hợp cả Tổng Thống lẫn Phó Tổng Thống tại chức đều không thể làm tròn nhiệm-vụ. Nhưng không hiến pháp nào đề cập rành mạch đến trường hợp chức vụ Phó Tổng thống bị khuyết,

Hiến pháp 1956, điều 34, đoạn 3 ghi : « Trong trường hợp dự-liệu ở đoạn trên, nếu không có Phó Tổng-Thống.. » Như vậy, người ta hiểu rằng chức vụ Phó Tổng-thống có thể khuyết mà không cản trở sự điều hành hiến - pháp. Khi Phó Tổng-thống tiếp tục nhiệm vụ đang dở của Tổng-thống, cũng không hiến-pháp nào buộc phải điền-khuyết chức vụ Phó-Tổng-Thống ! Duy có hiến pháp Huê-kỳ định rằng Thượng-nghị-viện sẽ lựa chọn vị chủ-tịch tạm thời, vì lẽ, như đã nói ở trên, Phó - Tổng-Thống là chủ tịch Thượng nghị viện. Nhưng dĩ nhiên, Ông chủ tịch tạm thời của Thượng nghị viện không thể có tư cách Phó Tổng Thống được.

Nghĩa là đứng trên phương-diện tiếp tục nhiệm-kỳ của Tổng Thống, các hiến pháp Việt Nam 1956, Huê kỳ, Phi Luật Tân cho rằng sự thay thế không thể xảy ra quá một lần trong thời gian 4 hay 5 năm. Với hiến pháp 1967, Phó Tổng Thống chỉ có thể quyền nhiếp nhiệm-vụ Tổng Thống dưới một năm thì việc cử một Phó Tổng Thống phòng hồ lại càng ít cần thiết.

Nhưng trái với hiến-pháp 1956, hiến pháp 1967 không dự-liệu trường hợp Tổng Thống vẫn tại chức mà chức vụ Phó Tổng Thống bị khuyết. Mặt khác, với nhiệm vụ chủ-tịch ba định-chế quốc gia là Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục, Hội-đồng Kinh-tế Xã-hội, Hội-đồng các

sắc tộc, chức vụ Phó Tổng Thống có thể khuyết mà không cản trở sự điều-hành của các guồng máy quốc-gia không ? Nói một cách khác, tình trạng khuyết chức vụ Phó Tổng Thống không phải vì tiếp tục nhiệm kỳ Tổng Thống, có đặt ra vấn đề gì hoặc tạo tình trạng gì bất hợp hiến không ?

Chúng ta không thể không quá lo xa. Mùa hạ năm 1965, chúng ta đã chứng kiến một cuộc tranh chấp vì giải-thích Hiến-chương. Cuộc tranh chấp này thực ra hết sức ấu-tri nhưng cũng đã ghi thêm một khủng-hoảng vào một tình-hình ren rối hỗn độn.

Hiến-pháp đã ghi 4 trường hợp chấm dứt trước kỳ hạn nhiệm-kỳ của Phó Tổng-Thống. Tình trạng chiến tranh và tập quán chánh trị càng làm cho những trường hợp ấy dễ xảy ra. Như nếu khuyến chức vụ Phó Tổng-Thống mà mọi người chỉ cho là :

Có cô thì chợ cũng đông

Cô đi lấy chồng thì chợ vẫn vui

thì còn gì hay bằng.

Điều cần phải trừ liệu để tránh là tạo cho những kẻ phiêu-lưu một cơ hội phá hoại hiến-pháp mà quốc dân đã tốn nhiều thì giờ, năng lực, tiền bạc để hoàn thành và hiện còn trong giai-đoạn thực thi phôi thai.

NHU-UYÊN

Đã phát hành :

HÀNH-TRÌNH SANG ĐÔNG-PHƯƠNG

của Herman Hesse, André Gide đề tựa

Mua sách do nhà Tổng-phát-hành Sống Mới

Ý nghĩa cái chết của giáo-sư Trần-Vĩnh-Anh

* NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Mùa thi năm 1954, có tin đồn đề Chánh tả Pháp văn trong kỳ B.E.P.C bị tiết lậu. Nhưng rồi không rõ là kẻ nào đó đã phao bậy hoặc chính quyền đã kịp đổi đề thi, mà tin đó hóa sai. Chỉ biết là hơn một tháng sau, Hiệp định Genève ký kết và Pháp sửa soạn đề cuốn gói.

Sáu bảy năm sau, cái nạn tiết lậu đề thi mới thực sự xuất hiện, mới đầu còn rụt rè, kín đáo, rồi mỗi năm một bạo dạn lộ liễu và tới mùa thi 1963, thì thật là trâng tráo: đề thi Trung học đệ nhất cấp quay Ronéo bán ở khắp Sài Gòn và tại hầu hết các tỉnh, giá mỗi ngày một sụt, tới ngày cuối chỉ còn có 50 đ. một đề kèm với bài giảng đang hoang ! Chế độ Ngô đình đã lưu lại một vết nhỏ to tướng, một vết nhỏ không tiền mà có lẽ cũng khoáng hậu nữa, trên lịch sử khoa cử Việt Nam. Quốc dân sôi nổi, báo chí nhắc khéo ông Bộ Trưởng Giáo dục thời đó nên từ chức đi, như ông Bộ Trưởng Giao thông nào đó ở Nhật Bản nhưng ông Bộ Trưởng Việt Nam khôn hơn ông Bộ Trưởng Nhật, cứ ung dung, chăm chế ngời hưởng nốt vinh quang bỗng lộc cho tới cùng, sớm một ngày cũng không đi. Và bốn năm tháng sau, chế độ Ngô Đình bị lật.

Tất nhiên các chính phủ "Cách mạng" phải diệt cái tình trạng trường thi thành chợ buôn lậu đó, và người ta đã diệt được. Nhưng diệt được cái tệ đó thì một cái tệ khác lại xuất hiện, tệ vô kỷ luật trong trường thi. Thực ra cái tệ này đã có từ khoảng 1952, 1953, nhưng hồi đó thí sinh chỉ đánh phép, quay phim lén lút thôi, từ 1964 họ mới ngang nhiên, bắt chấp giám thị, rồi lần lần thêm trâng tráo, hoặc mỉm cười « xin Giám thị chút huyết », hoặc đặt súng lục trên bàn mà thách giám thị « Chơi thì chơi ». Mà họ « chơi » thật : năm ngoái, có nơi giám khảo bị đánh gãy tay, bẻ đầu, Bộ Giáo Dục phải tuyên bố sẵn sàng cho nạn nhân « trốn » lên Saigon, nếu muốn ; và năm nay thì giết Giáo sư Trần Vĩnh Anh, Hiệu trưởng trường Trung học Phan Chu Trinh, kiêm Thanh tra Trung học Tư thực và Bán công Đà Nẵng, trong khi ông thi hành nhiệm vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Giám khảo Tú tài I tại Nha Trang : Sáu tên thí sinh từ 17 đến 19 tuổi đêm, chém ông túi bụi ở trước một quán ăn, hồi 18 giờ rưỡi ngày 15-7. Không rõ cảnh sát lúc đó ở đâu.

Lần này thì không phải là một vết nhỏ, mà là một vết máu kinh khủng, cũng

không tiền nữa trong lịch sử khoa cử Việt Nam. Không rõ Ông Đoàn Thêm đã ghi vào tập biên niên của ông chưa, và nếu ghi thì có thêm tên các vị Trưởng ti, Tỉnh Trưởng, Bộ Trưởng... không.

Lần này quốc dân sôi nổi còn hơn lần trước, báo nào cũng loan tin liên tiếp trên 10 ngày rồi; các hội đồng giám khảo toàn quốc ngưng chấm thi; ngày 19, trong khi ở Đà-Nẵng, đám táng giáo sư Trần-Vinh-Anh dài hơn một cây số trầm lặng cử hành thi ở Saigon, tại trường Nữ Trung học Gia-Long năm trăm Giáo sư làm lễ truy điệu vị chiến sĩ của họ. Và rất nhiều đoàn thể chia buồn với tang quyến. Ngày 21 sáu tên hung thủ bị tòa án mật trận xử. Và chính quyền đã truy tặng Đệ nhị đẳng Chương mỹ bội tinh cho người quá cố.

oOo

Độc báo (1) thấy tường thuật rằng :

Trước khi tắt thở, giáo sư Trần Vinh Anh nói : " Tôi đã làm được gì đâu ? tôi chưa làm được gì cả... ! " Ông ân hận rằng chưa làm được việc gì cho đất nước. Tôi chưa có hân hạnh được biết ông, nhưng dám chắc rằng hồi sinh tiền ông đã làm được gì cho đất nước rồi, cho nên mới thốt được lời cảm động đó. Và tôi còn chắc rằng, sau khi chết, ông sẽ còn làm được rất nhiều cho nước Việt Nam của ông, của chúng ta nữa.

Ông vừa nằm xuống thì cả giới giáo chức toàn quốc mà từ trước tới nay ai cũng nhận là rất rời rạc, đã đoàn kết nhau lại rồi đấy. Các vị đó đã nhận thấy rõ ràng cái nhiệm vụ chiến sĩ của mình và quốc dân cũng nhận thấy nhiệm vụ chiến sĩ của các vị đó. Kẻ khác chiến đấu ở tiền tuyến có khí giới đề hộ thân, lại được yểm trợ ; còn các vị đó chiến đấu ở hậu phương, không một tấc

sắt trong tay, lại không được chính quyền và ngay quốc dân nữa bảo vệ ! Mà cuộc chiến đấu của cái vị đó mới quan trọng nhất : chiến đấu để bảo vệ « linh hồn » cho Việt Nam. (Tôi mượn danh từ của ông Nguyễn văn Cần trong cuốn *Việt Nam, prends garde de te perdre corps et âme Paris 1967*). Trong sự tan rã kinh khủng của Việt Nam lúc này, nếu còn được một số người trong sạch, tiết tháo... thì chính là giáo sư Trần Vinh Anh và chiến hữu của ông chứ ai đâu, ai đâu bây giờ ? Hết chiến tranh này, nếu thanh niên Việt Nam mà còn được một số người có tâm huyết thì cũng là do công đào tạo của các vị đó, chứ công của ai ?

Chết rồi giáo sư Trần Vinh Anh mới thức tỉnh được lương tâm của bạn đồng nghiệp, của quốc dân, công của ông ở đó ; và theo tôi, trong ba năm nay, chưa có công nào lớn hơn. Năm trăm giáo sư làm lễ truy điệu ông ở trường Gia-Long và hàng vạn giáo sư trong nước tất đương có nhiều thắc mắc và suy tư, đương vấn tâm và xét lại thái độ của mình, mà tự hỏi « Vì đâu nên nổi ? » Và hết thấy chúng ta cũng vấn tâm, tự xét lại thái độ của mình đối với các giáo sư, đối với con em, mà tự hỏi : « Vì đâu nên nổi ? » Vì đâu mà cái tuổi « đôi mươi kia dám đánh, giết thầy học họ, những người có nhiệt tâm nhất trong nước muốn bảo toàn linh hồn của dân tộc, bênh vực sự công bằng, sự chính trực, mà diệt sự gian dối, sa đọa ?

(1) Nhật báo Sống số 767 (20-7-67) trang 3.

Tôi dám chắc, từ mùa thi sau sẽ không còn cái nạn hành hung giám khảo nữa, nếu còn thì giáo dục Việt Nam sẽ không còn. Trừ cái nạn đó là việc rất dễ, bất kỳ một chánh quyền nào cũng dư sức nếu người ta thực tâm. Chỉ cần định trách nhiệm cho minh-bạch và dám thưởng phạt cho công minh. Nhưng đó cắt chỉ là trị ngọn. Nếu chỉ trị ngọn thì cái ngọn đó cắt rồi, tất đấm cái ngọn khác (như năm 1964), nên phải trị tận gốc.

Vấn đề hành hung giám khảo nằm trong vấn đề kỷ luật tại trường thi. Nếu trường thi này «dễ» hơn trường thi khác, phòng thi này «dễ» hơn phòng thi khác, giám khảo này «dễ» hơn giám khảo khác thì dù người ta có ngăn cản sự hành hung giám khảo, thí sinh vẫn căm thù những vị như giáo sư Trần Vĩnh Anh.

Vấn đề kỷ luật tại trường thi lại nằm trong vấn đề kỷ luật của học đường. Làm sao thí sinh khỏi tìm mọi cách đánh phép, quay phim và biết tôn trọng giám khảo nếu suốt sáu bảy năm ở trường, họ được giáo sư cho thả cửa đánh phép và quay phim; nếu họ chẳng cần học mà điểm thi vẫn cứ từ 14 đến 18 trên 20; nếu cả năm họ chỉ học độ dăm chục buổi mà trên học bạ vẫn ghi là không nghỉ buổi nào. Cái tai hại vô cùng cho nền giáo dục Việt-Nam là người ta đã cho phép các trường cấp chứng chỉ đệ-tứ cho học sinh, một chứng chỉ thay thế bằng Trung-học đệ-nhất cấp, trong khi người ta biết chắc rằng 100 học sinh đệ-tứ các trường tư sẽ được cấp chứng chỉ đó cho cả 100.

Vấn đề kỷ luật trong học đường lại nằm trong vấn đề giáo dục trong gia đình và trật tự trong xã hội. Học đường làm

sao có thể nghiêm khắc trong vấn đề kỷ luật được, nếu có những ông lớn ông nhỏ gói gắm, chạy chọt, có khi dùng uy lực hăm dọa nữa để con em họ được lên lớp, được tuyền, được đậu cao; nếu cha mẹ không biết dạy dỗ con, ngăn cấm con, có khi còn khuyến khích chúng dùng mọi cách bất lương để trốn tránh bona phạt, ăn cắp, ăn cướp; và nếu trong xã hội những phim cao bồi, những sách khiêu dâm, những hộp đêm, ô điếm vẫn thịnh hành; những bài ca, vở tuồng lời lẽ rất thô tục vẫn được phát, được truyền cho dân chúng nghe và xem; mà những kẻ có tội rất lớn với quốc dân thì được mời đi du lịch ngoại quốc với một số tiền hằng trăm triệu!

Không một vấn đề nào có thể tách rời mà xét riêng được và càng truy nguyên thì càng thấy nó bao quát, liên quan cả tới những đồng đô la xanh, đô la đỏ... Tất nhiên, diệt tận gốc những tệ đoan trong xã hội là nhiệm vụ của nhà cầm quyền, vì chỉ nhà cầm quyền mới đủ phương tiện và đủ quyền. Nhiệm vụ của thường dân chúng ta là cảnh cáo nhà cầm quyền, góp ý với nhà cầm quyền và làm hết phận sự trong phạm vi của mình.

Giáo sư Trần Vĩnh Anh khi sống đã làm hết phận sự lại đem cái chết ra cảnh cáo nhà cầm quyền; các nhà giáo, nhà báo khi đưa đề nghị này đề nghị khác là đã góp ý với nhà cầm quyền. Bây giờ chúng ta chờ xem nhà cầm quyền thì hành nhiệm vụ của mình ra sao.

Saigon ngày 28-7-69

NGUYỄN HIẾN-LÊ

L.T.S. Mai-Sơn là bút hiệu của một giáo sư Trung-học ở Huế, cùng học với ông Trần-vĩnh Anh ở Đại-học trước đây và cùng chấm thi ở Nha-Trang trong dịp ông Anh bị hạ sát vừa qua. Trong những ngày về Saigon, ông Mai-Sơn có lại thăm tòa soạn Bách-Khoa và gửi đăng bài thơ khóc bạn dưới đây. Xin lưu ý bạn đọc, ông Trần-Vĩnh-Anh là tác giả những bài biên-khảo về Sử đã đăng trên Bách-khoa các số 146, 147 và 157, 158 trong năm 1963.

Khóc bạn **TRẦN-VINH-ANH**

Tau với mi quen nhau ngoài xứ Huế
Mi người Quảng-trị, tau đất Quảng-nam
Hai phương trời một duyên thắm kết đoàn
Đã học hỏi trong những ngày tay trắng.
Mấy năm nay đời của tau yên lặng
Sống êm đềm chỉ biết có văn chương
Còn đời mi bỗng sôi nổi muôn phương
Đất Đà-nẵng như diều vừa gặp gió
Cuộc sống ba mươi tình còn chan chứa
Tóc đương xanh danh vọng để làm chi ?
Vinh-Anh ơi ! Tau không biết nói gì
Chỉ sững sốt khi nghe mi bị giết
Bệnh viện Nha trang một chiều da diết
Sóng biển rì rào đất nước lênh đênh
Tau kêu lên ! xã-hội quá bất bình
Đang xáo trộn và đang đi xuống dốc
.....
Tau xúc động thấy bạn bè than thở
Đất Nha-trang chiều mây xám pha màu
Nghe thắm dần vào đất nước thương đau
Cổ tắc nghẹn tình ta chừ vĩnh biệt ...

MAI - SƠN

Nha-Trang chiều 16-7-67

THUỐC
NƯỚC ĐƯỜNG

PIPEROL FORT



TRỪ HẾT GIUN SÁN
THƠM NGON
DỄ UỐNG
KHỎI KIÊNG CỬ



CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

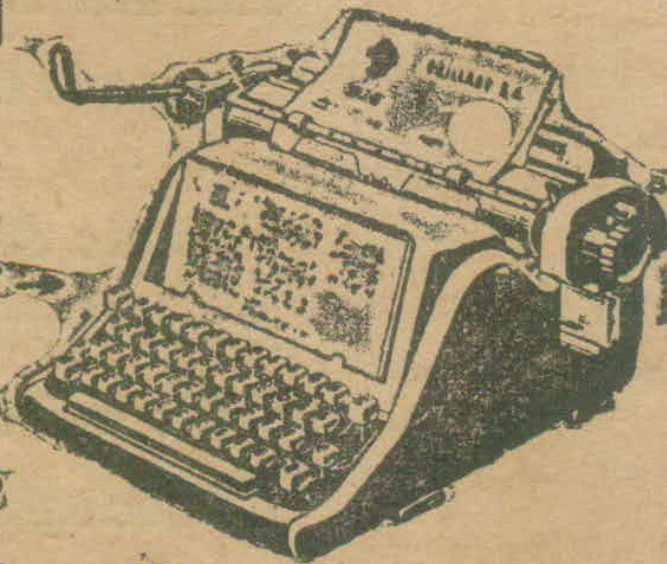
QUÝ-VỊ HÃY ĐÁN ĐÁNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

TIÊU



HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Siền - Téléphone 1 20-821 - SAIGON

NỖI THÈM NGHE NÓI

Cánh cửa GMC đánh sầm một tiếng sau lưng. Hoàng bước vào phòng ngã mũ chào thời tiết thay đổi đột ngột. Ánh nắng gay gắt và bụi đỏ bốc mù đã bỏ lại bên ngoài rồi. Trong này là cả một mùa thu lý-tưởng với cái lạnh mát dịu mơn man da thịt. Hoàng đặt chiếc xách xuống thềm xi-măng rồi chia tẩm Lệnh di-chuyên cho thêm một nhân viên người Việt ghi phi-vụ. Anh chàng này mặt loắt choắt, thân hình bé nhỏ trong chiếc sơ mi đen bạc bỏ ra ngoài, trông càng bé nhỏ hơn khi đứng giữa hai quân nhân Mỹ và Đại Hàn cùng làm công việc đó. Hoàng đảo mắt quanh phòng. Hầu hết là người Mỹ ngồi kín cả mấy dãy ghế. Người khoan tay nhìn lên cánh quạt trần xoay tít. Người lơ-đăng lật qua lật lại trang báo. Và người ần mắt dưới vành mũ lưỡi trai kéo thấp ngủ vờ ngủ vệt gần khung cửa, mấy người Đại Hàn ngồi bệt xuống đất, bi-bô với nhau về cái máy ảnh trên tay. Sau khi thấy tên mình trong danh sách chuyển bay 551; Hoàng tới ngã người rơi một ghế trống. Mới có mười một giờ kém. Còn hơn ba tiếng đồng hồ chờ đợi. Bây giờ Hoàng mới nhận thấy trong phòng còn có hai người Việt Nam nữa. Một người đàn bà trạc ngoài bốn mươi, giúp việc cho trạm hàng không. Với mảnh khăn trắng trên tay, từng bước, từng bước, nhẹ nhàng, chậm rãi, bà ta đi lau những mặt bàn, mặt ghế, nhặt những tờ báo đặt vào giá Bà ta làm việc im lặng như một cái bóng, một con mèo, không có phút giây ngừng nghỉ. Người kia là một cô gái. Nàng xuất hiện lúc nào Hoàng chẳng rõ, chợt bắt gặp nàng giữa những bộ áo nhà binh như con chim xanh giữa bầy kên kên. Nàng mặc màu xanh da trời, chiếc cổ, đôi tay, đôi chân trắng nuột. Ngồi cạnh nàng là một hạ sĩ Mỹ tóc ngã màu tiêu muối. Người này nói với nàng từng câu ngắn. Nàng nói lại thật nhiều và thật nhanh. Giọng nàng trong và cao. Rồi nàng tiến đến chỗ người Mỹ ghi phi-vụ, liu lo, tíu tít. Người Mỹ cười to. Nàng thì cười thật xinh, để lộ hàm răng nhỏ, đều. Nụ cười lan lên đôi mắt.

Khi nàng trở lại chỗ cũ, người Mỹ tóc tiêu muối mang đến cho nàng một cốc nước. Nàng uống từng ngụm, từng ngụm, hững hờ, kiêu cách. Nãy giờ Hoàng vẫn ngồi bất động. Hoàng muốn gọi chuyện với cô gái nhưng ngại. Không phải ngại với người Mỹ tóc tiêu muối mà ngại với chính nàng. Đôi mắt nàng sắc quá trong khi

khoa ăn nói của Hoàng chẳng chút ra gì. Hơn mười hai giờ, một chiếc máy-bay hạ cánh. Trong phòng như tỉnh hẳn, im lặng, nghe ngóng. Noi bàn vi-âm, xướng tên hành khách đáp chuyến này. Người người lục-tục xách va-li ra cửa. Số còn lại trong phòng ít hơn. Có Hoàng và có cô gái. Anh chàng ghi phi-vụ không có việc làm đã bỏ đi đâu. Người đàn bà giúp việc thu mấy tờ báo mấy quyển sách những quân nhân vừa đi bỏ trên mặt ghế, xếp gọn vào giá. Bà ta vẫn im lặng, nhẹ nhàng. Cô gái thì vẫn liú-lo như chim reo, như suối chảy, như dòng tiếng Mỹ không ngớt trên môi. Cái ý tưởng muốn làm quen với cô gái vụt tiêu tan. Niềm vui mong manh, cùng đáp chung một chuyến bay với người đẹp, không còn nữa. Hoàng nhìn xuống bộ chiếc phục bạc màu, đôi giày sờn đầy bụi, cảm thấy mình lạc-lỡng, cô đơn. Không cần phải đến hỏi-han, an ủi Hoàng, nhưng sao chẳng ai nói một câu tiếng Việt, một câu tiếng Việt bằng quơ cho Hoàng nghe. Anh chàng ghi phi-vụ chỉ biết có ngọn bút. Người đàn bà giúp việc như một chiếc bóng. Người con gái thì giòn tan tiếng Mỹ. Sao Hoàng thấy xa lạ ngay trên mảnh đất quê-hương? Chưa ra khỏi vùng trú quân mười cây số Hoàng đã tưởng mình ngồi ở một Tiểu-bang nào. Người con gái mở xác lấy ra một tờ Tiểu-thuyết thứ Năm, dùng chuôi lược thay dao rọc và dừng lại ở trong có dòng chữ đậm « Thư ra tiền tuyến ». Hoàng nghĩ : Biết đâu đây cũng là một « em gái hậu phương » đêm đêm theo rồi chương-trình Thúy-Hằng để viết thư cho những anh chiến-sĩ mẫn yêu. Cô gái đọc báo có vẻ chăm chỉ, ngoan ngoãn trong vài ba phút rồi buông tờ báo xuống, đưa xác cho người lính Mỹ tóc muối tiêu. Nàng bước tới máy điện thoại, nhắc ống lên gọi. Dáng đứng của nàng. Hoàng xuýt kêu lên. Nàng không hẳn là một cô gái Việt. Nàng là một người Việt gốc Hoa. Nàng là một cô gái Trung quốc. Không. Nàng chỉ là một cô gái Tàu. Một ả xàm. Cô Tàu. Ả Xàm. Mấy tiếng đó mới đúng để gọi nàng. Hoàng bỗng thấy mừng khi tìm ra điều ấy, khi nghĩ nàng không phải là người Việt Hoàng muốn đến nhìn vào danh sách chuyến bay 551 xem tên nàng có lót « thị » không, hoặc hỏi thử nàng một câu xem giọng Việt của nàng ra sao. Nhưng Hoàng vẫn ngồi bất động. Còn phải dò la gì nữa. Ánh mắt đó, nụ cười đó, cái vẻ đào chim Thượng Hải đã chắc chắn nàng là ả xàm rồi. Hoàng mừng tượng ra người con gái Việt-nam với hình ảnh Lan, với giọng nói miền Bắc trong như sáo diều và mát tựa mưa phùn. Cái e ngại ban đầu thật đáng yêu. Hôm đó, Hoàng gặp Lan tại Viện-bảo-tàng nhân chuyển công tác về Bộ Tổng-tham-mưu. Lan đi với ba đứa cháu. Hoàng ngỡ ý cùng đi dạo với Lan. Lan có vẻ sợ hãi. Nếu gia-đình tôi biết thì chắc là...tôi không được đi chơi nữa. Xin ông hiểu cho. Mắt Lan chớp nhanh và cúi xuống. Nhưng rồi câu chuyện giữa hai người vẫn được kéo dài. Hoàng xin địa chỉ của Lan. Lan ngần ngại. Nhưng... xin ông đừng tìm đến nhé Vàng, vàng. Vì hai giờ sau tôi đã trở ra Trung rồi bay lên Cao-nguyên của tôi rồi. Hoàng đưa cho Lan quyền lịch tay. Cô thấy không. Địa chỉ ghi ở đây toàn đại đội và KBC. Lan cười, cho Hoàng sung-sướng. Những người bạn Hoàng không thích thế. Họ muốn quen các cô chịu chơi. Hoàng không tán đồng quan-điểm. Bởi vì Hoàng đang trấn giữ một đồn lẻ, mười ngày, nửa tháng vẫn có thể chạy về trung-

tâm dưỡng quân để tìm thú vui da thịt. Trở về Saigon, Hoàng nhìn cái đẹp thú-đô nơi những cô gái ngập ngừng chờ băng qua lộ. Hoàng ví họ và Lan, như những bài thơ tiền-chiến hàng tuần được đăng trong một tờ báo của các nhà thơ tự do. Máy bay lại đến. Tên Hoàng được gọi trại đi qua giọng xướng-ngôn người Mỹ. Anh chàng ghi phi-vụ ra cửa nhìn về phía máy bay. Bà giúp việc vẫn im lặng, nhẩn nhục. Hoàng tránh lối cho cô Tàu đi trước. Nàng níu tay người Mỹ tóc muối tiêu vừa đi vừa chạy. Giờ thì trả lại không khí trong mát cho gian phòng, đi vào nắng chói. Hoàng bước lên máy bay sau hết. Cô gái ngồi ở dãy bên kia. Máy bay lên cao. Qua khung kính hẹp Hoàng nhìn thấy núi rừng trùng điệp. Chặt thuốc khai quang không hủy nổi non Trường. Cây cối vẫn xanh um lượn hình dưới đó. Một người lính Mỹ cùng nhìn xuống như Hoàng. Một người lính Đại Hàn đang thu hình vào ống ảnh, Cùng một chuyến bay, cùng một tầm nhìn, Hoàng chắc chắn ba người lính có ba cảm nghĩ khác nhau. Làm sao mà giống được. Rừng núi ấy là quê hương, xương máu của chỉ một người. Thỉnh thoảng Hoàng vẫn để ý đến cô gái rồi tự trách. Nó chỉ là một con Tàu, một ả xàm. Có gì mình phải bận khoăn. Bao nhiêu người đang đi trên cao này chỉ có mình mình nhìn xuống với tất cả thiết tha, chỉ có mình mình thương yêu lớp lớp cây rừng lá núi đó. . . Người Mỹ ngồi trước mặt đá khẽ vào chân Hoàng. Hoàng quay lại. Người ấy đang cài lại thắt lưng và ra hiệu cho Hoàng. Hoàng mỉm cười. Tất cả đều đang cài lại thắt lưng. Tội thật! lo xa. Cần gì. Tuy vậy Hoàng cũng cài dây của mình. Nhập gia tùy tục. Máy bay bay vòng. Cánh nghiêng nghiêng. Khung kính hẹp chứa đầy mây trắng. Mây từng khối dày của ngày nắng to. Máy bay chạm đất, chạy theo phi đạo rồi dừng lại, Quanh phi trường kín những cây thấp, rộng tàn. Hoàng không biết đó là cây gì và đây là đâu. Hoàng muốn hỏi song vốn liếng tiếng Anh quá kém, Hoàng sợ không hiểu câu trả lời, sợ người nói chuyện với mình hỏi han thêm nữa sẽ thêm phiền. Chả lẽ đi hỏi cô Tàu kia! Hoàng nhẹ lắc đầu rồi lấy giấy bút đánh một dấu? đưa cho người Mỹ ngồi cạnh. Anh chàng đón lấy, viết vào «ankue». Hoàng tròn mắt ngạc nhiên hơn. An-kê là đây sao? Chắc máy bay còn ghé Qui-nhon rồi mới vào Nha Trang. Hoàng đoán không sai. Cô Tàu xuống phi trường Qui-nhon, vừa đi vừa chạy theo viên hạ sĩ Mỹ tóc ngả màu tiêu muối. Một chiếc xe chở hàng chạy tới đời những xác, những rương chất ở cuối máy bay. Những ghế trống trên máy bay được lấp kín bằng số người mới lên. Từ Qui - non vào Nha-Trang máy bay đi ven bờ biển. Sóng trắng liếm bờ cát trắng. Dừa xanh đứng nhìn nước xanh. Qua khung kính nhỏ, duyên hải miền Trung phủ màu sắc thái bình. Hoàng không nhìn thấy những làng đã cháy trong mấy năm qua. Trong khi Hoàng đang chiêm ngưỡng thần tượng thái-bình, biết đâu dưới đó đang có trận đánh nhau, có lửa bốc, máu tuôn, có những con người vật nhau như con thú tìm lấy nhược điểm của địch thủ để thúc mạnh lưỡi dao găm vào. Rồi một trận đánh kết thúc, thêm mấy người vợ tử sĩ đi làm sở Mỹ, thêm mấy đứa nhỏ con đám dân nghèo nhập đám ăn xin. Dân số thị

thành tăng thêm nhờ thành phần đó. Máy bay vòng lại đề xuống Nha-trang. Cầu xóm bóng xinh-xinh mang chiếc xe ngựa trên lưng. Khi ra khỏi máy bay, diềm Hoàng nhận thấy trước tiên là bức tượng Phật trắng phau trên đỉnh núi. Máy người Mỹ xuống đây còn chờ gỡ hành-lý. Hoàng tra chiếc xác lên vai, đứng thừng ra công Phi-Vân đón xe Lam. Con đường Duy Tân bong hết nhựa, tro mặt sỏi đá và đầy chỗ trũng nước. Nha-trang đã vào mùa mưa. Không hắc. Thời tiết Nha-trang thường đổi thay bất chợt như tính nết người con gái thành phố cát trắng này. Sát bờ biển mấy chiến hạm buông neo. Lính Mỹ, Lính Việt, con gái và con nít lẫn lộn. Hoàng bảo xe Lam dừng lại ở góc đường Lê Thánh Tôn. Vài chiếc xích lô lảng vảng, Hoàng vẫy song họ lắc đầu. Không có cái giậu dừ của bạn mình đề chửi thề, đề đấm đá, Hoàng mỉm cười bước đi. Có lẽ mình nên đi bộ là hơn. Lính Việt-Nam, nhất là lính từ rừng núi cao-nguyên về, sức mảy mà đi xích-lô Nha-trang. Chiều thứ bảy. Phải rồi. Thảo cào xe tràn khắp phố. Honda Suzuki xuống biển, xuống chọt ăn phở gà? Hoàng nhớ lời đưa tiễn của Châu Ghé Nha-trang mi nhớ xuống chọt ăn phở gà, kéo rồi chết xuống âm-phủ Diêm-vương hỏi không biết lối trả lời, Tại ngã sáu, tấm băng giới thiệu phim « Em Đẹp Như Lan » đập vào mắt Hoàng. Màu sơn vàng nổi trên màu vải nâu. Hoàng lại nhớ đến Lan. Đường Nha-Trang hẹp, con gái Nha-trang bạo, nên ở đây không có những tà áo trong ngón tay vè ngấp ngừng qua lộ. Lẽ ra hình ảnh ấy phải tìm ở những thành phố nhỏ. Quả là đất đầm ể chợ. Hoàng lại ghé nhà Khang. Số 6c đường Núi Một. Đây rồi. Song cửa khóa kín. Chỉ có cánh cửa sồ khép hờ. Hoàng đẩy nhẹ. Đúng là nhà Khang. Tấm áo lính mang tên hấn đó. Chiều thứ bảy làm sao hấn chịu ở nhà. Lính văn-phòng, lính thành-phố lả-lướt, bay-bướm quá. Hoàng ép chiếc xác nhét qua hai song cửa sồ rơi xạch xuống nền xi-măng rồi quay gót. Độc-lập, Phan-bội-Châu mang nhiều chất lính. Sinh-viên sĩ quan Hải-quân, Không-quân, pháo binh. Khóa-sinh Hạ-sĩ-quan Đồng-đề. Người lính quân-trường được cái mã khi ra khỏi công. Quần áo ngay ngắn, thẳng nếp, mũ cát-két, dây biểu chương, đi đứng chững chạc, đường hoàng. Những đội tuần-cảnh hỗn-hợp bước đi không bao giờ gập đầu gối. Anh em lực-lượng đặc-biệt có vẻ tự-do, thoải mái hơn, được ngả-nghiêng cười nói, thả trò những ống quần bó sát của các cô đi kèm lính Mỹ. Hoàng dừng lại hiệu kem Hoàng-Mai, bước vào ngồi ở bàn gần cửa. Cốc nước đá lạnh lạnh dài từ đầu môi xuống bụng. Từng giọt cà-phê êm đềm rót vào lòng cốc. Tiếng nhạc xóa hết mọi âm thanh. Mỗi bàn người ta chỉ nói đủ nhau nghe. Trước hiệu, ba bốn đứa trẻ đứng bên những chiếc Vespa, Honda, Suzuki. Chúng nó lau lần lẩn, tai lái, yên xe, vành xe. Nhe-nhàng. Thận trọng. Y như là xe của chúng nó. Cạnh đó, một người đàn bà vai đeo túi vải nhàu nát, áo bà ba đen vá vai, sồn vạt, quần xắn cao để lộ cái chân phải bằng gỗ. Cây nạng dựng nơi tường bên cạnh. Bà ta đưa hai tay ra trước, mười ngón xòe ra làm bộ điệu rồi cất tiếng ca cải-lương. Giọng bà khao khao, dứt quăng, chìm chìm dưới tiếng nhạc dập dồn trong hiệu kem vang ra. Không ai để ý nghe bà ta hát hết. Ngay cả tiếng Minh-Hiếu, Phương-Dung từ đĩa nhạc người ta cũng chẳng cố tình theo dõi. Sao bà ta không chịu nói đề xin? Lời nói làm mất thề-diện chẳng? Có lẽ tiếng ca kia đã được

mọi người mặc nhiên chấp nhận nó có nghĩa : Thừa ông bà, cô cậu, tôi què quặt, nghèo đói, xin làm ơn cho tôi năm đồng, ba đồng. Tiếng ca có lợi thế hơn là cất lên lúc nào cũng được, không bắt buộc người khác phải nghe, không cần thiết họ phải trả lời. Tiếng ca còn hàm ý nghĩa nghề nghiệp, dù dở dù hay, người ta cũng đôi lần hơi lấy đồng tiền làm phức, chứ không hoàn toàn quy lụy cầu xin. Hoàng nghĩ vậy và phân vân. Không biết mình vẽ vờ hay những kẻ hành khất kia vẽ vờ. Người đàn bà vẫn huơ tay vừa làm điệu vừa hát.. Mối bà vêu ra, bày những quết trâu màu thâm thắm. Dù ai nghe ai không, bà vẫn hát. Ít nhất bà đã hơn Hoàng ở đức tự tin. Chắc là ca sĩ n'ò cũng phải tự tin như thế. Nếu là Hoàng không bao giờ dám hát trước một đám thính giả bất cần nghe như vậy. Một đôi tình nhân — Hoàng đoán thế vì trông họ vừa trẻ, vừa yêu đời — xô ghế đứng dậy bước ra. Chàng trai cho tay vào túi lấy chìa khóa tra vào chiếc vespa. Đưa bé thôi lau xe, đứng dậy kiễng chân chờ đợi. Cô gái đưa cho nó đồng bạc năm kim khí. Nó gạt đầu như cảm ơn cho vào túi rồi tiến lại chiếc solex của một cô gái có dáng dấp học trò vừa đứng lại tắc máy. Hoàng thấy mình có nhiều cảm tình với bọn trẻ lau xe. Một nghề nghiệp thật lương thiện. Dưới bàn tay thẳng bé chiếc solex phút chốc đã phủi sạch bụi bùn, phơi làn da đen bóng, mới tinh. Thẳng bé như đang tần ngần soi mắt mình vào nước sơn xe. Vẽ nhẹ nhàng, chậm rãi của nó khiến Hoàng nghĩ đến người đàn bà giúp việc ở trạm hàng không buổi trưa. Hoàng uống nốt chỗ cà-phê còn lại trong cốc, gọi tính tiền rồi đứng lên Người đàn bà đã ngưng hát từ lúc nào, đang uề oải đánh răng thuốc. Hoàng lấy quyền lịch tay ra, lật tìm tờ giấy bạc năm giữa những sự-vụ-lệnh, thẻ căn cước quân nhân. Người đàn bà đẩy viên thuốc vào góc môi, chỗ đó nổi lên như cục bướu. Hai tay bà đưa ra trước. Hoàng đặt tay vào bà năm đồng. Tưởng nghe bà nói, Hoàng không ngờ bà lại cất giọng khao khao. Lời tha-thiết ấy đã tan theo dòng băng năm tháng. Còn nơi đây một trái tim đang tang vỡ dưới chân... ư... nàng. Tờ bạc biến đi. Trang lịch tay của Hoàng bày ra những dòng ghi địa chỉ. Giữa những đại đội, những KBC, có nét chữ mềm mại của Lan ghi hôm ở Viện Bảo Tàng. Hoàng tầmngần xếp quyền lịch lại mơ hồ nghe thấy tiếng Lan. Em có mộng học Dược nhưng giờ phải bỏ dở dang. Năm nay em định thi vào Y-tế. Giọng nói miền Bắc ngọt ngào, mát dịu vì có âm thanh sáo diều và bụi mưa phún lất phất...

Trần-Huyền-An

Du khách thăm Dalat nên dùng :
áo len đẹp, rẻ, bền, và hợp thời trang
của **TRANG NHÀ**
32, Duy Tân — DALAT

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN

GIỌT THỜI GIAN, thơ

Tác giả xuất bản. —

Hoàng-Xuân-Hãn giới thiệu. — 110 trang ; giá : 100đ (1)

Tác giả :

MỘNG - TRUNG, — tên thật : Nguyễn-Trung-Nghĩa
sinh ngày 30-11-1921 tại làng Phước-long, tỉnh Rạch-giá,,
đã cộng tác với các tạp chí *Bách-khoa*, *Mai*, *Tin-Văn*...

Tác phẩm :

Thịt nát, máu rơi, tình rời, tơ đứt,

Trên vụn nẻo đời, ai còn, ai mất, hỡi ai ơi !

(Đường mộng về quê)



Ai đã nào nùng than thế ? «Tuy không hẳn là một người chinh phụ, nhưng(..) ngụ nơi đất khách, chồng vắng, con đông», (2) đôi khi được chút rảnh rang mà cùng anh em, bạn bè, con cháu, thoát cảnh phố phường ngạt thở với bao bồn phận buộc ràng, đứng trước hoặc ngàn cây chen chúc, hoặc hoa tím phủ đồi hoang, hay biển lên sóng rộn trắng lờ, bỗng thấy hồn thơ thức dậy, ngợi cảnh đẹp đang phô bày, nghĩ đến nghĩa đời trong đục, nhớ lại những hình ảnh thuở xa nào...

Đề rồi nhẩn — chẳng biết nhẩn trong đời hay trong mộng ?

Ai về quê mẹ nhẩn lời nhớ thương

Mà với người phụ nữ sanh và trưởng trong lòng đất nước phù sa này thì quê mẹ mới đáng nhớ làm sao : tình người thôn nữ với xóm, vườn, sông, ruộng tuổi xanh với mộng ban đầu, vị thời gian thăm ước mơ và mòn chờ đợi, liền trầu khăng khít tình ấp ủ lấy nhau, bốn bài thơ làm ở quê hương lúc «mười tám cái xuân» như mở màn cho niềm thương sau đó. Ba mươi tám bài thơ tiếp theo, làm tại quê người, từ 1935 đến 1966, tuy có đó đây, lấy đề tài khuyên con, nhớ mẹ, gửi bạn, nhủ mình, nói đến đường chỉ mũi kim, đến cây đàn, giọng hát,..nhưng người đọc sao lại thấy chúng cùng hướng về nẻo những «Lòng đưa con côi, Giấc mộng hồi hương. Đường mộng về quê, Xuân người xuân ta, Xuân khói lửa, Em mơ gì, » đề cho «Tình quê xao xuyến dạt dào », rồi buồn vì « vụn nước đảo điên », khổ vì « đất mẹ quê cha cháy rụi, giống nòi ruột thịt lăm than », nhưng sau cùng vẫn nuôi hi vọng « Trời thanh bình lúa đầy hoa nắng, Tươi mái tranh no ấm kiếp dân hiền. »

(1) In toàn giấy tốt, và đặc biệt là dưới mỗi bài đều ghi nơi và ngày làm. Tưởng các nhà thơ, văn nên làm thế để giúp kẻ đọc, người phê bình cùng nhà viết văn học sử.

(2) Trong lời giới thiệu của Hoàng Xuân-Hãn

Một người đàn bà phương Đông vì cảnh ngộ phải sống dưới trời Tây, chốc đà mười mấy năm trời, mà quê hương lại bị cắt làm hai và bom đạn cứ thi đua nhau tàn phá, thì những khi hướng về quê mẹ, dạ đau đã đến độ nào rồi? Và nếu người đàn bà ấy, thuở còn con gái, đã từng đứng trong hàng ngũ chống thực dân, phong kiến, mà nay nhón lại quê cha, ngoài cái tang tóc kéo dài, còn có cái bạo tàn ở nơi này, cái bất công ở nơi nọ, thì ruột ắt phải đứt ra từng đoạn. Và nếu, nếu người đàn bà ấy lại thuộc nòi nghệ sĩ, trong huyết quản chan hòa hai dòng Thơ với Nhạc, nghĩa là từng mơ những gì êm ấm, sum vầy, thương yêu mở rộng, mà nay, trông về đất tở, chỉ nghe thấy chát chúa, nát tan, hận thù ngàn ngút, thì lòng hẳn đã nát ngổu như tương.

Phải chăng vì những lẽ ấy mà người cầm bút, ôm đàn, cất tiếng .. với cái hiệu « Mộng trong Mộng » (3) ấy nghĩ rằng : dặn mình sao như từng như bách, dạy con dỗi nhân đức, sống thẳng ngay, cùng anh (4) đem tiếng đàn đất nước, điệu hò giọng hát lời ca Bắc-Trung-Nam để giới thiệu với người Âu nếp sống tình cảm phong phú và tâm hồn tế nhị của dân ta, bao điều đó còn chưa đủ. Nêa chi, nằm trên giường bệnh, sắp ở trong cảnh thập tử nhất sinh, người phụ nữ Việt này mới vội vả nhờ người thân ở quê nhà cho ra đời « Giọt thời gian ». Phải chăng để « chia nỗi lòng đau cùng đất nước » ?

Nghĩ rằng hoàn cảnh và con người của tác giả nó có cái gì ngoại lệ, lại được biết sự góp mặt của « Giọt thời gian » nó cũng khác thường, nên thấy rằng có lên tiếng chê, khen là điều không phải (Tác giả cũng đã có câu : *Màng chi mản lạt tiếng chê khen.*) Mà chỉ ghi một việc và mong một điều. Ghi : thơ Mộng-Trung đã cảm được một kẻ không thuộc nòi tình lại chuyên về khoa học là Hoàng-Xuân-Hãn. Mong : Mộng-Trung chẳng bao giờ để nguồn thơ mình cạn, vì trong bài « Tình mộng », thấy có câu « Cạn nguồn thơ bỗng thấy bơ vơ. »

MƯA KHÔNG ƯỚT ĐẤT, tập truyện.

Tập san VĂN xuất bản. 122 trang — Giá nhất định : 30đ

Tác giả :

TRUNG-DƯƠNG. — Tên thật : Nguyễn - Thái, sinh viên Luật Khoa và Kiến-trúc. Đã cộng tác với các báo *Bách-Khoa, Văn, Tin-Sách...* Đã xuất bản : *Vừa đi vừa ngược nhìn*, (1956)

Tác phẩm :

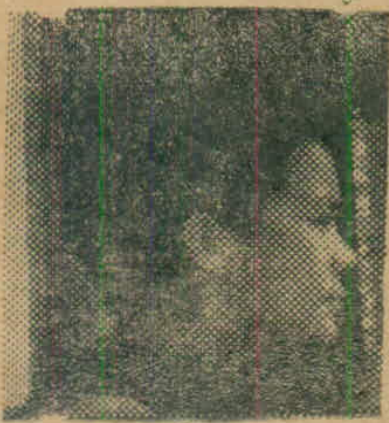
Tập truyện thứ hai này của người nữ sĩ mà một tạp chí văn chương ở đây cho là cây bút nữ hiện sinh nhất gồm có .

Mưa không ướt đất, Loài chim trên cát, Theo chân mây và Thư mùa hạ.

Thư vốn là sinh viên Dự-bị Văn-khoa. Nàng yêu một bạn trai, tánh tình khác hẳn nàng, và người yêu nàng giới thiệu Duẩn — cũng là bạn cùng lớp — với

(3) Mộng trung chi mộng

(4) Trần-Văn-Khê



nàng. Người tình du học. Ba năm sau, Duẩn đi dạy gặp lại Thư. Nàng «sống như một con meo hoarg». Họ và một số bạn trẻ ăn và nhảy ở một cư xá nhỏ ở Thủ-đức, vào một đêm Trung-thu. Trong một dịp nghỉ «xã hơi», Duẩn về Thủ trò chuyện ở thềm cư xá, và Duẩn được Thư cho biết nàng sắp có con. Hai tháng rồi. «Tôi giữ đứa nhỏ lại, dù tôi biết mình sẽ phải trả một giá rất đắt. Tôi nghi biết đâu sự có mặt của nó sẽ thay đổi cuộc sống và những suy nghĩ của mình phần nào chẳng? Có thể nó sẽ là sợi dây ràng buộc tôi vào cuộc sống mà nhiều lúc tôi quá chán ngán?...» Sau đó, Duẩn và Thư về Bà Chiểu ngủ nhờ ở xưởng dệt người bạn vừa quen. Họ chỉ có hai, và chỉ có một cái đi vắng để ngã lưng. Họ sắp hợp nhau thành một, thì người con trai dừng lại, bởi tự thấy mình không có quyền tiến xa hơn: Không muốn sẽ ân hận vì cảm thấy yêu nàng, vì không được quyền xúc phạm đến «con người» đang thành hình trong nàng.

Thế là cuộc *mây mưa* không có. Mà cơn *mưa* rào họ tưởng chỉ là tiếng máy dệt đầy thôi. Vì thế mà *đất không ướt?*

Loài chim trên cát là hình ảnh Nhiên. Cô gái này có một người chị, một người anh, ba người, ba thế giới. Nhiên vốn «Tôi không có phản ứng, ngay cả với cuộc sống, với thân phận của tôi. Và tôi buông thả trong cái dòng sống muốn đưa mình đến đâu thì đưa (...) Đời con gái của tôi thật buồn và thật hình thức.» Là chim, thì ở với cỏ cây. «Nhưng con chim Nhiên đã quên màu xanh của lá để có thể tìm đường về với cây. Nó đang ngóng ra bề, tìm kiếm đảo đạc và ngóng đợi...»

Theo chân mây: Thy không yêu gì Vũ, nhưng rủ Vũ ra Vũng-tàu nằm vài hôm. Đêm thứ hai, nàng «cảm thấy thèm muốn», và chàng «đã thỏa mãn» nàng. Nàng là một người cô độc, bị những ý nghĩ mâu thuẫn dày vò. Và nàng trao thân cho chàng mà «không hối hận, không xấu hổ về việc làm ấy».

Gặp nhau lại ở Sài-gòn, họ trò họ chuyện. Thy cười buồn. Nếu nàng có dăm ba cuộc đời? Thì nàng sẽ gửi một cuộc đời đi theo chân mây.

Thư mùa hạ: nàng viết cho chàng, để dứt hẳn tình nhau. Bức thư không ngày viết tại Sài-gòn này trước ngày sinh nhật đầu tiên của con trai nàng. Con nàng, vì chàng từ khước đứa con của họ, mặc dầu nó vốn là con của hai người. Bởi bản tính chàng: không bao giờ chịu nhìn vào mình, và cố gắng tránh được nhiều trách nhiệm chừng nào hay chừng ấy. Nàng nhắc lại buổi gặp nhau, sáng mùa hè năm ấy, họ «gần» nhau, và nàng đã xúc động mãnh liệt. Rồi nàng nói về đứa con trai dễ thương, mà nàng tin rằng với tình thương yêu của nàng, với sự dạy dỗ của nàng, nó sẽ có chỗ khác «cha» nó. «Vả lại biết đâu, cái thế hệ của nó sẽ khác hơn thế hệ của chúng ta hiện tại».

oOo

Thằng thẩn, hồn nhiên tác giả đã dẫn dắt người đọc đi vào những cảm nghĩ suy tư của một số người trẻ tuổi trong lớp tuổi trẻ ở đô thị một cách thoải mái, và đôi khi gây xúc động. Từ «Vừa đi vừa ngược nhìn» đến «Mưa không ướt đất»

nhân vật của Trưng-Dương như già dặn hơn lên cả về tuổi tác lẫn tinh tình, những nhân vật nữ đã bớt phần **mam** tính. Với đà này chắc sẽ còn nhiều đổi thay ở những sáng tác về sau của **cô** và những cái mà người ta đòi hỏi hôm nay sẽ có thể không thiếu vắng ở những tác **phẩm** sẽ tới. Mong vậy thay

BẢNG LƯỢC ĐỒ VĂN HỌC VIỆT-NAM



TRÌNH BÀY xuất bản. Quyển thượng 866 trang giá 360đ
Quyển hạ 828 trang, giá 340đ.

Tác giả :

THANH-LĂNG trình bày và trích tuyền. Tên thực : Đinh-Xuân-Nguyên, sinh ngày 23-12-1914 tại Thanh-Hóa. Giáo sư Đại-Học Văn-Khoa Sài-gòn. Đã xuất bản : *Văn-chương chữ Nôm* (1953) ; *Văn-chương bình-dân* (1954) ; *Biểu nhất lãm Văn học cận đại* (1957) ; *Apport français dans la Littérature Việtnamienne* (1951) ; *Bảng lược đồ văn học Việt-* (1967).

Tác phẩm

Đây là tài liệu giáo khoa dành cho sinh viên dự bị Việt Đại cương ở Đại học Văn khoa Sài-gòn, niên khóa vừa qua (1966-1967).

Soạn giả cho rằng tác phẩm mình là một « *bảng lược đồ chỉ dẫn* » để giúp sinh viên dự bị Việt Đại cương đi vào viếng thăm lâu đài văn học Việt-Nam, Trên tấm bảng này, ông đã vẽ, rất sơ lược các nét chính của văn học Việt Nam : tức là các thời kì hay thể hệ văn học cùng với các trào lưu tư tưởng, trào lưu tình cảm, trào lưu nghệ thuật về những chứng nhân tiêu biểu nhất, đại diện nhất của mỗi trào lưu. « Gặp vài trường hợp đặc biệt soạn giả mới đi vào chi tiết. Công trình này, soạn giả không có ý xuất bản nó, vì chưa bằng lòng, nhưng vì thương cái túi nghèo của sinh viên : bài giảng in rô-nê-ô như thường lệ nay giá đắt gấp ba - có khi hơn nữa—giá in thành sách. Vì lẽ đó mà ông mong độc giả ngoài giới sinh viên coi tác phẩm này « như một nỗ lực đang tìm, đang đặt ra, đang chưa có câu trả lời cuối cùng là cần được duyệt lại, được bổ túc, được hiện sinh. Văn học Việt Nam quả là miếng đất mới mẻ, chưa mấy ai xông xáo vào. Mong rằng sự xông xáo này sẽ khai thông ra được thêm một lối đi trong khu rừng hầu như còn hoang vu này chăng ! »

Chắc rằng các vị chuyên về văn học nước nhà sẽ có bài góp ý với soạn giả, như về cách phân chia các thời kì văn học cùng tên đặt cho các thời kì này, như về những nhận xét và phê phán về Nguyễn-Du chẳng hạn.

Phần chúng tôi chỉ xin giới thiệu công trình tuy sơ lược nhưng khá đầy đủ về văn học nước nhà từ thế kỉ XIII cho đến 1945 với các bạn tự học, các bạn

cần những tài liệu. Vì soạn giả còn tham khảo các công trình nghiên cứu, sưu tầm của giới văn học miền Bắc, và sau khi trình bày phương pháp chia lịch sử văn học nước ta của các bộ sách đã ra đời từ trước đến nay, ông chọn phương pháp hợp lí nhất : chọn một niên lịch nào đó đã xô đầy những biến cố văn học.

Chúng tôi xin chép lại các mục chánh đề bạn đọc có cái nhìn chung về nội dung Bảng lược đồ văn học này :

I. — Nói chung về thời đại Văn học cổ điển (thế kỉ 13 đến 1862)

II. — Văn học thời đối kháng Trung-hoa (thế kỉ 12 đến 14)

III. — Văn học thời phát huy Văn hóa dân tộc (1428-1505)

IV. — Văn học thời kì chớm nở đối kháng thời thế (1505-1592)

V. — Văn học thời kì gặp gỡ Tây-phương (1592-1729)

VI. — Văn học thác loạn (1729-1788)

VII. — Văn học thế hệ Nguyễn-Du (1788-1820)

VIII. — Văn học thế hệ Nguyễn-Công-Trứ (1820-1892)

Nền Văn học mới (1862-1945).

I. — Văn học thế hệ 1862 (1862-1913)

II. — Văn học thế hệ 1913 (1913-1932)

III. — Văn học thế hệ 1932 (1932-1945)

Thuốc mới :

XI-RÔ TIFOREX

(Chloramphénol và sinh-tố B + PP)

★ DÙNG LÂU KHÔNG HẠI

★ TRÁNH ĐƯỢC NHỮNG BIẾN CHỨNG CỦA TRỤ SINH

Chủ trị : — Sốt thương hàn — Nóng lạnh — Cúm
— Ho gà — Sưng phổi — Đau ruột v. v..

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON

TRUYỆN DÀI

VÕ HỒNG

GIÓ CUỐN

L.T.S. Bắt đầu từ kỳ này, ngoài truyện dài MÁ HỒNG của Đỗ-Tiến-Đức, Bách-Khoa đăng thêm một truyện dài mới nhất của nhà văn quen thuộc với bạn đọc: GIÓ CUỐN của Võ Hồng. Chương I của truyện dài này đã được cắt ra đăng trước, trong số 241 - 42 (15-1-67) như một truyện ngắn. Bởi vậy sau đây là chương 2 và các chương kế tiếp.

2 | TÔI đã phải xoay trở hết sức với số lương của Thuyền. Hàng tháng anh phải gửi về cho cha ba nghìn rưỡi. Tiền nhà một nghìn. Chúng tôi phải chọn một căn nhà khiêm tốn nằm lọt sâu trong một ngõ hẻm. Mùa nắng thì nóng kinh-khủng. Mặt trời ban-phát ánh nắng thừa thãi tràn trề; nắng từ trên mái nhà dội xuống, từ sân đất hắt lên, nắng bủa vây bốn bên, xương cốt con người như quắt teo, da thịt như khô cứng lại. Mùa mưa thì nước ngập đầy ngõ đầy sân rác nổi lều bều phải đi rón rén trên những hòn gạch chênh vênh. Mùa ụt phải vén quần lội đến đầu gối. Tha hồ cho những chiếc xe đạp đi phiêu-lưu qua những vũng nước. Đạp đạp rè rè bỗng nhiên ngật lút yên. Bỏ chân xuống chống có hồi không kịp, ngã lăn xuống nước. Lốp ngóp đứng dậy và thấy con người đời khác, vàng đục từ đầu đến chân và gầy nhom trong nháy mắt. Thỉnh thoảng được nghe tiếng chửi "Đù mẹ... Đường xá gì mà lạ vậy?" Chẳng biết lỗi ở ai, ai đáng phải nghe chửi. Nước ngập, kiến di-cư mang trứng chạy loạn cả bầy bò đen vách, Dấu trời tạnh mà vẫn phải choàng áo mưa đề phòng giữa ô-tô chạy vụt qua té nước và bùn lên áo quần. Một ông tài-xế xe nhà binh có người yêu thuê căn nhà ở đầu ngõ. Thế là cứ ngày ngày ông đưa chiếc xe mười bánh của ông tới tung nước lên người đi đường rồi đậu trùm cả lối đi. Xe đạp, xe gắn máy phải khép nép leo lên bờ lẽ cỏ. Tội nghiệp cho những chiếc xích-lô chở những bà ngồi lấp sau những giỏ rau, thúng rau đầy ụ. Những ông tài-xế GMC thật có nhiều nỗi bực mình vì chiếc quân-xa của họ. Muốn đi tới thăm « người em gái nhỏ », ké khác chỉ cần một chiếc xe đạp nhẹ nhàng quay qua trở lại dễ như xoay bàn tay, họ còn thì đi đậu là tiếng nổ ầm ỉ rung chuyển cả xóm. Tré con

giật mình khóc lên đòi mẹ, ông công chức mất ngủ lâu nhàu chửi thề. Xe đậu choán hết lối đi nên đứng hơi lâu với người yêu là bị cả xóm tò mò chỗ mắt nhìn vào, bực hặc phản đối. Thật là phiền phức, những chiếc xe quá lớn như vậy. Tôi tưởng tượng những trường hợp ông tài xế đi mua một cây kim may với con không-tượng đó của ông.

Tôi cố gắng bày biện cho căn nhà ở được. Những cái rèm cửa bằng lụa màu xanh màu hồng. Cái khăn trải bàn. Cái chao đèn vẽ hoa. Dây lọ con con trồng cây trường-sanh mọc ở mái hiên. Chủ nhà của tôi tên gọi bác Tư là một bác xích-lô. Bác cho chúng tôi thuê căn nhà trên tương-đối sạch sẽ và giữ căn nhà tôn ở sau đề ở. Bà vợ gầy gò xanh xao như người mắc chứng sắc-hậu. Hai đứa con : thằng Lâu 13 tuổi, con Cháu tám tuổi, không mấy khi mặc đủ quần áo. Thường thì đánh cái quần đùi và ở trần. Chẳng đứa nào đi học. Thằng Lâu có mang vở đi đến một ngôi trường tư ở giữa xóm học hành sao đó rồi sau vài ngày tà tà bỏ đi chơi. Chẳng mấy ngày nữa, cha nó chợt khám phá ra rằng nó không đi học liền rượt đánh một hồi. Nó chạy quơ quào đi kiếm cuốn vở nhưng cuốn vở xiêu lạc ở nơi nào không tìm ra. Mẹ nó trao vội vàng sáu đồng để nó đi mua một cuốn vở khác. Tôi hỏi nó học lớp mấy thì cả mẹ và cha đều ngơ ngẩn.

— Cũng chẳng biết học đến lớp mấy nữa. Sao cứ nghe học lớp Nhì hoài Năm nào cũng học lớp Nhì.

Sự học của thằng Lâu cứ xoay theo hình vòng tròn.

Bắt đầu bằng một trận đòn, một cuốn vở mới ôm đi đều đặn vài ngày rồi sau đó lơ đãn rồi tịt hẳn. Rồi lại bắt đầu bằng một trận đòn. v.v.

Láng giềng là một ông hạ-sĩ. Cứ vài tháng là cãi nhau về ranh rào ranh đất với bác Tư. Hễ đi làm về cởi bộ đồ ka-ki ra là cầm thước lò mò đo ở ranh rào. Thay tịt mới, chẳng thêm giấy thép gai. Và nói bằng quơ :

— Đất đo chi mà lựt thế này. Bề ngang mất hàng bốn, năm tấc.

Bác Tư ra miệng :

— Lô đất của anh cầm cọc trước lô đất của tôi. Vậy nếu có mất đất thì chính lô của tôi mới bị mất.

Cãi nhau Cả hai đều tranh nhau mà nói rằng thời thế bây giờ nay còn mai mất, năm tòa bảy sở rồi cuộc cũng chẳng giữ được chi, luống hồ một lô đất tạm chiếm. Rằng ăn ở phước đức là hơn, tham lam chi một vài tấc đất. Rằng ở nơi quê-hương mình có đất ruộng năm ba chục mẫu, thờ cư hàng lô hàng dây thế mà đành phải bỏ đi chỉ vì chiến-tranh tìm về tá-túc nơi cái xóm bần-hàn này, Có thèm thường chi vài rẻo đất cát khô khan đầy mồ đầy má ?

Hai nhà đạo đức cãi nhau. Người ngoại-cuộc không ai biết đâu là sự thực. Ông hạ-sĩ chuyên sang kể-lẽ những nỗi nhọc nhằn, những hy sinh của mình phải cầm trại hàng đêm, phải canh gác cơ quan trong khi ông xích-lô được ngủ yên giấc. Ông xích-lô bảo rằng đi canh thì được nhà nước trả lương, có phụ cấp gia-

đình, có lương vợ lương con... trong khi ông cong lưng đập giũa nắng mới có tiền mua gạo. Ngày nào bệnh thì vợ con đói, Nếu nhà nước bằng lòng tuyển ông vào làm hạ sĩ, trả lương đầy đủ thì ông bằng hái xin đi lính liền.

Láng giềng sau lưng là một nhà muối, mắm. Những kỳ muối lạt mắm trở mùa thì thật khổ cho cái mũi. Bị bốn phương phản đối mạnh quá, nhà sản-xuất thường đợi đến mười giờ đêm mới mở nắp lu cho xì bít hơi. Lạt dật mọi nhà đóng cửa sồ lại. Phải tập chịu đựng và ăn ở rộng lượng với nhau. Nhà muối mắm cũng là một nạn nhân của thời cuộc. Bỏ ruộng vườn ra tá-túc ngoài tỉnh, phải làm ba, bốn nghề phụ để sinh sống qua ngày. Tôi thấy gần gũi mến thương những người cùng túng trong cái xóm nhỏ này. Họ va chạm nhau ngày một. Lý do vì số chút ít quyền lợi còn sót lại đã bị va chạm. Không thể nhường bước được nữa vì người nào cũng đứng sát bờ lẽ rồi. Bờ lẽ của sự thiếu-thốn.

Một buổi chiều thứ Bảy, có một chiếc xe du-lịch bò chầm chậm vào ngõ của chúng tôi. Một người mở cửa xe bước ra, lò dò hỏi số nhà. 28, 26, 24, 22... Khi người đó vào căn nhà của chúng tôi thì tôi ngạc nhiên suýt kêu lên. Có thể là anh Trác đây không ? Người khách cũng nhìn tôi ngập ngừng. Cuối cùng người đó nói :

— Chị Nhân.

Tôi hỏi :

— Anh Trác ?

— Dạ. Tôi đây, Trác đây.

Tôi mời Trác vào nhà. Thuyền bắt tay và tôi lo đi lấy tách nước bình trà. Trác ngăn tôi lại :

— Chị đừng pha trà mất công. Để tôi lấy cái này uống được rồi.

Anh đi vụt ra xe và ôm vào một đồng lon. Có đủ bia, coca, nước cam, nước nho. Tôi soạn cốc và chúng tôi có trước mặt mỗi người một cốc nước sủi bọt.

Trác trước học cùng một lớp với tôi ở đệ Tứ. Giữa năm bị đuổi vì học dốt, hỗn với giáo-sư, hỗn với giám-thị. Vô lớp chậm, ít nhất là mười phút. Vở xếp làm đôi nhét ở túi quần sau. Tóc để lòa xòa trước trán và mọc phủ xuống tai xuống gáy. Ủa đánh nhau, lúc nào cũng có dao con chóc bỏ túi. Hễ có ai rủ là nhập bọn, đánh liền. Tế khốn phò nguy, thế thiên hành đạo, đó là châm ngôn của Trác nên muốn Trác ra tay thì cứ nói láo là mình bị hiếp đáp. Không cần hỏi han điều tra gì hết, Trác ra tay liền. Nhiều khi bị u đầu tét trán mới biết là mình bị lừa, đi giúp kẻ tà-đạo. Bị nhà trường đuổi, Trác bị cha mẹ từ luôn. Lời bố-cáo có đăng báo hẳn hoi. Trác đi lang thang sau đó.

Bây giờ tôi mới gặp lại. Hôm nay thì mặt mày không còn đen đui gầy gò như trước. Mập và trắng ra. Tóc chải rẽ, bôi bi ăng-tin bóng loáng. Sơ-mi ngắn tay ngoại-hóa bỏ ngoài quần. Giày bóng. Tôi hỏi :

— Anh đi vào tìm ai trong cái ngõ này mà thành ra gặp chúng tôi ?

— Tôi đi tìm nhà của một anh cai thợ nề. Hắn bảo ở ngõ này mà tôi tìm không ra. Có lẽ tìm lộn số cũng nên. Cái xóm này lộn xộn quá. Đang số 42, 40, 38 bỗng vọt lên 130, 132, 134... Đố ai còn hiểu được ý-nghĩa làm sao.

— Đây là khu d- cư. Cứ thay số nhà luôn. Mỗi lần thay số là mỗi lần thư-từ đi phiêu-lưu. Có nhiều hôm mình về nhà mở cửa bỗng nhiên thấy một đồng thư phóng vào kẹt cửa. Mở ra thì ôi thôi, đủ thứ tinh-tự. Coi lại thì thấy trên phong bì không phải tên mình. Phải lễ mễ mang xuống thùng thư Bưu-điện ném trả về cho khờ-chủ.

— Anh chị về đây được bao lâu ?

— Được sáu tháng nay. Bây giờ anh ở đâu ?

— Cũng ở gần đây. Ở góc đường Bạch-đăng — Trần-nguyên-Hãn.

— Cái nhà lâu to đấy hả ? Cái nhà lâu đẹp quá tôi cứ tưởng là của ông Tướng ông Tá nào.

Trác cười nhún nhặn. Tôi hơi u-mê một chút. Sự giàu có đã hiện trên nét mặt của anh, trên chiếc xe du-lịch bóng loáng. Tôi hỏi :

— Anh bây giờ giàu quá. Đã có vợ rồi chứ ?

— Chưa.

— À, nhà giàu khó cưới vợ lắm nghe. Chẳng biết người ta yêu mình thật hay là chỉ yêu tiền. Nhà nghèo cưới vợ dễ hơn.

Tôi đưa mắt nhìn sang Thuyên. Đôi chân mày của anh nhíu lại. Đó là dấu hiệu của sự bất-như-ý. Tôi đoán là Thuyên đã tự đem mình so sánh với Trác. « Nhà giàu khó cưới vợ lắm... », câu đó có thể làm tổn thương Thuyên. Anh hay nghĩ xa xôi và tôi thì có tính thật thà, bộc-trực. Đáng lẽ tôi đừng nói như vậy. Ít nhất tôi cũng nên khôn ngoan để đừng giảm giá tình yêu và cuộc hôn-nhân của chúng tôi. Trác nói chuyện tự nhiên nên không khí thân mật trở lại. Anh nói :

— Tôi là một thằng vất đi. Hư hỏng đủ mặt. Học dốt, du côn. Hút thuốc lá hồi 12 tuổi. Đi nuôi hồi học đệ tứ. Đánh bạc thua thì móc dao găm ra và lạng lẹ lượm lại bạc bỏ túi. Bị cha mẹ từ là phải. Tôi rất nhớ ơn ông cụ tôi.

Thuyên hỏi :

— Anh nói thật ?

— Vâng, thật. Vì nếu tôi không bị từ bỏ công khai thì tôi đã không bỏ xứ mà đi. Tôi lang thang ra Đà-nẵng sống lây lất, lẩn từ xóm bình-khang này sang ở nhện khác. Người anh hùng và gái mãi dâm đúng là tri-kỹ ngàn đời. Không biết hồi học ở lớp đệ . . . nào, có ông thầy đọc cho nghe truyện tương giặc Từ Hải mê cô Thúy Kiều. Tôi gặp những thằng Mỹ : hai gạch, ba gạch, si-quan, kỹ-sư, loạn xì. Kéo nó về cái ổ nhện. Ít nhất cũng trực tiếp làm phúc cho bốn người : thằng lính

Mỹ đang sả ly hương. Cô gái giang hồ đang cần tiền ăn, tiền gửi về nhà quê nuôi cha mẹ. Mẹ chủ chứa đang chạy tiền nhà. Và tôi. Thế là đều đều tôi giao giao du với những người Mỹ. Có đứa thực tốt, thích trâm trở những vết xam trên ngực tôi. Đủ thứ hình trong đó. Cái đầu lâu và hai xương đùi chéo. Một hình phụ-nữ ở trường.

Trác lùa ngón tay mở một hột nút áo. Tôi nhìn đúng vào hình phụ-nữ ở trường. Bên cạnh có hình một trái tim bị mũi tên xuyên qua nhỏ máu và hàng chữ: « Yêu N suốt đời ».

— N là ai vậy, — tôi hỏi.

Trác lắc đầu lúng túng không trả lời. Mãi một lát anh mới mỉm cười :

— N là Nam, là Ninh, là Nương. .. nhiều lắm. Tôi yêu lung tung mà. Nhưng mà thôi. Trở về với chuyện thằng Mỹ. (Trác lò mò gài lại khuy áo) À, tôi chưa kịp nói về nó. Nó tên là Blummertritt. Tên ghi ở trên túi áo nó. Tôi gọi tắt là thằng Trật. Trật quen tôi đã lâu, nó mến và nể tôi. Nguyên do vì tôi không bao giờ thềm lợi dụng nó. Không hề xin xỏ và ăn gian như hầu hết người Việt Nam khôn ngoan và trường hợp tôi. Có tiền tôi mời nó ăn. Qua hôm sau, nó thấy tôi gặm bánh mì khô. Nó hỏi tôi :

— Mà mày là nghệ sĩ phải không ?

Tôi lắc đầu trả lời rằng :

— Tôi không biết đàn.

Nó hỏi tôi :

— Mày chuẩn bị làm chí sĩ phải không ?

Tôi lắc đầu trả lời rằng tôi thỉnh thoảng dắt gái cho Mỹ. Và một hôm Trật bảo tôi :

— Tao cần năm ngàn kilô sơn. Hạng thường. Sơn gỗ. Màu đây (Nó đưa mẫu màu). Thời gian cung cấp : 10 ngày. Mày mua dùm cho tao. Giá tiền mày thấp hơn tao. Tao tin mày. Địa chỉ gửi hàng tới (nó móc túi đưa tờ danh-thiếp). Tôi ra tiệm quen đặt món hàng đó dùm cho nó và sau đó không biết mấy ngày bỗng một tối Trật đến tìm tôi :

— Tao đã nhận đủ hàng chiều hôm nay. Bây giờ tao đến tính tiền.

— Đợi mình mặc áo một chút rồi mình đi với.

— Đi đâu? Để tao tính tiền đã.

— Đi ra hiệu sơn.

— Hiệu sơn là mày.

Trật giơ ngón tay trỏ chỉ chỉ vào tôi và óc tôi chợt loé ra ánh sáng. Thì ra tôi chỉ lưu manh trong chuyện đấm đá chứ về mưu mẹo làm tiền thì không bằng cái móng tay út của các nhà kinh doanh mặt mũi phúc hậu. Thằng Trật nó tạo cơ hội cho tôi thành một nhà kinh doanh chân chính, cũng phúc hậu như mọi nhà

kinh doanh khác. Tôi biến thành một Contractor general. Tôi lãnh com-măng của nó, đặt lại cho các hiệu buôn. Tôi ăn tiền phía nó, ăn tiền phía các hiệu buôn. Tôi làm giàu vùn vụt. Tôi gửi tiền ngân hàng : một triệu — hai triệu — năm triệu... Tôi mua nhà mua ô-tô. Tôi xoa mà-chuợc với kỹ-sư và trạng-sư. Tôi nhảy với trung-tá và bác-si.

Thuyên theo dõi câu chuyện của Trác say mê như trẻ con nghe chuyện cổ tích. Trác mời chúng tôi đến thăm biệt-thự của anh. Thuyên nhận lời liền và lật đật đi thay áo. Tôi chiều Thuyên nên cùng đi với anh. Chúng tôi lên ô-tô của Trác. Xe nổ máy nhẹ nhàng. Trác bẻ tay lái thoăn thoắt và chiếc xe nhún mình êm đềm qua những lỗ hổng, những mô đá cao. Ô tô lướt trên những con đường đông người và tự nhiên tôi thấy thương hại cho những người đi xe đạp, những người đi xe gắn máy. Xe đậu trước một cái cổng lớn. Lối đi rải cuội sào sạo dưới chân chúng tôi. Những bụi hồng chạy dài theo lối đi. Bực cấp bằng đá rửa màu ngọc thạch. Hiên rộng. Xa-lông rộng. Những chiếc ghế bành to. Những bức tranh lập-thể trên tường. Bàn ăn mặt formica. Tủ buffet dài. Lọ hoa. Những chiếc ghế bọc nệm êm. Phòng tắm sáng choang. Trác mời chúng tôi lên lầu. Cầu thang uốn vòng. Phòng ngủ. Màu của giường, bàn, tủ, rèm cửa, hợp với màu tường Lại phòng ngủ. Phòng ngủ. Thuyên nói:

— Anh ở một mình mà nhà rộng quá.

— Biết làm sao ? Đó là chưa kể nhiều tháng tôi bận ở Đalat hay Sài Gòn nhà bỏ trống.

Chúng tôi đi ra ban-công. Gió mát phảng phất hương thơm. Mỗi một thanh sắt cũng đều được nghiên cứu tỉ mỉ hình dáng. Mỗi một viên gạch lát cũng đã được xếp đặt theo mô hình và màu sắc. Bao nhiêu sự chăm chút tỉ mỉ, bao nhiêu sáng kiến, bao nhiêu bàn tay khéo léo cần cù. Trác không có vẻ xứng đáng với bao nhiêu nghệ-thuật và tiện nghi dành cho anh. Khối óc đó có liên lạc gì với những bức tranh ầu chứa nhiều suy tư treo trên tường kia ? Với bộ radio — pick-up Hifi đồ sộ đó ? Với những kiểu giường kiểu bàn, với những kiểu chấn song, màu tường màu cửa ? Trác thấp xa so với những vật dụng cung phụng anh. Hai ngón tay xoay nhẹ và chiếc quạt trần cánh trắng lặng lẽ xoay tít trên đầu. Một ngón tay bấm xuống và âm nhạc rơi thánh thót vang nhẹ trong phòng, ngập ngừng như không dám kinh động người ngồi nói chuyện. Mới ngày nào bị dọa đưa đi Nông sơn. Mới ngày nào hội đồng giáo sư nghiêm nghị tuyên án. Chắc những ông giáo cảm thấy mình no đầy đầy uy quyền vào đạo hạnh. Không thể để một hiện tượng như vậy trong trường ta ! Một cái gương xấu ! Cái ung nhọt nguy hiểm cho xã hội, cho Tổ quốc. Phải đuổi ! Biều quyết. Đọc lại biên bản. Ký. Những chữ ký có đường gạch cả quyết ở dưới. Những chữ ký có đường vút lên trời. Những chữ ký có đầy đủ dấu i dấu ô, dấu huyền dấu ngã. Những ông thầy đó đang loay hoay chạy cho thoát quân-dịch, đang lúng túng với đồng lương cơm của họ, đang toát mồ hôi trong căn nhà thuê một ngàn rưỡi đồng một tháng của họ. Đang ạch ngồi trên chiếc xe gắn máy phun khói của họ. Trác mời chúng tôi

zuồng xa-lông. Anh mở tủ lạnh mời Thuyên uống Whisky với anh nhưng Thuyên từ chối. Thuyên chỉ uống được nhiều nhất là la-ve nhưng anh xin uống bireley với tôi. Tôi hỏi Trác :

— Anh còn thù mấy ông giáo sư của anh không ?

Trác cười :

— Lâu rồi, quên hết. Vả lại cũng là lỗi của mình. Giá mình làm thầy giáo thì mình cũng phải la như mấy ảnh.

À, tháng trước tôi đi Phan-thiết gặp con Cúc. Con Cúc chị nhớ không ? Con Cúc tê-thấp đó. Con Cúc không bao giờ thuộc bài đó và mỗi lần thầy giáo kêu hỏi bài là mồ hôi rịn có hột ở mũi, ở môi, chảy đầy tay đó.

Tôi trả lời là có nhớ.

— Bây giờ nó làm cô giáo. Có hách không ? Tôi hỏi nó : Mà làm cô giáo có hay là học trò không ? Mà có nói : Sao các em học lười thế ? Các em phải cố gắng lên chứ. Hồi cô đi học chả có một bài nào cô không thuộc. Chả có bài toán nào cô không làm. Tháng nào cô cũng lãnh bằng danh dự, cuối năm cô lãnh phần thưởng. Mà có nói vậy không ? Nó cười và tiện tay nó phát mạnh một cái vào lưng tôi.

— Trông bộ nó làm ăn khá không, — Tôi hỏi.

— Cũng chả ra sao. Chồng nó làm ở Ty cảnh sát. Tôi sẵn xe đưa nó về nhà cho biết nhà. Tôi mời nó và chồng nó đi ăn. Nó có hai đứa con rồi. Lúc từ già tôi lên cho nó năm nghìn. Nó không nhận. Tôi phải nói : Tao coi mày như em. Tao bây giờ nhờ trời làm có tiền. Cầm tiêu bậy bạ chơi. Tháng sau tao có dịp đi Phan-thiết nữa, tao sẽ đem cho mày một cái quạt máy hiệu Mitsubishi để mày ngồi chấm bài cho mát. Mày không nhận thì tao không thèm ghé nữa. Tao coi mày như em tao. Nó lưỡng-lự và tôi giựt cái xác của nó bỏ gọn tiền vào đó. Nó cũng vẫn dễ thương như hồi xưa.

Trác có một điệu nói thành thực tự nhiên. Thuyên hỏi :

— Bây giờ anh vẫn còn làm contractor cho Mỹ ?

— Vẫn đều đều. Đại gì ngồi không có lợi mà không làm. Ngoài ra, ai quen rủ hùn làm gì tôi cũng bỏ vốn hùn, Thời bây giờ làm cái gì cũng có lợi. Cứ có tiền bạ cái gì cũng mua. Mua ném bỏ đó trong hai ba tháng là có lợi rồi.

Tối hôm đó Thuyên im lặng ngồi ăn không nói chuyện. Tôi vặn nút ra-đi-ô để nghe tin tức thì anh ngừng lại yêu cầu để anh yên tĩnh. Những cộng rau hơi già anh lựa ra bỏ ở mép bàn. Anh làm rơi đĩa và đẩy mạnh ghế để cuối xuồng nhật. Tôi biết là anh đang bực tức ngấm ngấm. Lúc này trên đường về, mặc dù Trác cười nói vui vẻ, anh chỉ trả lời rất ít. Anh bắt tay lạnh nhạt và quên không mời Trác thỉnh thoảng ghé lại chơi.

Tôi lo lắng vẫn sợ rằng những đám mây mù đã bắt đầu hiện đến trên nền trời trong sáng của chúng tôi.

(Còn tiếp)

VÕ-HỒNG

NHỮNG GIỌT NƯỚC MẮT CỦA BÉ DANH

Cám ơn Ma Soeur đã cho con được nhìn Bé Danh
Cám ơn Soeur đã cho con thấy những giọt nước mắt
long lanh từ chốn vô cùng, vô cùng sâu thẳm
Đôi mắt Bé Ói như đôi mắt chim non, ngủ trên cành cây,
buổi sáng không nhìn ra mẹ.
Đôi mắt khép lại cùng mặt trời. Đôi môi thì nở một
đêm mơ bà tiên vỗ về.
Cám ơn Ma Soeur đã cho con nắm bàn tay Bé
Có gì cho Bé xiết chặt thân con, vùi vĩnh một bà tiên
kể chuyện
Có gì ở bàn tay xinh xinh, tìm chiếc mũi, chiếc miệng, đôi
môi của con, thăm thì : Chú ơi đừng xa Bé
Con xin Ma Soeur kể bên tai Bé khi con ra đi
Chú lính mặc áo vàng, con tim màu vàng
Ma Soeur kể con đường con đi, đầy hoa đầy bướm
Rừng núi có bầy tiên, đạn nỏ là pháo dập diu chào bé
Cám ơn Ma Soeur cho con nhìn giòng lệ của chính lòng con.

TRẦN-HOÀI-THU

(Mưa nắng quân trường)

HÌNH ẢNH HÔM NAY

Thơ HỮU PHƯƠNG

Hồn biển lặng sau những ngày gió lộng
Thuyền đại khờ và bến ngõ ngang sao
Xanh chưa biếc bởi mây còn ứ đọng
Trời cao dần và lòng thấy nôn nao

Như đón nhận một món quà rất hậu
Chợt tỉnh phong ba hải đảo ngậm ngùi
Xa xa đó dậm ba buồm tiến lại
Nhóm trong lòng thiên hạ chút niềm vui

Tôi : chứng nhân một buổi đời thua thiệt
Lốc qua đi hàng lớp cỏ rợp đầu
Sức mạnh bao giờ vẫn là oai liệt
Chiến tranh còn n găm thét đến bao lâu ?

Nghìn ra đi có mấy người trở lại
Xác vùi chôn như lá đồ chân rừng
Đau chiến cuộc cho lòng thêm tê dại
Tận khơi này hồn đảo cũng rưng rưng

Xin thế gian một lần ngưng sôi động
Cho nhân gian một lúc hưởng thái hòa
Thong dong mẹ hiền mang con trong bụng
Khi lâm bồn không xót tiếng oa oa

Xin họa nước không héo mồm từ trứng
Cho tuổi xanh không sớm nếm buồn đau
Tôi như kẻ lạc xa ngoài biển động
Gởi thương theo từng con sóng bạc đầu

Thế giới, trong những tuần qua

● TỪ TRÌ

Sau 5 ngày, chiến tranh Trung Đông đã tạm ngưng; Súng đã im tiếng để nhường lời cho các nhà ngoại-giao. Nay màn hai của tấm bi kịch lại cũng đã chấm dứt mà ta vẫn chưa biết nó sẽ kết thúc ra sao. Các cường-quốc Nga Mỹ chưa tìm ra cách hòa-giải hai phe Ả-Rập và Do-Thái. Trong khi đó, tại Âu-châu, tướng De Gaulle thất vọng vì Nga và Mỹ không chịu dành cho Pháp vai trò lãnh-đạo thế-giới và tại Phi-châu những lúng cùn nội bộ vẫn tiếp diễn.

Trung-Đông : Ả-Rập thất-bại ngoại-giao.

Sau ba tuần lên án lẫn nhau, các quốc gia hội-viên Liên-Hiệp-Quốc vẫn không tìm được giải-pháp ôn-thỏa để giải-quyết vấn-đề Trung-Đông. Khi sang Nừu Ước, Thủ-tướng Nga Kossyguine hy vọng đem cho Ả-Rập một thắng lợi ngoại-giao để đền bù lại sự bại trận. Nga đề-nghị Đại-Hội-Đồng Liên-Hiệp-Quốc yêu cầu Do-Thái rút ngay quân về vị-trí cũ. Nhưng khi biểu-quyết, quyết-định của Nga không được đa-số, 2/3 hội-viên, chấp thuận nên bị bác. Như vậy là sau khi thất bại về mặt quân-sự, khối Ả-Rập lại thất bại luôn về cả mặt ngoại-giao nữa.

Được Mỹ ủng-hộ, khối Nam-Mỹ đưa ra đề-nghị yêu cầu Do-thái rút quân và hai bên chấm dứt tình-trạng chiến-tranh ở Trung-Đông. Đề-nghị này cũng chịu chung một số phận với đề-nghị của Nga. Bất lực, Đại-Hội-Đồng Liên-hiệp-Quốc hoãn họp một tuần và

có lẽ sẽ giao vấn-đề Trung Đông cho Hội-đồng Bảo-an quyết-định.

Trước thất bại ngoại giao, Nga cố gắng vá vấu lại chính-sách Trung Đông của mình. Ông Podgorny, Chủ tịch Nga xô sang Trung-Đông, ông Kossyguine và ông Brejnev lãnh-tụ đảng Cộng-sản Nga sang Budapes hội đàm với các quốc-gia cộng-sản Đông-Âu về vấn-đề Trung-Đông. Nhưng không một lúc nào người ta thấy các lãnh-tụ Cộng Sản tỏ vẻ cứng rắn. Trái lại họ còn tỏ ra lúng túng không biết làm sao để cứu vãn tình-thế. Không muốn mất lòng Ả-Rập, nhưng cũng không muốn công khai đương đầu với Mỹ, các lãnh-tụ Nga-sô hiện giờ đang ở trong ngõ cụt.

Biết rằng Nga chỉ bảo vệ Ả-Rập bằng lời nói, Do-Thái tỏ ra cương quyết, không chịu nhượng bộ. Do-Thái bác bỏ quyết-nghị của Liên-hiệp-Quốc, đòi trả lại Cồ thành Jérusalem cho Jordanie. Chính-phủ Do-Thái muốn giữ các đất đai mới chiếm được để làm áp-lực bắt Ả-Rập phải nhượng-bộ. Hiện nay Do-Thái còn giữ giải đất Gaza và sa-mạc Sinai của Ai - Cập, vùng núi trên đồng bằng Galilée của Syrie, tả ngạn sông Jourdain của Jordanie và Cồ-thành Jérusalem. Cồ-thành Jérusalem có một giá-trị lịch sử nên dân Do-Thái đều đồng lòng muốn giữ. Còn các lãnh thổ khác, chính-phủ Do-Thái sẽ dùng để mặc cả khi thương-thuyết với Ả-Rập. Những phần-tử chủ chiến như tướng Dayan, bà Golda Meir, cựu Tổng-trưởng

Ngoại-giao, còn muốn giữ luôn các lãnh-thò đó nữa. Thủ-Tướng Do-Thái Eshkol, trước áp lực của phe chủ chiến, khó lòng dám nhượng-bộ trong tương-lai. Do đó ông đang tính loại tướng Moshé Dayan ra khỏi chính-phủ để có một chính-sách hòa-hoãn hơn.

Tại các quốc-gia Ả-Rập, các nhà lãnh tụ cũng hết sức bối rối: thất bại quân sự, thất bại ngoại giao, họ không còn ưu-thế để chiếm lại những lãnh-thò bị mất. Các Quốc-Trưởng Ả-Rập đã họp tại Le Caire để tìm một đường lối chung ngõ hầu đối phó với Do-Thái. Sau gần một tuần thảo luận, các vị Nguyên-thủ Ả-Rập vẫn không thỏa-hiệp với nhau được vì mỗi người đều có một nỗi ưu-tư riêng. Tổng-Thống Nasser thì thấy chính-sách đối-ngoại của mình bị sụp đổ sau 10 năm xây-dựng. Quân-đội Ai-Cập đang bị quân đội bắc-hoàng ở Yémen đẩy lui. Quốc-vương Hussein xứ Jordanie thì hy vọng hội-ngị thượng-đỉnh Le Caire sẽ giúp ông lấy lại được lãnh-thò ở tả ngạn sông Jourdain là cả nguồn sống của Jordanie vì lãnh thò này sản xuất tới 80./' olive, 65./' rau, và 60./' hoa quả trong nước. Ngoài ra mất Jérusalem, Joudanie mất 34 triệu Mỹ kim một năm do du khách mang tới. Jordanie không thể lấy lại lãnh thò này bằng võ lực. Nhưng quốc vương Hussein cũng không thể thương thuyết với Do-Thái vì làm như vậy những người Palestine tỵ-nạn sẽ sát hại ông như ông nội của Hussein đã bị sát hại khi xưa. Với những khó khăn kinh-tế và chính trị hiện thời, Hussein lo sợ dân chúng sẽ nổi lên lật đổ ngài vàng của ông.

Âu-Châu: cả Đức lẫn Pháp đều muốn tỏ ra độc-lập.

Tại Âu châu từ vài tháng nay người ta chăm chú theo dõi hành động của

Thủ Tướng Đức Kiesinger. Từ khi lên cầm quyền ông đã tỏ ra hết sức khôn khéo, và đã lượm được nhiều thành quả. Ông có một chính sách đối ngoại hoạt động và đã gây được tình thân-hữu với các nước láng giềng kể cả nước cộng sản.

Hoa-kỳ lo ngại quan sát hành động của ông Kiesinger vì ông đã gây nhiều khó khăn cho chính phủ Washington. Vừa rồi ông Kiesinger lại làm cho Hoa-Kỳ tức giận. Để tái lập quân bình ngân-sách ông đã quyết định giảm bớt quân phí. Như vậy quân số Tây Đức sẽ bị giảm từ 461 ngàn người xuống 400.000. Trong khi đó Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương định rằng năm 1968 Tây Đức phải có 508.000 quân. Hoa kỳ tỏ vẻ bất bình vì Tây-Đức đã quyết-định ngược lại với Hiệp - ước. Hơn nữa ông Kiesinger không hề tham-khảo ý-kiến của Mỹ khi có quyết-định trên đây.

Đối với Pháp, Thủ-tướng Kiesinger cũng không kém cứng rắn. Từ khi lên cầm quyền, ông Kiesinger luôn luôn o bế De Gaulle để tỏ ra mình không lệ-thuộc Hoa-kỳ. Nhưng nay Hoa-kỳ đã nhượng bộ Tây-Đức nhiều, ông Kiesinger đã không ngần ngại ra mặt chống đối De-Gaulle. Trong dịp viếng Tây-Đức vừa qua, Tổng-thống De Gaulle đã lớn tiếng chỉ trích Mỹ can-thiệp ở Việt-Nam và lo ngại rằng Mỹ, với những phương-tiện vi-đại, sẽ thống-trị thế-giới. Nhưng ông Kiesinger lại cho rằng lực-lượng hùng-hậu ở Hoa-Kỳ cho phép nước này đóng vai trò lãnh-đạo liên-minh Bắc Đại-Tây-Dương.

Sở dĩ ông Kiesinger có thái-độ chống De Gaulle như vậy vì ông rất bất-bình trước thái-độ của De Gaulle. De Gaulle không cho Anh gia-nhập Thị-trường

chung, trong khi đối với ông Kiesinger, sự hiện-diện của Anh trong Thị-trường-chung sẽ giúp cho Tây-Đức bán thêm sản-phẩm kỹ-nghệ, và sẽ giới-hạn ảnh hưởng quá lớn của Pháp.

Sau cuộc viếng thăm Tây-Đức, De Gaulle rất thất vọng vì hoài-bảo lãnh-đạo thế-giới của ông sẽ không thể thực-hiện nổi. Ông còn thất vọng hơn nữa khi chính-sách Trung-Đông của ông không đưa lại kết quả mong muốn. Trước khi chiến tranh bùng nổ ở Trung-Đông, De Gaulle đề nghị 4 quốc-gia Pháp, Anh, Nga, Mỹ tham-khảo ý-kiến nhau để tìm cách giải-quyết. Như vậy De Gaulle hy vọng rằng ông có một vai trò trên trường quốc-tế. Nhưng Nga không chấp-nhận đề-nghị của De Gaulle mà chỉ muốn hỏi ý-kiến riêng Mỹ mà thôi. Khi chiến-tranh bùng nổ, De Gaulle hy sinh tình thân-hữu bao năm với Do-Thái, lên tiếng bênh vực Ả-Rập. Tuy dân chúng Pháp rầm rộ biểu tình ủng hộ Do-Thái tuy Tổng-trưởng Quốc-phòng Pháp Pierre Messmer từ chức đề phản đối chính-sách thân Ả-Rập của De Gaulle, De Gaulle vẫn làm ngơ và tiếp tục lên án Do-Thái gây hấn. Làm như vậy, De Gaulle hy vọng được lòng Nga và Nga sẽ cho ông dự vào công-cuộc tái-lập hòa-bình ở Trung-Đông. Tuy Thủ-tướng Nga, khi sang Nữu-Uớc và khi trở về, có đến gặp De Gaulle, nhưng Nga vẫn chỉ muốn riêng cùng với Mỹ dàn xếp vụ Trung-Đông. Ngoài những danh từ đẹp đẽ dành cho De Gaulle, Nga vẫn gạt ông ra khỏi vai trò lãnh đạo thế-giới.

Phi Châu : Nội chiến vẫn tiếp diễn.

Như đã nhiều lần trình bày trên mục này, các quốc-gia Phi-Châu thiếu

tinh-thần thống-nhất quốc-gia, vì trong một nước, dân thuộc nhiều sắc tộc, bộ-lạc khác nhau. Khi còn bị người Âu-châu đô-hộ, các nhà cách-mạng tạm quên những dị-biệt mà chỉ chú trọng tới đấu tranh dành độc-lập. Nhưng khi độc lập được phục-hồi, trong khuôn khổ mỗi quốc - gia, các sắc dân, bộ lạc nổi lên đòi tự trị, đòi giữ cá-tính của mình trong hệ-thống chính trị mới. Vì vậy ta thấy các quốc gia Phi Châu mới độc lập đã bị đe dọa tan rã. Phi Châu đang ở trong tình trạng chính trị bất ổn định. Các cuộc đảo chính luôn luôn diễn ra từ ba năm nay. Từ đầu năm ta thấy liên tiếp đảo chính tại Togo, đảo chính hụt tại Ghana. Ngày 30 tháng 5 vừa qua, miền Đông Nigéria chính thức ly khai và tuyên bố lập một quốc gia mới lấy tên là Biafra. Từ cuối năm ngoái miền này dưới quyền chỉ huy của trung tá Ojukwu đòi tự trị và gửi tối hậu thư cho chính phủ trung ương ở Lagos cho biết đầu năm 1967 nếu nguyện vọng của miền Đông không được thỏa mãn, miền này sẽ tách khỏi Nigéria. Sau nhiều tháng thương thuyết, sắc dân Ibo miền Đông không muốn bị dân miền Bắc thống-trị. Sự tranh chấp này chỉ là sự tranh-chấp của hai bộ-lạc. Tháng 10 năm ngoái dân Hausa và Tiv miền Bắc đã sát hại tới 20.000 dân Ibo miền Đông. Và ngược lại tháng 1 năm ngoái các sĩ quan Ibo đã giết Thủ tướng Abubakar Tafawa Balewa người Bắc. Nhưng miền Đông lại là một vùng kinh tế trù phú với mỏ dầu hỏa nên chính quyền trung-ương không muốn mất những tài nguyên này. Vì vậy tướng Gowon, Thủ tướng chính-phủ trung-ương ra lệnh đem quân tấn công Biafra. Trước khi Công-ty Shell-B.P. bị đe dọa quốc-hữu-hóa nộp 700.000

mỹ kim niên phú cho Ojukwu. Hiện thời nội chiến đang tiếp diễn tại Nigéria, Người ta chưa biết bên nào sẽ thắng. Theo thông cáo của chính phủ trung ương thì chính quân đội Biafra đang bị thua lớn và đã mất 1000 người. Theo thông cáo của Biafra thì « không lực » của nước này gồm có một chiếc oanh tạc cơ B26 duy nhất đã làm tan rã hàng ngũ đối phương.

Cũng tại Châu Phi, Congo cựu thuộc địa Bỉ, cũng đang bị nội chiến đe dọa. Năm 1950 khi Bỉ rút lui trả lại độc lập cho Congo, lập tức các bộ lạc nổi loạn giết hại lẫn nhau. Các tỉnh đua nhau đòi ly khai. Trong các lãnh tụ địa-phương có Tchombé, chủ tịch tỉnh Katanga là nguy hiểm nhất. Được những

thực dân Bỉ chủ mỏ ở Katanga ủng hộ, Tchombé chống lại chính phủ trung ương ở Léopoldville (nay gọi là Kinshasa). Tchombé đã cho hạ sát Thủ-tướng Lumumba, người giải phóng Congo. Quân đội Liên-Hiệp-Quốc đã phải can thiệp và đã chấm dứt được nội chiến ở Congo. Nhưng vừa rồi Tchombé lưu vong ở ngoại-quốc lại gửi quân đến Stanleyville để tấn công Congo. Quân chính phủ đã đẩy lui bọn phiến loạn và Tchombé bị chính phủ Algérie bắt giam. Giờ đây chính phủ Trung-Ương đã hoàn toàn thắng trận, nhưng đồng thời lính của chính phủ cũng đã tàn sát nhiều dân da trắng ở Congo. Nhiều phụ nữ bị hiếp và nhiều thanh niên đã bị ăn thịt trong các cuộc hành quân.

TỪ TRÌ

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

TRẦN - THIÊN

Hỏi Romain Gary

Tạp chí VĂN, vừa rồi có ra một số số đặc biệt về Marcel Proust, nhân đó chúng ta nhớ đến những câu trắc nghiệm danh tiếng thường được gọi là « questionnaire Marcel Proust ».

Tùy theo cách mỗi người giải đáp các câu hỏi đó, chúng ta tha hồ xét đoán về cá tính của đương sự. Đây là một ít ý kiến của Romain Gary.

— Ông thích các nhân-vật tiểu thuyết nào nhất ?

— *Fabrice del Dongo, Huckleberry Finn, Anna Karénine nếu nàng giống Garbo và vợ tôi.*

— Ngoài đời, ông thích những nhân vật nào ?

— *Tất cả đàn bà.*

— Đức tính nào của người đàn ông đáng quý nhất ?

— *Bất tử.*

— Đức tính quý nhất của đàn bà ?

— *Tình dục.*

— Ông thích làm việc gì nhất ?

— *Tôi không tiện nói ra.*

— Ông thích hoa gì nhất ?

— *Đàn bà.*

— Ông thích giống chim gì nhất ?

— *Đàn bà.*

— Ông cho tai họa gì lớn lao nhất ?

— *Mất bản thảo cuốn tiểu-thuyết mới viết xong.*

— Ông thán phục hành vi quân sự nào nhất ?

— *Chém vè.*

Văn-chương và thời-trang

Truyện bằng tranh vẽ là một thành công lớn của văn nghệ hôm nay, thứ văn nghệ của quảng đại quần chúng. Hình thức văn nghệ ấy đang thành một phong trào.

Có vài người thợ may thợ dệt thông minh — tên là Pierre d'Alby và Ginou Comité — nghĩ rằng truyện bằng tranh đọc thú thì mặc vào người ắt cũng thú. Nghĩ ngông nghênh vậy mà họ thành công. Con gái bên Âu châu trông thấy thứ vải có in truyện bằng tranh ấy ham quá cỡ. Có những cô ăn mặc thế nào mà từ vai đến gót chân, cả quần cả áo, cả xác tay, thắt lưng v.v., là cả một truyện có hình có lời chú thích cẩn thận lằng nhằng liệt nhít. Những cô gái như thế lại có thể nằm vật xuống một cái giường mà tấm drap cũng lại là truyện bằng tranh.

Năm trước, có phong trào mặc đồ kiểu James Bond 007. năm nay mặc sự tích Guy l'Éclair. Ở Đông Nam Á, giá có ai nghĩ ra kiểu y-phục Chu Chi-Nhược cho con gái, y phục rương Vô Y cho con trai, chắc không đến nỗi thất bại.

Truyện

Claude Simon, sau 5 năm im lặng, lại cho ra một cuốn tiểu thuyết có cái tên lạ đời *Histoire*,

Histoire là thứ truyện không có truyện, mà chỉ có ngôn ngữ xếp đặt heo cách nào đó đề nói lên một số cảm giác mơ hồ (J'essaie de trouver des équivalents verbaux à de vagues sensations). Chỉ có thế thôi.

Còn cái lối kể truyện như tiểu thuyết xưa nay, Claude Simon phản đối, cho là nhảm. Ông lập luận: Tiểu thuyết cũ tự xưng là « tiểu thuyết tâm lý » « tiểu-thuyết xã hội » « tiểu thuyết lịch sử » (roman psychologique, sociologique, historique) v.v... Fây lật ngược danh-từ lại một chút xem thử: « tâm-lý tiểu-thuyết-hóa », « xã-hội-học tiểu-thuyết-hóa », « lịch-sử tiểu-thuyết hóa » (psychologie romancée, sociologie romancée, Histoire romancée) v.v..., Thế thì tội gì mà đọc những món đó? Chứ không tìm sách tâm-lý-học, xã-hội học chính cống mà xem lại không hơn xem thử đã « tiểu thuyết báo » sao?

Vậy chỉ có thứ tiểu thuyết viết không chấm câu của Clau de Simon là đáng tồn tại trong loại tiểu thuyết.

Người Âu tên Á

Có một nữ sĩ vừa mới xuất hiện, nhưng đã 57 tuổi đó là một mầm non đã già khá xuất sắc do Simone de Beauvoir phát giác và dìu dắt. Trong vòng nửa năm nữ sĩ này phóng luôn (ra hai tác phẩm: *Fascination* và *Griserie* Cuốn *Fascination* suýt được chọn thưởng giải Médicis năm rồi).

Người nữ sĩ này tên là Florence Asie. Florence là một thành phố, Asie là một lục địa. Thế chưa đủ ly kỳ, chồng bà tên là Napoléon ! (Serge, Napoléon)

Cuộc cách mạng thứ ba

Nhà xuất bản La table ronde cho dịch và in cuốn *Bach Thur* dày 334

trang về vụ án Siniavski-Daniel ở Nga, tạp trí *Esprit* lại ra một số đặc biệt về vụ ấy. Giới trí thức ở Pháp coi bộ bận tâm rất nhiều tới số phận hai nhà văn Nga.

Viết mấy lời mở đầu trên tạp chí *Esprit*, Claude Frioux cho rằng « vụ án Siniavski xác nhận ý kiến mà Malakovski và các bạn hữu của người đã phát biểu từ khi cách mạng mới mở màn, ý kiến cho rằng sau hai cuộc cách mạng dân chủ tư sản và cách mạng vô sản, nhất thiết phải có một cuộc cách mạng thứ ba mới hoàn tất: đó là cách mạng tinh thần (de l'esprit) nghĩa là cách-mạng về mỹ-quan và lẽ lối tin tưởng »

Malakovski nói thế, nhưng nhà nước Sô-viết lại nghĩ: hai cuộc cách mạng đủ rồi, quá đủ.

V.

Cách đây chừng năm năm, một tác giả hăm lăm tuổi ở Hoa Kỳ cho in một cuốn truyện dày độ năm trăm trang. Tập truyện ấy bán đã hơn một triệu cuốn. Nhan đề của nó là V. Tác giả nó là Thomas Pynchon. Tên ấy nghe còn lạ? Có lẽ, nhưng trong dịp V được dịch sang tiếng Pháp, phê bình gia Matthieu Galey đề nghị rằng Pynchon nên được đặt ngang hàng với Salinger, Updike Bellow...

V là gì? Đọc xong cuốn truyện vẫn chưa biết nổi. Mà chính các nhân vật trong truyện (có ngót trăm mạng) cũng không ai biết nó là gì.

V là một con người chăng? là Véra là Victoria, là Véronique chăng? Những nhân vật nó đều có mặt trong truyện, nhưng không chắc là V, Anh chàng Herbert Stencil cũng ngờ rằng V là người, lại là người đàn bà, người đàn bà

đó còn có thể là mẹ anh ta. Bởi vậy, anh ta bỏ công tìm hiểu, nhưng rồi cũng vô ích. (Thế thì chúng ta còn hy vọng gì kia chứ).

Nhưng V lại có người nghi rằng chẳng phải là người nào cả. Đây có thể là Vertu, hoặc là Victoire, hoặc là Vice v.v...

Xung quanh cái bí ẩn về chữ V là cả một xã hội phức tạp, mệnh mông, nhận nhip của xứ Hoa-kỳ giữa thế kỷ XX, trình bày bằng một bút pháp mạnh mẽ lạ thường.

Bài hài

Xin thưa ngay đó chính cái thứ thơ hai-kai nổi tiếng xưa nay của Nhật, mà chúng ta hầu hết đều có nghe qua nhưng có lẽ ít ai biết tường tận.

Bài hài cũng gọi là sự bài cú (*hai-ku*), nguyên nó là một loại thơ hài hước, trào phúng. Xuất hiện từ thế kỷ thứ VIII, nó vẫn còn nôm na, thô sơ cho đến thế-kỷ thứ XV, chưa chịu khếp vào quy luật nhất định.

Sau đó, nó dần dần biến thành một thể thơ cô đọng, tinh vi lạ lùng, trong văn-học thế giới khó tìm ra một thể thơ có thể so sánh.

Thứ bài hài đúng qui luật thì chỉ có 3 câu, bao giờ cũng viết luôn một giọng theo lối trình bày của Nhật. Câu thứ nhất có 5 âm, câu thứ nhì 7 âm và câu

cuối lại 5 âm. Nếu ta để ý rằng tiếng Nhật vốn đa âm, ta mới càng ngạc nhiên về tính cách hàm súc của bài hài. 5 âm có thể chỉ là một chữ, như vậy có những câu chỉ có một chữ!

Đó là những tiết lộ lý thú trong cuộc nói chuyện của nhà văn Châm Vũ Nguyễn Văn Tần tại Viên Đại-học Vạn-hạnh sáng hôm Chủ nhật 16-7-67, cuộc nói chuyện do Báo Việt tổ chức.

Tiếp theo phần giới thiệu thơ bài hài dẫn giả giới thiệu danh thư bậc nhất của Nhật-bản về bài hài : đó là Tùng-vỹ Ba-Tiêu.

Nổi danh về bài hài xưa nay có bốn kẻ. Ba kẻ gọi là thi thần : Sơn kỳ Tông Giám, Hoang mộc Điền Thứ Vũ và Tùng Vinh Trinh Đức. Riêng kẻ thứ tư được tôn làm thi tiên, vị tiên này chính là Tùng Vỹ Ba Tiêu. Và đây là một bài của thi tiên :

*Kumo to hedatsu,
Tomo ka ya kari no,
Iki wakare.*

Thơ tiên được diễn giả dịch như sau :

*Bạn như đám mây nổi,
Ta như con vịt trời,
Sống dễ gặp nhau đấy,
Nhưng gặp dễ chia phôi.*

VIII 1967

TRANG THIÊN

SÁCH MỚI

— Hành trình sang Đông Phương : Nguyên tác của Hermann Hesse, bản dịch của Hoài-Thanh, do Ca dao xuất bản và dịch giả gửi tặng.

Sách dày 240 trang, tựa của André Gide, Hoài Khanh dịch theo bản Anh ngữ «The Journey to the East» của H Roemer Bản đặc biệt không để giá.